

THUYẾT MINH
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ MỸ AN,
HUYỆN PHÙ MỸ ĐẾN NĂM 2035

Cơ quan phê duyệt

UBND HUYỆN PHÙ MỸ

Kèm theo quyết định số 9691/QĐ-UBND ngày 12/12/2023

Cơ quan thẩm định

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN PHÙ MỸ

Kèm theo tờ trình số 92/TTr-KTHT ngày 11/12/2023

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch

BAN QLDA QHĐT-QHXD THUỘC UBND HUYỆN PHÙ MỸ

Kèm theo tờ trình số 99/TTr-QBL ngày 06/12/2023

Đơn vị tư vấn lập quy hoạch

CÔNG TY TNHH KHUÊ VĂN CÁC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Chủ nhiệm đồ án:	KTS. Ngô Quốc Bình
- Kiến trúc:	KTS. Nguyễn Văn Quang
	KTS. Nguyễn Duy
- Giao thông:	KS. Nguyễn Bá Tiến
- Chuẩn bị kỹ thuật:	KS. Huỳnh Thị Diễm
- Cấp nước:	KS. Huỳnh Thị Diễm
- Cấp điện, TTLL:	KS. Nguyễn Hữu Vinh
- VSMT, ĐMC:	KS. Huỳnh Thị Diễm
- Quản lý kỹ thuật:	KTS. Ngô Quốc Bình

MỤC LỤC

<u>1. MỞ ĐẦU: 6</u>	
<u>1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch: 6</u>	
<u>1.2. Tên đồ án quy hoạch: 6</u>	
<u>1.3. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch: 6</u>	
<u>1.4. Mục tiêu: 7</u>	
<u>1.5. Quan điểm, nguyên tắc phát triển: 7</u>	
<u>1.6. Cơ sở lập quy hoạch: 8</u>	
<u>2. TỔNG QUAN HIỆN TRẠNG: 10</u>	
<u>2.1. Điều kiện tự nhiên: 10</u>	
<u>2.2. Hiện trạng dân số, lao động: 12</u>	
<u>2.3. Hiện trạng sử dụng đất đai: 12</u>	
<u>2.4. Hiện trạng quản lý đô thị, kiến trúc cảnh quan xã. 14</u>	
<u>2.5. Hiện trạng kinh tế xã hội xã Mỹ An. 15</u>	
<u>2.6. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật: 25</u>	
<u>2.7. Rà soát đồ án quy hoạch, dự án đầu tư và tình hình thực hiện quy hoạch. 29</u>	
<u>2.8. Tình hình thực hiện quy hoạch trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay: 30</u>	
<u>2.9. Đánh giá tổng hợp hiện trạng. 32</u>	
<u>2.10. Những vấn đề cần giải quyết: 33</u>	
<u>3. DỰ BÁO SƠ BỘ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ: 33</u>	
<u>3.1. Các định hướng đối với TT Phù Mỹ: 33</u>	
<u>3.2. Tính chất đô thị: 37</u>	
<u>3.3. Quy mô đô thị: 37</u>	
<u>4. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN XÃ MỸ AN.. 40</u>	
<u>4.1. Quan điểm phát triển. 40</u>	
<u>4.2. Nguyên tắc phát triển. 40</u>	
<u>4.3. Các chiến lược phát triển. 41</u>	
<u>4.4. Chọn đất và hướng phát triển đô thị: 42</u>	
<u>4.5. Dự kiến tổ chức các khu chức năng chính đô thị: 42</u>	
<u>4.6. Cơ cấu phân khu chức năng: 43</u>	
<u>5. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ. 48</u>	
<u>5.1. Quan điểm và nguyên tắc thiết kế đô thị 48</u>	
<u>5.2. Khung tổng thể thiết kế đô thị 49</u>	
<u>5.3. Phân vùng cảnh quan. 49</u>	
<u>5.4. Trục không gian chính. 49</u>	
<u>5.5. Khu vực cửa ngõ. 50</u>	
<u>5.6. Các công trình điểm nhấn. 50</u>	
<u>5.7. Tổ chức không gian cây xanh: 50</u>	
<u>5.8. Hệ thống không gian mở: 51</u>	
<u>5.9. Chỉ dẫn thiết kế đô thị 52</u>	
<u>5.10. Chỉ dẫn thiết kế chiều cao công trình. 56</u>	

- [5.11. Chỉ dẫn thiết kế mật độ xây dựng. 56](#)
- [5.12. Quy định về kiểm soát hệ số sử dụng đất 57](#)
- [6. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.. 57](#)
- [6.1. Nguyên tắc chung về sử dụng đất đai 57](#)
- [6.2. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2035. 57](#)
- [6.3. Cân bằng sử dụng đất toàn khu. 59](#)
- [6.4. Quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng. 63](#)
- [7. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI. 68](#)
- [7.1. Định hướng quy hoạch trụ sở làm việc cơ quan hành chính: 68](#)
- [7.2. Định hướng quy hoạch công nghiệp. 69](#)
- [7.3. Định hướng quy hoạch dịch vụ thương mại 69](#)
- [7.4. Định hướng quy hoạch dịch vụ du lịch. 69](#)
- [7.5. Định hướng quy hoạch nông, lâm, ngư nghiệp. 70](#)
- [7.6. Định hướng phát triển Nhà ở. 71](#)
- [7.7. Định hướng quy hoạch cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. 72](#)
- [7.8. Định hướng quy hoạch cơ sở giáo dục đào tạo. 72](#)
- [7.9. Định hướng quy hoạch cơ sở văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí 72](#)
- [7.10. Định hướng đảm bảo an ninh nóquốc phòng. 73](#)
- [8. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT.. 73](#)
- [8.1. Quy hoạch giao thông. 73](#)
- [8.2. Quy hoạch cao đô nền xây dựng. 75](#)
- [8.3. Quy hoạch thoát nước mặt 77](#)
- [8.4. Quy hoạch cấp điện. 83](#)
- [8.5. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động. 85](#)
- [8.6. Quy hoạch cấp nước. 87](#)
- [8.7. Quy hoạch thu gom và xử lý nước thải 90](#)
- [8.8. Định hướng quản lý chất thải rắn. 92](#)
- [8.9. Quản lý nghĩa trang. 93](#)
- [8.10. Môi trường. 93](#)
- [9. KINH TẾ XÂY DỰNG.. 100](#)
- [9.1. Các giai đoạn phát triển. 100](#)
- [9.2. Chương trình chiến lược và dự án ưu tiên đầu tư.. 101](#)
- [9.3. Các giải pháp thực hiện. 102](#)
- [10. ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH QUẢN LÝ.. 102](#)
- [10.1. Yêu cầu chung. 102](#)
- [10.2. Yêu cầu về quy hoạch kiến trúc. 102](#)
- [10.3. Yêu cầu và hạ tầng kỹ thuật 102](#)
- [10.4. Yêu cầu về bảo vệ môi trường. 103](#)
- [11. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ. 104](#)
- [11.1. Kết luận. 104](#)
- [11.2. Kiến nghị 104](#)

PHẦN I- MỞ ĐẦU

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch

Xã Mỹ An nằm ở phía Đông huyện Phù Mỹ, cách trung tâm huyện lỵ 1km, trên địa bàn xã có tỉnh lộ ĐT632 đi qua, xen nhiều tuyến đường liên huyện, liên xã, có giới cận phía Bắc giáp xã Mỹ Phong, Mỹ Trinh, Nam giáp xã Mỹ Tài, Mỹ Hiệp, Đông giáp xã Mỹ Chánh Tây, Tây giáp với Thị trấn Phù Mỹ; có diện tích 2.011,83ha. Trong đó diện tích đất nông nghiệp 1.698,59ha, đất phi nông nghiệp 273,87 ha; Toàn xã có 07 thôn, với 2018 hộ, dân số 6.433 nhân khẩu. Số người trong độ tuổi lao động là: 4664 người, chiếm 72,5% dân số trên toàn xã.

Khi tiếp cận chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới Đảng ủy, HĐND, UBND xã nhận thấy đây là Chương trình rất thiết thực cho người dân, mang lại diện mạo mới cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn, là điều kiện rất tốt để huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng địa phương giàu đẹp. Được sự tham gia, ủng hộ tích cực của người dân, cùng với truyền thống cách mạng, đoàn kết vượt khó của địa phương, sự tích cực của cả hệ thống chính trị; năm 2021 xã Mỹ An đã về đích nông thôn mới.

Qua 10 năm triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt nói riêng và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới nói chung, đã có những chuyển biến tích cực, bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi về không gian, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, thu nhập bình quân đầu người được nâng cao, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện, quốc phòng an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Bên cạnh những mặt đạt được nêu trên, đến nay đồ án quy hoạch xây dựng xã Mỹ An đã hết thời gian thực hiện, đồng thời có một số nội dung không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển của xã. Đặc biệt đồ án quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đã đề ra định hướng mới về phát triển không gian đô thị, nông thôn và phát triển kinh tế xã hội cấp vùng huyện. Trong đó, xã Mỹ An cũng có những thay đổi trong cấu trúc phát triển các khu trung tâm xã, các khu ở nông thôn và các khu vực dịch vụ, sản xuất, phát triển kinh tế xã hội. Trên cơ sở đó, UBND huyện Phù Mỹ đã cho chủ trương điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng của các xã trên địa bàn huyện.

Căn cứ các tiền đề, cơ sở nêu trên, việc lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ đến năm 2035 nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và môi trường trong giai đoạn mới; đảm bảo sử dụng đất hợp lý,

có hiệu quả và bảo vệ môi trường sinh thái. Trở thành đô thị loại V vào giai đoạn sau năm 2025 theo định hướng của Quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ.

2. Tên đồ án quy hoạch

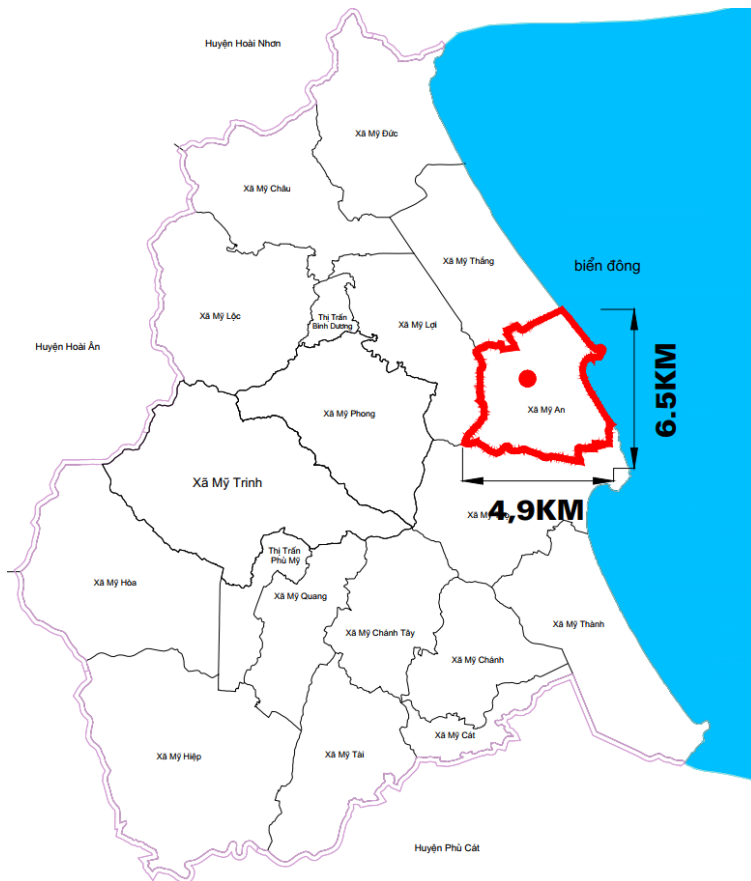
Quy hoạch chung xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ đến năm 2035.

3. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

3.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Khu vực lập quy hoạch là toàn bộ ranh giới hành chính xã Mỹ An; bao gồm 7 thôn: Thôn Hòa Ninh, Thôn Xuân Phương, Thôn Chánh Giáo, Thôn Thuận Đạo, Thôn Xuân Bình, Thôn Xuân Thạnh Nam, Thôn Xuân Thạnh.

3.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch và nghiên cứu



Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Mỹ An.

Diện tích nghiên cứu khoảng 2.224 ha.

3.3. Thời hạn lập quy hoạch

Thời hạn lập quy hoạch tuân thủ theo quy định của điều 30, Luật Xây dựng năm 2014, xác định thời gian lập quy hoạch chung đối với xã Mỹ An là 15 năm (từ năm 2021 đến năm 2035).

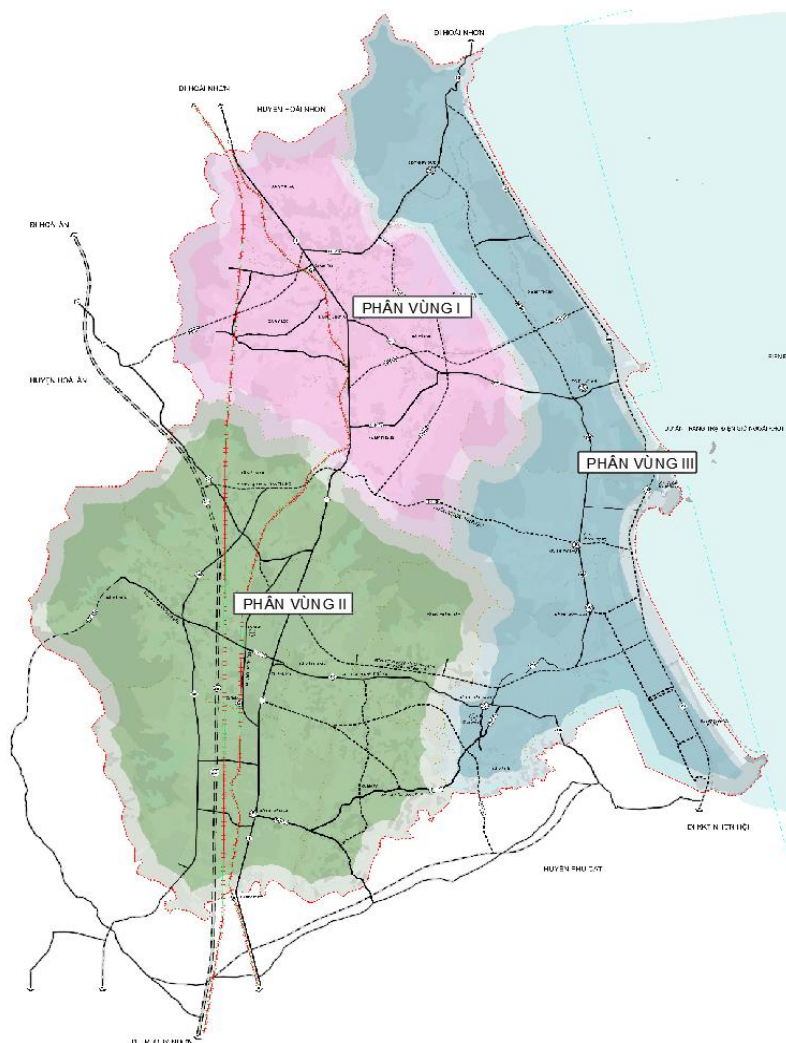
- Phân kỳ quy hoạch:

+ Giai đoạn ngắn hạn: từ năm 2021 đến năm 2030

+ Giai đoạn dài hạn: từ năm 2031 đến năm 2035

4. Tính chất, mục tiêu

4.1. Tính chất



Căn cứ Quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/5/2023.

Xã Mỹ An thuộc phân vùng III- Là phân vùng phát triển đô thị, du lịch biển.

Phát triển công nghiệp chế biến thủy sản ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển kinh tế biển, kết hợp với an ninh quốc phòng tại xã Mỹ Thành.

Phát triển năng lượng tái tạo, du lịch biển gắn với biển Đông và cảnh quan sinh thái của đầm Đê Gi theo định hướng của Quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035; phát triển mang tính đồng hành, tương hỗ với xã Phù Mỹ; định hướng chuyển đổi mạnh từ nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ.

4.2. Mục tiêu quy hoạch

Cụ thể hóa Quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/5/2023, làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã; Là cơ sở để lập các dự án, các chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý đối với các điểm dân cư nông thôn, các khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu sản xuất nông nghiệp, thủy sản, khu du lịch...

Rà soát các công trình, các dự án, các nguồn lực thực hiện, các tiêu chí quy hoạch nông thôn trong các đồ án quy hoạch xây dựng có liên quan giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn xã, từ đó điều chỉnh, bổ sung quy hoạch trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021 - 2035 (phân kỳ 2021 - 2030 và 2031 - 2035).

Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng hạ tầng xã hội, quỹ đất xây dựng các công trình sản xuất và các quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng.

Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hoàn thiện các tiêu chí, phấn đấu xã đạt nông thôn mới nâng cao vào năm 2030.

5. Quan điểm, nguyên tắc phát triển

- Quan điểm phát triển: Tôn trọng địa hình tự nhiên và cảnh quan môi trường; xây dựng công trình trên thềm địa hình, tránh san gạt lớn làm thay đổi lớn đến địa hình và cảnh quan; Phát huy tối đa các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch, đô thị; Hình thành kiến trúc công trình đặc sắc, hoà quyện với không gian cảnh quan địa phương, kiến tạo những giá trị mới cho tự nhiên và cho cảnh quan nhân tạo.

- Nguyên tắc phát triển: Cơ cấu quy hoạch, tổ chức và phân khu chức năng hợp lý, thống nhất giữa đô thị với nông thôn, giữa các khu dân cư với sự phát triển khu chức năng sử dụng đất mới; Bảo tồn và tiếp nối các giá trị cảnh quan, văn hoá bản địa; Xây dựng một đô thị hoàn chỉnh gắn với đặc trưng địa phương, gắn với tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường bền vững và phòng chống thiên tai, bảo lũ với các chức năng đảm bảo đô thị tự hoạt động tốt hơn, phát triển bền vững hơn trong tương lai; Tổ chức không gian đồng bộ về chỉ giới, mật độ xây dựng và tầng cao công trình; Hình thành mạng lưới giao thông nội bộ, giao thông công cộng hiện đại gắn kết các khu chức năng; Quy hoạch phải có tính khả thi và có tầm nhìn chiến lược, có phương án dự trữ phát triển để nắm bắt các cơ hội tốt trong tương lai.

6. Cơ sở lập quy hoạch

6.1. Các văn bản quy phạm pháp luật

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019;

Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Văn bản họp nhất 18/VBHN-VPQH ngày 13/12/2022 họp nhất Nghị quyết về phân loại đô thị do Văn phòng Quốc hội ban hành

Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Thông tư 05/2022/TTBNNPTNT ngày 01/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025”;

Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ,

an hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Văn bản số 2314/BNN-VPĐP ngày 13/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quan tâm, đẩy mạnh quy hoạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình đô thị hoá giai đoạn 2021-2025.

Các Luật chuyên ngành và văn bản dưới Luật khác có liên quan.

6.2. Các văn bản của tỉnh Bình Định và huyện Phù Mỹ

Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND huyện Phù Mỹ về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 6 tháng cuối năm 2022;

Nghị quyết số 04- NQ/ĐH ngày 14/8/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phù Mỹ lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Quyết định số 3692/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn năm 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025 để làm cơ sở đề xuất các giải pháp quy hoạch đảm bảo các quy định xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định;

Quyết định số 3849/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Đề án “Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025”;

Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Phù Mỹ;

Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND huyện Phù Mỹ về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ đến năm 2035.

Văn bản số 36 KH/UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai chương trình thực hiện phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa giai đoạn 2021-2026 trên địa bàn tỉnh.

Văn bản số 2752/SXD-QHKT ngày 18/8/2023 của Sở Xây dựng Bình Định về việc ý kiến nội dung đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ đến năm 2035.

6.3. Cơ sở quy chuẩn, tiêu chuẩn và tài liệu

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01/2021/BXD ban hành theo thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5 /2021 của Bộ Xây dựng.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật QCVN 07/2016/BXD ngày 26/07/2015 của Bộ Xây dựng;

Các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành của Việt Nam và những tài liệu khác có liên quan.

6.4. Cơ sở tài liệu, số liệu, bản đồ

Các tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội do địa phương và các cơ quan liên quan cung cấp.

Hồ sơ quy hoạch nông thôn mới đến năm 2020.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035.

Kế hoạch sử dụng đất huyện Phù Mỹ năm 2023;

Báo cáo số 102/BC– UBND ngày 17/6/2020 của UBND xã Mỹ An về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XIV và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Mỹ An năm 2022;

Bản đồ địa hình khu vực lập quy hoạch tỷ lệ 1/10.000;

Các số liệu, tài liệu kinh tế xã hội có liên quan;

Niên giám thống kê và các tài liệu thống kê trên địa bàn.

PHẦN 2- PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP

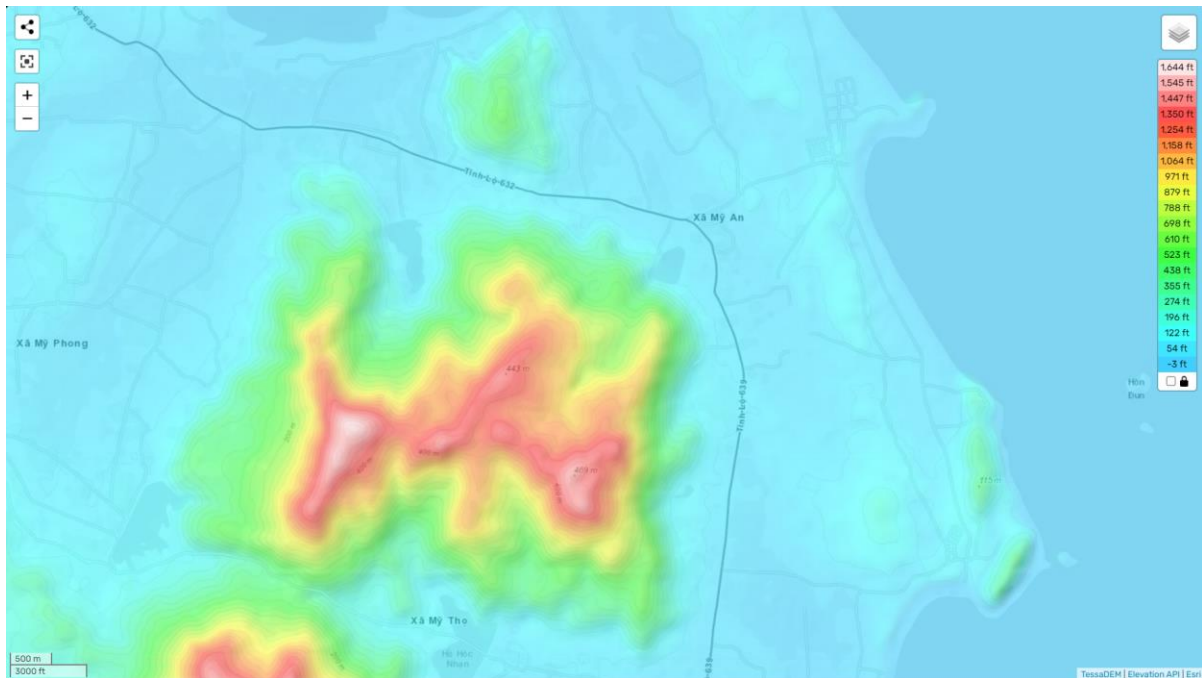
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Xã Mỹ An nằm phía Đông huyện Phù Mỹ, cách trung tâm xã Phù Mỹ 10km. Cách thành phố Quy Nhơn khoảng 65km. Có giới cận cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp: xã Mỹ Thắng.
 - + Phía Nam giáp: xã Mỹ Thọ.
 - + Phía Đông giáp: Biển Đông.
 - + Phía Tây giáp: xã Mỹ Lợi.
- Diện tích: 2.441 ha (xếp thứ 13 toàn huyện)
- Dân số (năm 2022): 8.900 người (xếp thứ 7 toàn huyện)

2. Địa hình, địa mạo



Hình: Bản đồ địa hình xã Mỹ An

Cao độ trung bình của xã Mỹ An: từ 3m đến 30m so với mực nước biển. Điểm cao nhất là đỉnh núi lớn với chiều cao khoảng 590m, Độ dốc hầu hết từ 5^0 , 10^0 , rất thuận lợi cho quy hoạch, xây dựng.

3. Khí hậu

Xã Mỹ An thuộc vùng khí hậu Duyên hải Nam Trung Bộ - miền khí hậu Đông Trường Sơn. Có hai mùa rõ rệt mùa khô từ tháng 01 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến hết tháng 12, trong mùa mưa thường chịu ảnh hưởng các cơn bão với tần suất trung bình từ 1 - 2 cơn/năm.

- Chế độ nhiệt: Tổng lượng bức xạ hàng năm khá cao: Từ 140 đến 150 cal/cm². Nhiệt độ trung bình hàng năm trên 26,6 độ C. Nhiệt độ thấp nhất trung bình: 24,0 độ C. Nhiệt độ cao nhất trung bình 30,8 độ C.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình năm từ 1.800 mm ÷ 2.000 mm phân bố theo 02 mùa. Mùa khô kéo dài trong 7 tháng (từ tháng 2 đến tháng 8), lượng mưa thấp chỉ chiếm khoảng 10 - 15% lượng mưa của cả năm, trong đó lượng nước bốc hơi rất cao, chiếm khoảng 65 - 68% tổng lượng bốc hơi của cả năm. Ngược lại vào mùa mưa kéo dài từ tháng 8 đến tháng 12, trong đó mưa tập trung vào tháng 9, tháng 10 và tháng 11 (chiếm từ 85 - 90% lượng mưa của cả năm).

- Độ ẩm không khí: Lượng bốc hơi bình quân hàng năm 1.187 mm. Độ ẩm không khí bình quân hàng năm 79,6%. Độ ẩm không khí tháng cao nhất 80%, thấp nhất 71%.

- Gió: mùa Đông thịnh hành gió Tây Bắc đến Bắc, mùa hạ hướng gió Đông đến Đông Nam, nhưng chiếm ưu thế trong nửa đầu mùa hạ là hướng Tây đến Tây Bắc.

Nhận xét: Nhìn chung, khí hậu của địa phương có nhiều thuận lợi, lượng mưa không quá nhiều, mùa Đông không có nhiệt độ quá thấp, nhiều nắng rất thích hợp cho việc phát triển du lịch, năng lượng mặt trời và phát triển kinh tế.

9

4. Thủy văn

Xã Mỹ An là xã ven biển, phía Đông huyện Phù Mỹ thuộc Tiểu vùng Bắc sông La Tinh. Vào mùa mưa lượng nước dồn nhanh về cù lao, mương Chánh Giáo đổ về đầm Châu Trúc, tạo nên dòng chảy lớn và xiết gây lũ ngập trên đường và các khu ruộng thấp.

5. Phân vùng cảnh quan

Địa phương có lợi thế cảnh quan đa dạng. Có thể phân ra các vùng cảnh quan như sau:

- Cảnh quan nông nghiệp.



Hình: Cảnh quan nông nghiệp

- Cảnh quan lâm nghiệp: Phần lớn diện tích rừng tại Mỹ An là rừng phòng hộ, có chức năng bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

- Cảnh quan Khu dân cư đô thị hóa: tập trung tại khu trung tâm xã hiện hữu, dọc theo các trục đường chính, phát triển về hình thức kiến trúc, quy mô công trình, kết hợp giữa chức năng ở và các hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại, xây dựng,...

- Cảnh quan Khu dân cư nông thôn: với hình thức kiến trúc nhà thấp tầng, kiến trúc truyền thống kiểu nhà vườn, biệt thự vườn, nhà ở kết hợp với khu vực sản xuất: vườn, ao, chuồng trại... mật độ xây dựng thấp, gắn liền với đồng lúa, khu sản xuất nông nghiệp, khu chăn nuôi và cảnh quan thiên nhiên.

- Cảnh quan biển: địa phương sở hữu đường bờ biển dài, bãi biển đẹp, chưa được khai thác để phát triển cảnh quan, dịch vụ, du lịch, tăng tiện nghi cho đô thị.



Hình: Cảnh quan tự nhiên hoang sơ
- Cảnh quan hồ, đập: địa phương có hồ Đá Bàn... có cảnh quan hoang sơ, giá trị khai thác du lịch tiềm năng.



Hình: Cảnh quan hồ Đá Bàn
- Cảnh quan tự nhiên có lợi thế để phát triển du lịch.



Hình: Cảnh quan Di tích lịch sử hồ Đá Bàn



Hình: Lăng ông Nam Hải (Xuân Thạnh)



Hình: Đua thuyền- Lễ hội cầu Ngư



Hình: Cảnh quan hòn Gành

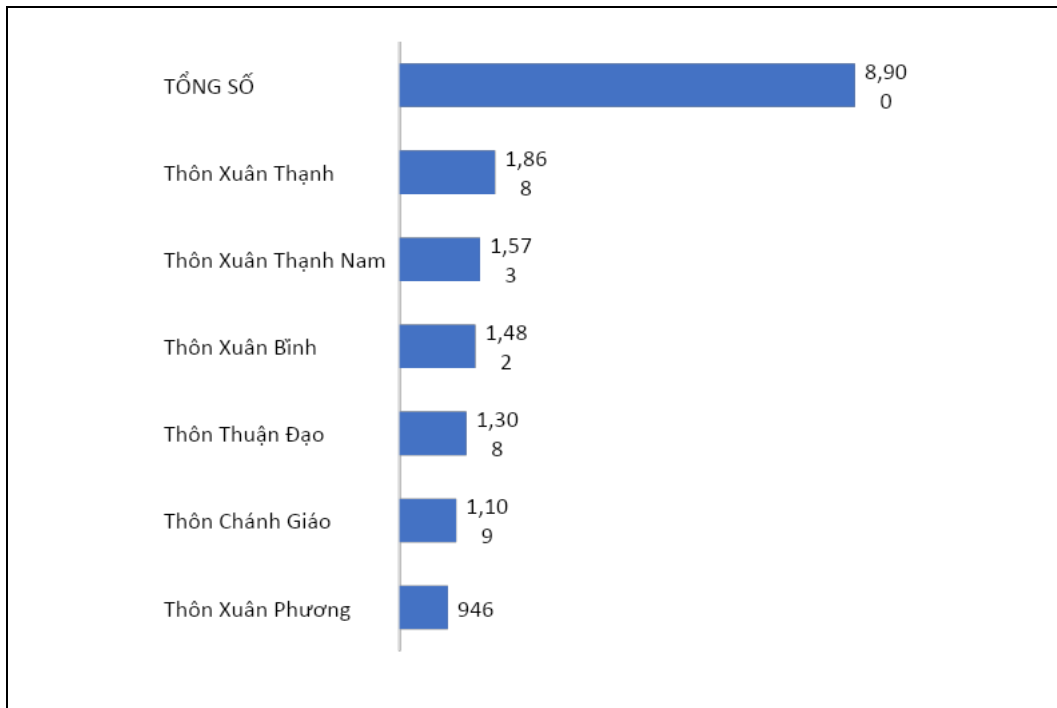
II. HIỆN TRẠNG DÂN SỐ, LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm dân số

Xã Mỹ An có quy mô dân số khoảng 8.900 người, khoảng 2.297 hộ.

Mật độ dân số bình quân: Mật độ dân số bình quân của xã khoảng 365 người/km², cao hơn so với mật độ dân số trung bình toàn huyện là 295 người/km².

TT	Tên thôn	Số người
1	Thôn Hòa Ninh	614
2	Thôn Xuân Phương	946
3	Thôn Chánh Giáo	1.109
4	Thôn Thuận Đạo	1.308
5	Thôn Xuân Bình	1.482
6	Thôn Xuân Thạnh Nam	1.573
7	Thôn Xuân Thạnh	1.868
	Tổng số	8.900



2. Đặc điểm lao động

Xã Mỹ An có tổng 7 thôn văn hóa, lực lượng lao động của địa phương có khoảng 6.675 người trong độ tuổi lao động, chiếm 60 % tổng dân số. Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 41,43%

III. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

Tổng diện tích tự nhiên khu vực nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 2.441 ha, trong đó đất nông nghiệp có diện tích 1.895,64 ha, chiếm 77,66 % tổng diện tích tự nhiên, đất phi nông nghiệp có 448,04 ha, chiếm 18,35 % tổng diện tích tự nhiên, đất chưa sử dụng có 97,57 ha, chiếm 4,0% tổng diện tích tự nhiên.

Bảng: Hiện trạng sử dụng đất đai khu vực lập quy hoạch

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	2.441	100
I	Đất nông nghiệp	1.895,64	77,66
II	Đất phi nông nghiệp	448,04	18,35
III	Đất chưa sử dụng	97,57	4,00
	<i>Cụ thể</i>		
I	Đất nông nghiệp	1.895,64	77,66
1	Đất trồng lúa	260,50	
2	Đất trồng cây hàng năm khác	312,01	
3	Đất trồng cây lâu năm	276,66	
4	Đất rừng phòng hộ	803,28	
6	Đất rừng sản xuất	132,18	

7	Đất nuôi trồng thủy sản	110,17	
9	Đất nông nghiệp khác	0,83	
II	Đất phi nông nghiệp	448,04	18,35
1	Đất quốc phòng	4,70	
2	Đất an ninh	0,30	
3	Đất cụm công nghiệp	8,00	
4	Đất thương mại, dịch vụ	4,53	
5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,25	
6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	8,72	
7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	3,00	
8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	288,28	
8.1	<i>Đất giao thông</i>	88,95	
8.2	<i>Đất thủy lợi</i>	17,15	
8.3	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	1,68	
8.4	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	0,37	
8.5	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	4,83	
8.6	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	0,80	
8.7	<i>Đất công trình năng lượng</i>	77,53	
8.8	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	0,31	
8.1 0	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	1,13	
8.1 1	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	1,00	
8.1 2	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ</i>	94,28	
8.1 3	<i>Đất chợ</i>	0,24	
9	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,77	
10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,65	
11	Đất ở tại nông thôn	82,99	
12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,70	
13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,05	
14	Đất tín ngưỡng	0,49	
15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	15,81	
16	Đất có mặt nước chuyên dùng	27,82	
III	Đất chưa sử dụng	97,57	4,00

(Nguồn: Tổng hợp báo cáo kiểm kê đất đai Xã Mỹ An năm 2022)

2.4. Hiện trạng quản lý xây dựng, kiến trúc cảnh quan



Hình: Kiến trúc, cảnh quan khang trang, chất lượng nhà ở kiên cố



Hình: Kiến trúc làng chài ven biển (Xuân Thạnh, Xuân Thạnh Nam)

Trong khu vực nghiên cứu, tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố đạt 100%, không có nhà dột nát.

Nhà ở liền kề theo dạng nhà vườn, lô phố, tập trung ở dọc các tuyến đường chính trong khu vực xã như đường tỉnh 632, đường tỉnh 639, ngã 4 Chánh Giáo, cảnh quan đô thị khang trang, sạch đẹp, công trình nhà ở cao trung bình 1-2 tầng, chất lượng khá kiên cố.

Bên cạnh đó, xã đã phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan của huyện triển khai hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách, người có công, hộ có hoàn cảnh khó khăn.

IV. HIỆN TRẠNG KINH TẾ XÃ HỘI

1. Hiện trạng hạ tầng kinh tế

1.1. Công nghiệp- Xây dựng- Dịch vụ - Thương mại – du lịch

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 18,7%/năm (NQĐH XIV 18,3%); lĩnh vực thương mại, dịch vụ tăng bình quân 16%/năm (NQĐH XIV 17,5%). Chủ yếu tập trung phát triển các ngành nghề như vận tải, cơ khí, đồ gỗ, xây dựng, xay xát, kinh doanh xăng dầu, cung ứng vật tư, dịch vụ ăn uống, giải khát, sản xuất tôm giống, chế biến cá cơm xuất khẩu, chế biến thủy sản... chất lượng sản phẩm được người tiêu dùng chấp nhận. Hiện nay, toàn xã có 10 doanh nghiệp tư nhân, 18 cơ sở sản xuất ngành tiểu thủ công nghiệp – xây dựng, 365 cơ sở hoạt động ngành thương mại - dịch vụ; góp phần giải quyết việc làm tại chỗ cho 400 lao động. Chợ Mỹ An tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, thu hút đông đảo lượng người trong, ngoài xã đến giao lưu mua bán đa dạng các chủng loại hàng hóa ngày càng phát triển.

Du lịch: Trên địa bàn xã chưa có điểm du lịch, có 01 di tích lịch sử. Tuy nhiên, trong tương lai gần xã Mỹ An là cầu nối, là trung tâm để phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm của huyện gắn với các địa danh, địa điểm như: mũi Đầm Châu Trúc (Mỹ Châu), khu DTLT hồ Đá Bàn, du lịch cộng đồng gắn với văn hóa làng chài Xuân Thạnh, lễ hội cầu ngư 15/6AL hàng năm với các hoạt động, chương trình thu hút lượng lớn người tham gia.

Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch: Hiện trên địa bàn xã có rất ít khách sạn, nhà hàng được xếp hạng sao theo tiêu chuẩn của ngành du lịch. Có một số nhà nghỉ, khách sạn tư nhân quy mô nhỏ phục vụ nhu cầu công tác, thăm quan quy mô nhỏ và ngắn ngày.





Hình: Quang cảnh lễ hội cầu ngư ba thôn Thạnh- Bình- Nam

1.2. Sản xuất Nông – Lâm - Ngư nghiệp

a) Về trồng trọt

Giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm 12,7%. Giá trị sản phẩm/ha canh tác năm 2020 đạt 112,5 triệu đồng (NQĐH XIV 110 triệu đồng), tăng 20,54% so năm 2015. Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đạt kết quả tích cực, cơ bản cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp (toàn xã có 27 máy cày, 6 máy gặt đập, 7 máy xay xát gạo, 6 máy san ủi, 6 máy đào và hàng trăm phương tiện cơ giới nhỏ phục vụ sản xuất nông nghiệp). Đến năm 2020, diện tích cây lúa ổn định 343 ha, năng suất 58 tạ/ha, tăng 2 tạ/ha so với năm 2015, sản lượng 1.989,5 tấn; cây ngô 27,5 ha, sản lượng 154 tấn; cây đậu phộng 21,5 ha, sản lượng 94,7 tấn; mè 7 ha, sản lượng 16,8 tấn; rau dưa các loại 72,75 ha, (tăng 3,5 ha), trong đó diện tích cây ớt 41ha (tăng 28 ha) sản lượng 945,7 tấn. Trong 5 năm, đã tập trung xây dựng 3 cánh đồng mẫu sản xuất cây lúa với tổng diện tích trên 30 ha, năng suất bình quân 63,5 tạ/ha, cao hơn so với ruộng ngoài mô hình 5,5 tạ/ha.



Hình: Đồng trồng ớt khu vực Hòa Ninh

b) Chăn nuôi

Ngành chăn nuôi tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng; một số mô hình chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại bước đầu có hiệu quả, toàn xã hiện có 1 trang trại và hàng trăm gia trại chăn nuôi heo, chăn nuôi gia cầm. Tổng số đàn trâu bò có 1.416 con, giảm 65 con so năm 2015, bò lai chiếm 85,2% (NQĐH XIV 80%); đàn heo 2.153 con, giảm 247 con so năm 2015; đàn gia cầm 44.637 con, tăng 1.252 con so năm 2015. Nhờ thường xuyên chỉ đạo thực hiện đồng bộ các biện pháp thú y, phòng chống dịch bệnh nên đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định, góp phần tăng giá trị trong chăn nuôi. Giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm 2,8%.

c) Lâm nghiệp

Sản xuất lâm nghiệp phát triển khá, giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm 1,37%. Đã trồng mới 26,7 ha rừng tập trung (NQĐH XIV đề ra 31 ha). Tổng diện tích rừng sản xuất đến năm 2020 là 169,3 ha (NQĐH XIV 173 ha), hàng năm khai thác và trồng mới 5,3 ha rừng (NQĐH XIV 6,2 ha). Tỷ lệ độ che phủ rừng chiếm 43,3% (NQĐH XIV 45%). Công tác quản lý, bảo vệ và phòng, chống cháy rừng được tăng cường.

d) Thủy sản

Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, phát triển đồng bộ. Tổng số tàu thuyền năm 2020 là 76 chiếc, giảm 21 chiếc so với năm 2015, với tổng công suất 24.960 CV; trong đó tàu đánh bắt xa bờ 27 chiếc (NQ ĐH XIV đề ra 20-22 chiếc). Áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật trong nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản, nhất là nuôi tôm trên cát. Năm 2020, sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 5.462 tấn (NQ ĐH XIV đề ra 5.250 tấn), tăng 1,04% so với năm 2015. Diện tích nuôi tôm 31ha, năng suất bình quân 22,7 tấn/ha, sản lượng 703,7 tấn. Ngoài ra ngư dân còn đánh bắt tôm hùm giống khoảng 25.000 con tăng 47% so với năm 2015. Công tác tuyên truyền vận động nhân dân đóng mới tàu thuyền, trang thiết bị máy móc có công suất lớn để đánh bắt xa bờ, hưởng các chính sách ưu đãi theo Quyết định 48 của Chính phủ với tổng số tiền 6,5 tỷ đồng. Ngoài ra còn vận động 10 tàu thuyền có công suất lớn trên 400CV tham gia trực tiếp đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Đánh bắt, khai thác, nuôi trồng thủy hải sản là ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương. Sản lượng khai thác không ngừng tăng theo từng năm. Cùng với đó, xã hướng dẫn nông dân cải tạo ao đầm, nuôi trồng thủy hải sản, nâng cao giá trị sản xuất. Đến cuối năm 2021, giá trị ngành đánh bắt nuôi trồng thủy sản của xã đạt hơn 135 tỷ đồng, chiếm trên 69,8% tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của xã. Để nâng cao giá trị sản xuất, xã vận động và tạo điều kiện cho ngư dân

vay vốn, đầu tư mua sắm ngư lưới cụ, cải hoán tàu thuyền có công suất lớn, vươn khơi, bám biển.



Hình: Bến cá Xuân Thạnh

2. Hiện trạng hạ tầng xã hội

2.1. Công trình công cộng

a) Trụ sở Đảng ủy- HĐND- UBND- UBMTTQVN xã Mỹ An

- Vị trí: thôn Chánh Giáo
- Quy mô: 2 tầng
- Diện tích khuôn viên: khoảng 7.400m²



Hình: Trụ sở Đảng ủy- HĐND- UBND- UBMTTQVN xã Mỹ An

b) Công an xã



Hình: Trụ sở, nhà làm việc Công an xã Mỹ An

- Vị trí: thôn Xuân Phương
- Quy mô: 01 tầng.
- Diện tích khuôn viên: khoảng 1.500m²

2.2. Về giáo dục – đào tạo

Giáo dục đào tạo phát triển toàn diện, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên. Công tác xã hội hóa giáo dục và khuyến học, khuyến tài được đẩy mạnh; cơ sở vật chất trường học được tăng cường. Thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục trong việc huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng. Cơ sở vật chất các trường từng bước được khang trang, kiên cố, mua sắm đồ dùng, dạy và học.

- Trường THCS:



Hình: Trường THCS Mỹ An

- Trường Tiểu học:



Hình: Trường Tiểu học số 1 Mỹ An (Chánh Giáo)



Hình: Trường Tiểu học Mỹ An- cơ sở 2 (Xuân Bình)

- **Trường mẫu giáo:** UBND xã phối hợp với các trường thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học các cấp đạt chuẩn theo quy định, nâng cấp hệ thống các công trình phụ như tường rào, cổng ngõ, công trình vệ sinh,... để phục vụ tốt nhu cầu dạy và học của nhà trường.



Hình: Trường mẫu giáo Mỹ An (Chánh Giao)



Hình: Trường mẫu giáo Mỹ An (Xuân Thạnh)

2.3. Về y tế

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trạm y tế duy trì đạt chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã. Vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm được đảm bảo, không có ca ngộ độc thực phẩm xảy ra.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh cho nhân dân được quan tâm, tiêm chủng mở rộng đạt 100%. Các chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế, dân số, phòng chống các bệnh xã hội và chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình được phối hợp thực hiện. Tỷ lệ tham gia BHYT đạt 100% dân số. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 0,4%, (NQĐH XIV giảm còn 0,5%). Tình trạng sinh con thứ 3 trở lên được hạn chế, tỷ suất sinh giảm bình quân 1,17⁰/₁₀₀/năm (NQĐH XIV giảm 0,15⁰/₁₀₀). Tiếp tục giữ vững đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế.

2.4. Sự nghiệp văn hóa xã hội và hệ thống công trình văn hóa- thể thao, di tích

a) Nhà Văn hóa xã- Sân thể thao

Xã có nhà văn hóa và hội trường đa năng chung với khu đất UBND xã, phục vụ cho hội họp, hàng năm UBND xã và các đoàn thể tổ chức các lễ hội, phong trào, hoạt động tại hội trường xã và sân vận động.

Khu thể dục thể thao nằm riêng biệt với nhà Văn hóa xã. Sân vận động xã có diện tích 10.800 m², thường xuyên tổ chức các hoạt động thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân trong xã tham gia, đảm bảo nhu cầu hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn xã, đạt chuẩn theo quy định.



Nhà Văn hóa xã



Khu thể thao xã

b) Trụ sở nhà văn hóa- sân thể thao thôn

Diện tích khuôn viên Nhà văn hóa thôn từ 300 m² trở lên, diện tích xây dựng của mỗi nhà văn hóa thôn là 100 m² trở lên, sức chứa trên 100 chỗ ngồi và được trang bị đầy đủ các thiết bị như: Cờ Tổ quốc, cờ Đảng, tượng Bác Hồ, băng khẩu hiệu, cờ trang trí, phong màn, bàn ghế,... để phục vụ các hoạt động của thôn, các nhà văn hóa thôn đã xây dựng tường rào cổng ngõ, có sân bóng chuyên để phục vụ các hoạt động thể dục thể thao của thôn.



Cổng thôn VH Xuân
Phương



Cổng thôn VH Xuân
Thạnh Nam



NVH thôn Xuân
Thạnh



NVH thôn Xuân Bình

Giữ vững 7/7 thôn văn hóa, đạt tỷ lệ 100%.

Toàn xã có 2.178/2.297 hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 94,8%.

Bảng: Thống kê hệ thống thiết chế Văn hóa thể thao cấp thôn

TT	Nhà văn hóa	Diện tích (m ²)	Tình trạng	Đánh giá
1	NVH Thôn Chánh Giáo	0,09		Đạt
2	NVH Thôn Hòa Ninh	0,25		Đạt
3	NVH Thôn Thuận Đạo	0,18		Đạt
4	NVH Thôn Xuân Bình	0,26		Đạt
5	NVH Thôn Xuân Phương	0,03		Cần mở rộng
6	NVH Thôn Xuân Thạnh	0,08		Đạt
7	NVH Thôn Xuân Thạnh Nam	0,05		Cần mở rộng

2.5. Công trình dịch vụ thương mại

Mỹ An có 01 chợ xã, nằm tại khu vực Chánh Giáo.

Quy mô: khoảng 2.445,53 m²

Chợ Mỹ An tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, thu hút đông đảo lượng người trong, ngoài xã đến giao lưu mua bán đa dạng các chủng loại hàng hóa ngày càng phát triển.



Hình: Chợ Mỹ An



Hình: Chợ cá Mỹ An (Xuân Thạnh)

2.6. Công trình bưu chính- viễn thông

Xã đã được cung cấp các dịch vụ bưu chính cơ bản do bưu điện xã và các điểm dịch vụ internet trên địa bàn xã. Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình có nhiều đổi mới, chất lượng chương trình được nâng cao, ngoài các chương trình của trung ương còn có các chương trình của địa phương với các nội dung thiết thực như khuyến nông, khuyến lâm, xây dựng nếp sống văn hoá mới.

Trên địa bàn xã có 01 công trình bưu điện văn hóa. Vị trí: tại thôn Chánh Giáo. Quy mô khoảng 800m².

2.7. Hợp tác xã

Xã có thành lập Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp theo tiêu chí nông thôn mới. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, dịch vụ góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội trên địa bàn xã phát triển. Tập trung liên kết sản xuất mở rộng các loại hình kinh doanh, dịch vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động trên một số lĩnh vực thiết yếu như tín dụng nông thôn, dịch vụ sản xuất nông nghiệp.

2.8. Nhà ở nông thôn

Hiện nay, trên địa bàn xã không còn nhà tạm, nhà dột nát; tổng số nhà ở toàn xã khoảng 2.297 nhà, cơ bản đạt tiêu chuẩn.



Nhà ở khu trung tâm thuộc khu vực Chánh Giáo



Nhà ở trên trục đường ĐT 632 thuộc khu vực Hòa Ninh

2.9. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn được đầu tư, nâng cấp, mở rộng; nhiều mô hình sản xuất được hình thành, đem lại hiệu quả thiết thực; bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc; đời sống của người dân ngày càng được cải thiện.

29

3. Kết quả đạt được

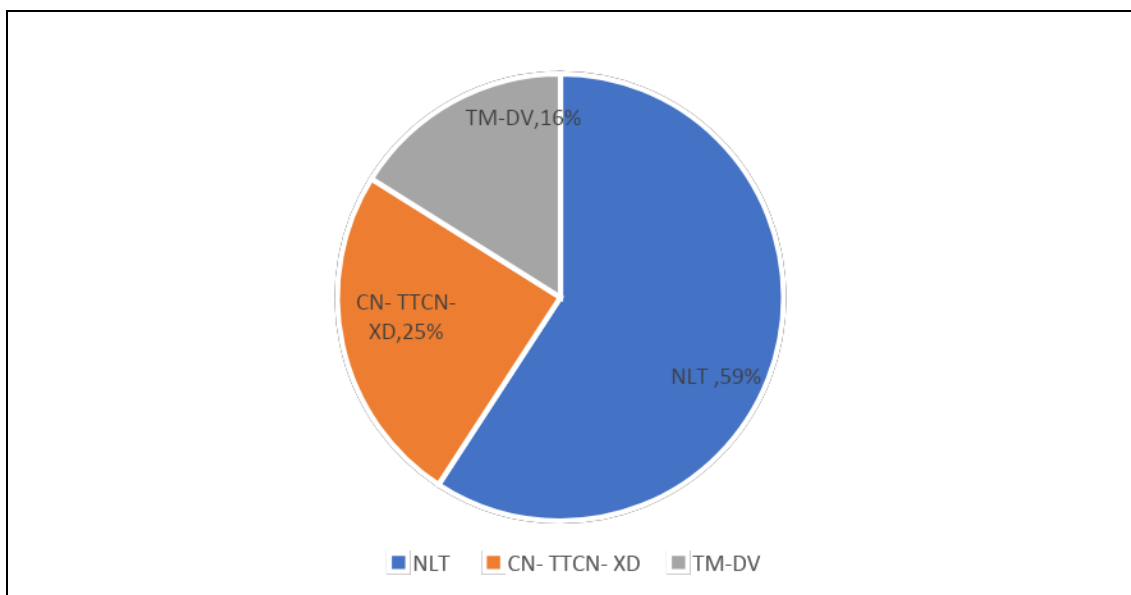
Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 11,5%/ năm;

Tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng 30% /năm;

Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,5%/năm;

Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt **47,7** triệu đồng/người. năm.

TT	Ngành	Tỷ lệ (%)
1	Nông lâm, thủy sản	59,2
2	Công nghiệp - XD	24,7
3	Thương mại dịch vụ	16,1



V. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Giao thông

1.1. Giao thông đối ngoại

Khu vực Xã Mỹ An có 2 tuyến đường tỉnh: ĐT 632, ĐT 639, kết nối các xã và trung tâm các tiểu vùng của Huyện.

+ Đường ĐT 632: Kết nối với trung tâm huyện Phù Mỹ. Đoạn qua xã có chiều dài tuyến khoảng 6 km.

+ Đường ĐT 639: Điểm đầu tuyến vào xã Mỹ An tại thôn Chánh Đạo, chạy dọc phía Đông xã đến giáp Mỹ Thắng ở phía Bắc. Đoạn qua xã dài khoảng 7km.



Đường VBQG



Đường ĐT 632



*Đường ĐT 632 từ
ngã 4 Chánh Giáo đi
ĐT 639*

1.2. Giao thông đối nội

- Đường trục thôn, liên thôn được bê tông hoá đạt 100%;
- Đường ngõ xóm được bê tông hoá khoảng 20,7km (đạt 94,5%);
- Đường nội đồng được cứng hoá, đảm bảo vận chuyển hàng hoá quanh năm (90%);
- Kênh mương do xã quản lý được bê tông đạt 10,5km (chiếm trên 84%)



Đường nông thôn



Đường trước UBND xã

2. Cao độ nền xây dựng

Hiện tại khu dân cư và các trung tâm hành chính nằm rải rác ven trục đường ĐT 632. Tại trung tâm xã cao độ nền hiện trạng các công trình xây dựng từ 10÷50(m). Khu vực còn lại hầu như chưa khai thác xây dựng do độ dốc tương đối bằng phẳng, rất thuận lợi cho xây dựng.

3. Thoát nước mặt

Phía Bắc đường ĐT 632 nước theo mương, cống, tự chảy theo cù Lao, thoát về đầm Châu Trúc

Phía Nam đường ĐT 632, nước mưa tự thoát về hướng Nam, về đồng Chánh Đạo, tiêu thoát về bầu Chánh Trạch, Mỹ Thọ.

Hệ thống cống thoát nước được kết hợp thoát nước thải chủ yếu nằm dọc các trục đường nhựa. Kết cấu cống chủ yếu là cống xây có nắp đan. Đường bê tông đi vào hộ dân hầu như chưa có hệ thống thoát nước bị ngập cục bộ khi mưa lớn.

Nước mưa tự chảy, tập trung về các tuyến cống xây sau đó thoát về đầm Châu Trúc ở phía Bắc, thoát về Bầu Chánh Trạch (Mỹ Thọ ở phía Nam). Nước sinh hoạt vẫn thoát chung nên tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn xảy ra.

4. Thủy lợi

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt trên 80%. Hệ thống tưới và tiêu nước trong toàn xã đạt 94% diện tích.

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh, giữ vai trò quan trọng trong việc điều tiết nước, hạn chế ngập úng và thiếu nước vùng sản xuất nông nghiệp.

Chất lượng các đập và kênh dâng đáp ứng được hầu hết nhu cầu sản xuất nông nghiệp của xã.



Hình: Hồ Đá Bàn

5. Cấp nước

100% hộ dân trên địa bàn xã được sử dụng nước hợp vệ sinh

33

6. Cấp điện

UBND xã đã phối hợp với ngành điện thường xuyên duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện trên địa bàn để đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, tuyên truyền người dân thường xuyên kiểm tra, nâng cấp các hệ thống trụ điện, dây điện từ lưới điện đến nơi sử dụng để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

6.1. Nguồn điện

Nguồn điện lấy từ trạm biến áp 110KV Phù Mỹ (110KV/22KV- 2x40MVA)

Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100% tổng số hộ trong xã. Thời gian đến, cần có kế hoạch nâng cấp một số tuyến để đảm bảo nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Mức độ đáp ứng yêu cầu về điện cho sản xuất 100%.

6.2. Lưới điện

Hệ thống điện trên địa bàn xã luôn được sửa chữa nâng cấp và quan tâm đầu tư. Đảm bảo khả năng cung cấp điện ổn định, an toàn theo quy chuẩn của ngành điện cho nhân dân trên địa bàn xã.

Hệ thống điện lưới Quốc gia đã được kéo đến 7/7 thôn trên địa bàn. 100% số hộ được sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia.

6.3. Điện chiếu sáng

UBND xã đã vận động nhân dân tự đóng góp, thực hiện thấp sáng điện đường nông thôn, giúp bộ mặt nông thôn khởi sắc, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự được giữ vững, tai nạn giao thông giảm đáng kể.

6.4. Trạm biến áp

Toàn xã có 38 trạm biến áp, điện được cung cấp qua hệ thống đường dây hạ áp và hệ thống công tơ đo đếm điện năng phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân được đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

T T	Tên trạm	Công suất (kVA)	Hình ảnh
	Tổng cộng	9.870	
1	Thôn 4.2	160	
2	Phú Lộc	250	
3	Thôn 7.1	160	
4	Thôn 4.1	75	
5	The The	37.5	
6	Xuân Phương	250	
7	Xuân Phương 2	160	
8	Xuân Phương 3	100	
9	Thôn 7	250	
10	UB Mỹ Thắng	250	
11	Thôn 8	250	
12	Thôn 10.2	100	
13	Thôn 10	250	
14	Xóm Nhỏ	75	
15	Thôn 11	180	
16	Thôn 9	400	
17	Hawaii	160	
18	Mỹ Thắng	250	
19	Thôn 8 Đông	160	
20	Nuôi Tôm Thôn 8.1	560	
21	Nuôi Tôm Thôn 9.3	750	
22	Nuôi Tôm Thôn 9.4	320	

23	Thuận An 2	160
24	Thuận Đạo	250
25	Hòa Ninh	160
26	Chánh Giáo	250
27	Xuân Thạnh	320
28	Xuân Thạnh 2	400
29	Xuân Thạnh 3	160
30	Xuân Thạnh 4	250
31	Xuân Thạnh 5	250
32	Xuân Thạnh 6	250
33	Việt Úc	1000
34	Làng Nghê Mỹ An	250
35	TDC Mỹ An	160
36	TDC Mỹ An 2	250
37	Nuôi Tôm Thôn 7-2	400
38	Nuôi Tôm Thôn 7-3	250

Đánh giá chung:

Lưới điện trung thế đã được xây dựng hoàn chỉnh, đảm bảo cung cấp cho dân cư hiện trạng.

Lưới điện hạ thế cung cấp cho các khu dân cư hiện trạng, phù hợp cấp điện cho trong giai đoạn trước mắt.

Phụ tải chủ yếu là sinh hoạt và công cộng. Bình quân tiêu thụ điện năng theo đầu người đạt chuẩn với tiêu chuẩn nông thôn.

35

7. Hạ tầng viễn thông thụ động

7.1. Bưu chính: Xã đã được cung cấp các dịch vụ bưu chính cơ bản do bưu điện xã và các điểm dịch vụ internet trên địa bàn xã. Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình có nhiều đổi mới, chất lượng chương trình được nâng cao, ngoài các chương trình của trung ương còn có các chương trình của địa phương với các nội dung thiết thực như khuyến nông, khuyến lâm, xây dựng nếp sống văn hoá mới.

7.2. Viễn thông: Mạng cáp đã được xây dựng trên các trục đường chính đáp ứng nhu cầu của người dân, tuy nhiên vẫn sử dụng cáp đi nổi gây mất mỹ quan và an toàn. Mạng điện thoại di động đã phủ sóng toàn bộ; dịch vụ Bưu chính – Viễn thông ngày càng phát triển và mở rộng. Toàn xã có 06 trạm viễn thông phân bố đều trên địa bàn.

100% số thôn có hộ gia đình sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất, dịch vụ thông tin di động mặt đất và dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định mặt đất, dịch vụ truy nhập internet trên mạng viễn thông di động mặt đất theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

8. Hiện trạng thoát nước, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang

8.1. Thu gom và xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước hiện có ở xã Mỹ An là hệ thống thoát nước chung (thoát chung cho cả nước bẩn và nước mưa).

Nước thải từ các công trình được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó xả vào hệ thống thoát nước chung.

8.2. Thu gom và xử lý chất thải rắn

a) Chất thải sinh hoạt, sản xuất

Hiện nay, công tác thu gom và xử lý CTR do UBND huyện Phù Mỹ quản lý. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn đạt trên 99%. UBND xã đã thành lập và kiện toàn Tổ thu gom rác thải bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng và có tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

UBND xã phối hợp cùng các hội đoàn thể thực hiện tuyên truyền người dân ở khu vực dân cư xa tuyến đường giao thông chính, có sân vườn rộng tiến hành xử lý rác tại hộ gia đình bằng hình thức chôn lấp tại chỗ.

Tuyên truyền người dân không vứt rác bừa bãi, tập kết CTR đúng vị trí để tiến hành thu gom, xử lý đúng quy định.

Các điểm dân cư tập trung có đường giao thông tiếp cận được thu gom và xử lý theo quy định. Bên cạnh đó còn có các hình thức tuyên truyền khác như: Hội đoàn thể xã nhận các tuyến đường tự quản để vận động hộ dân ở hai bên đường ra quân dọn vệ sinh để đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp và trồng cây xanh tạo cảnh quan, thẩm mỹ.

Đối với hộ chăn nuôi tuyên truyền người dân sử dụng hầm Biogas hoặc chăn nuôi bằng đệm lót sinh học để giảm mùi hôi thối, đồng thời tận dụng hiệu quả chất thải trong chăn nuôi.

b) Chất thải y tế: Đối với rác thải nguy hại, vật sắc nhọn được thu gom toàn bộ, chuyển về Trung tâm y tế Phù Mỹ để xử lý theo quy định.

8.3. Nghĩa trang

a) Nghĩa trang liệt sĩ: Xã Mỹ An có 1 nghĩa trang liệt sĩ, vị trí ở thôn Chánh Giáo.

b) Nghĩa trang nhân dân: Nghĩa trang 3 thôn Thạnh Bình Nam là nghĩa trang nhân dân lớn nhất tại địa phương.

9. Hiện trạng hạ tầng sản xuất và môi trường

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 85% trở lên.

Các công trình thủy lợi thường xuyên sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, nạo vét kênh mương và đập đầu mối đảm bảo nước tưới tiêu cho địa phương.

Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ. Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn xã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; có kế hoạch ứng phó, phòng, chống thiên tai – tìm kiếm cứu nạn hàng năm sát với tình hình thực tế tại địa phương

Đánh giá chung: Hệ thống thủy lợi về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp trong xã tuy vậy cần nâng cấp thêm các tuyến kênh mương để đảm bảo cho hoạt động sản xuất được thuận lợi.

VI. RÀ SOÁT ĐỒ ÁN QUY HOẠCH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Đánh giá, cập nhật các quy hoạch, dự án đã, đang triển khai trên địa bàn xã

1.1. Đánh giá, cập nhật quy hoạch

- Xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ bắt tay xây dựng NTM vào năm 2015, bằng sự nỗ lực, chung sức, đồng lòng của cấp ủy Đảng, Chính quyền và nhân dân xã Mỹ An đã hoàn thành kế hoạch đề ra, cán đích NTM vào cuối năm 2021.

- Quy hoạch chi tiết khu tái định cư vùng triều cường .

- Quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ.

1.2. Dự án đang triển khai

a) Giao thông

- Tuyến VBQG từ Mỹ Thành đi Lại Giang (Giai đoạn 2021- 2027)

b) Quy hoạch

- Nhà máy điện gió ngoài khơi Mỹ An (1.000 MW)

2. Tình hình thực hiện quy hoạch trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện chương trình MTQG

Quy hoạch chung xã nông thôn mới, xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ đến năm 2020 đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 7234/QĐ-UBND ngày 12/11/2012.

Xã Mỹ An về đích NTM năm 2021.

Công tác thực hiện chương trình MTQG về xây dựng NTM được chú trọng. Đến nay, qua rà soát bộ tiêu chí xây dựng NTM của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, xã Mỹ An đạt chuẩn 14/19 tiêu chí. Phần đầu cuối năm 2023 đạt 5 tiêu chí còn lại gồm: Tiêu chí 1: Quy Hoạch; Tiêu chí 2: Giao thông (2.4); Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (13.3); Tiêu chí 15: Y tế (15.4); Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm (17.1; 17.6; 17.11). Riêng tiêu chí 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn còn lệ thuộc và dự án nước sạch.

2.2. Đánh giá sơ bộ theo Văn bản hợp nhất 18/VBHN-VPQH ngày 13/12/2022 hợp nhất Nghị quyết về phân loại đô thị do Văn phòng Quốc hội ban hành

Xã Mỹ An định hướng là đô thị loại V giai đoạn 2026- 2030, theo định hướng của quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ.

Thực hiện đánh giá sơ bộ theo các tiêu chuẩn của tiêu chí phân loại đô thị theo Văn bản hợp nhất 18/VBHN-VPQH, Xã Mỹ An đạt 43 /100 điểm, chưa đạt tiêu chuẩn đô thị loại V (tối thiểu 75 điểm)

Bảng đánh giá hiện trạng phân loại đô thị của xã Mỹ An

Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Thang điểm		Điểm	Đánh giá
		Tối thiểu	Tối đa		
1	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển KT-XH	13.5	18	10	Chưa đạt
2	Quy mô dân số	6,0	8,0	2	Chưa đạt
3	Mật độ dân số	6,0	8,0	2	Chưa đạt
4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5	6,0	4	Chưa đạt
5	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	45	60	25	Chưa đạt
Tổng điểm phân loại đô thị		75	100	43	Chưa đạt

2.2. Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị và thực hiện quy hoạch đến nay

Công tác quản lý, khai thác sử dụng đất đai trên địa bàn từng bước chặt chẽ và hiệu quả hơn; diện tích đất công, đất chưa sử dụng được rà soát, lập hồ sơ quản lý và đưa vào khai thác sử dụng; hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai ngày càng được nâng lên; việc kiểm tra, tuyên truyền thực hiện Luật Đất đai được thực hiện

thường xuyên, kịp thời đã phát hiện và xử lý những sai phạm trong quản lý, sử dụng; từng bước giải quyết dứt điểm tồn tại, bất cập về đất đai do lịch sử để lại. Bám sát các quy hoạch, đặc biệt là kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện. Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai như: Lấn, chiếm đất, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, hủy hoại đất...

Chủ động phối hợp với các ngành chức năng của huyện kiểm tra, rà soát, lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đảm bảo kịp thời, đúng quy định, phù hợp với quy hoạch tổng thể chung được phê duyệt. Quan tâm triển khai giải quyết kịp thời và đúng quy định các giao dịch về đất; đồng thời phối hợp cùng các ngành chức năng tiếp tục kiểm tra, rà soát và đề xuất phương án, nhằm giải quyết kịp thời các tồn tại trong quá trình giao đất, cho thuê đất...

Tăng cường công tác kiểm tra, giải quyết các trường hợp cấp đất chưa đảm bảo quy định;

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, nhất là khu dân cư tập trung, nhằm đảm bảo sức khỏe và cuộc sống cho nhân dân; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của nhân dân đối với công tác bảo vệ môi trường; quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân, hoá chất, thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp.

Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch được quan tâm thực hiện, quản lý chặt chẽ; công tác quản lý kiến trúc từng bước đi vào nề nếp. Chủ động rà soát những bất cập trong quy hoạch trên địa bàn kịp thời đề nghị điều chỉnh, bổ sung và đã thực hiện công khai rộng rãi .

Công tác phối hợp thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ động, tích cực tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu, thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật, nhất là các công trình trọng điểm cơ bản đảm bảo mặt bằng thi công các dự án theo kế hoạch.

Đầu tư cơ sở hạ tầng: Cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, nâng cấp, nhiều công trình công cộng phục vụ sinh hoạt, vui chơi giải trí của nhân dân được đầu tư xây dựng đã làm thay đổi toàn diện bộ mặt đô thị của Xã ngày càng khang trang hiện đại. Hàng năm đã tổ chức rà soát, đề xuất Huyện đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Trong 5 năm qua, nhiều dự án lớn đã và đang được tập trung đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng, các dự án trên địa bàn được đầu tư đúng mục đích, có hiệu quả từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội.

VII. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG

1. Đánh giá tổng hợp

1.1. Thuận lợi

+ Quỹ đất thuận lợi cho quy hoạch xây dựng có diện tích lớn, tương đối bằng phẳng, nằm trải dài phía đông địa phương.

+ Diện tích canh tác rộng lớn, đất đai màu mỡ. Có nhiều sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao.

+ Làng chài có phong tục đặc sắc, lâu đời.

+ Cảnh quan tự nhiên hoang sơ, đường bờ biển dài (6,5km)

+ Định hướng phát triển rõ ràng từ Quy hoạch vùng.

1.2. Khó khăn

+ Là xã bãi ngang. Phụ thuộc nhiều vào ngoại cảnh.

+ Kinh tế địa phương chưa mạnh; Chưa tự chủ về kinh tế; Tỷ trọng ngành CN-DV còn thấp.

+ Chưa có nhiều dự án thu hút FDI.

2. Những vấn đề cần giải quyết

- Về cải tạo khu vực dân cư hiện trạng: Các khu dân cư tập trung của xã hiện tại được xây dựng trên cơ sở hạ tầng được quy hoạch từ lâu, các tuyến giao thông phần lớn là nhỏ hẹp mặc dù đã được đầu tư hoàn thiện hạ tầng, cần nghiên cứu để bố trí không gian phát triển mới cho đô thị;

- Về chọn đất và hướng phát triển không gian: Tuyến đường tỉnh ĐT 632, ĐT 639 đi qua xã là một trong những động lực quan trọng để thu hút dân cư, phát triển kinh tế. Tuy nhiên, hiện nay chưa có nghiên cứu các định hướng kết nối phù hợp để hạn chế ảnh hưởng về an toàn giao thông, phát huy những thế mạnh về dịch vụ dọc tuyến. Đối với đường bờ biển là một lợi thế để phát triển, tuy nhiên chưa phát huy được hết giá trị cảnh quan và sử dụng đất, cần nghiên cứu để sử dụng, tạo trục cảnh quan cho đô thị Mỹ An kết hợp với phát triển du lịch và dịch vụ, tạo dựng trung tâm cung cấp dịch vụ du lịch cho toàn khu vực.

- Về sử dụng đất: Khu vực xung quanh trung tâm hiện hữu của xã Mỹ An hiện tại còn nhiều dư địa để phát triển mở rộng trong tương lai. Cần nghiên cứu đề xuất các giải pháp sử dụng đất đảm bảo quy mô lâu dài theo định hướng đô thị loại V giai đoạn 2031-2035.

- Về cơ sở hạ tầng: Nghiên cứu hoàn thiện cơ sở hạ tầng đáp ứng cho nhu cầu phát triển dân cư, các cơ sở kinh tế phát triển mới, đồng thời đảm bảo các tiêu chí đô thị loại V theo quy định.

- Về môi trường và phát triển bền vững: Nghiên cứu các mối liên hệ phát triển, kiểm soát tác động môi trường khu vực trong và ngoài ranh giới hành chính của xã để đảm bảo phát triển xanh và bền vững.

- Về dân số và địa giới hành chính xã: Hiện tại, dân số xã năm 2022 là 8900 người, diện tích tự nhiên là 24,41km². Cần nghiên cứu các khu vực phát triển mới phục vụ cho nhu cầu tăng dân cư mạnh mẽ trong tương lai.

PHẦN 3- XÁC ĐỊNH TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

I. XÁC ĐỊNH TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC

1. Các định hướng đối với xã Mỹ An

Theo quy hoạch tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050, huyện Phù Mỹ thuộc phân vùng phía Bắc của tỉnh (thị Xã Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, An Lão)

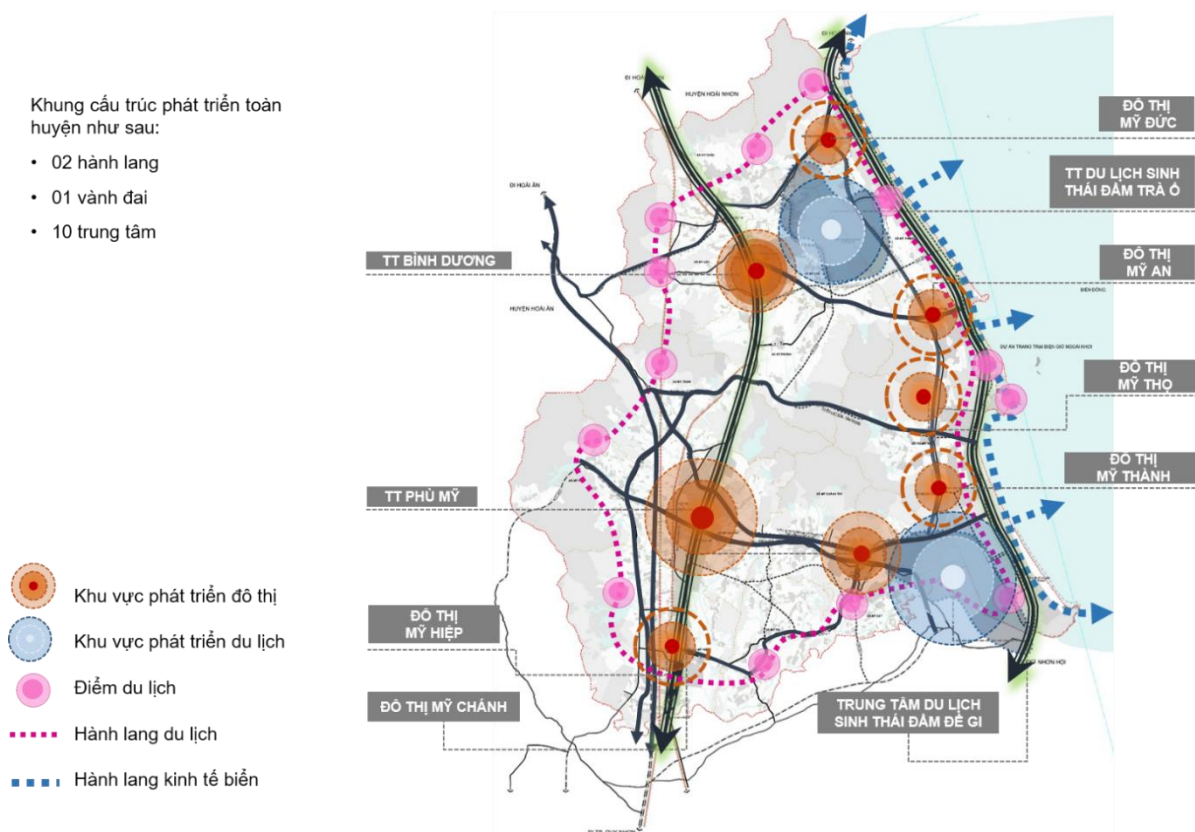
Tuân thủ theo Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng chính phủ về phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 -2030.

Đến sau năm 2030, huyện Phù Mỹ có 08 đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa toàn huyện đến năm 2035 khoảng 51,8%.

Loại đô thị: Xã Mỹ An được định hướng trở thành đô thị loại V giai đoạn 2026-2030.

Tính chất chức năng: là trung tâm đô thị, thương mại, dịch vụ và du lịch

Liên kết đô thị, nông thôn: thuộc vành đai kết nối các điểm du lịch, khu du lịch ven biển và các điểm hồ, điểm di tích phía Tây của huyện tạo thành vòng tròn khép kín.



2. Động lực phát triển

- Tuyến đường ven biển Quốc gia, là tuyến giao thông chất lượng cao, kết nối liên vùng chạy qua phía đông xã là động lực lớn để phát triển địa phương trong tương lai.
- Giao thông kết nối liên vùng thuận lợi.
- Có cùng đất, vùng nước nằm trong định hướng phát triển bến cảng của TTg-CP.
- Có tiềm năng lớn để phát triển thành đô thị dịch vụ: Cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, làng chài truyền thống lâu đời, đường bờ biển đẹp.

3. Định hướng phát triển

3.1. Tận dụng điểm mạnh

- Thúc đẩy đô thị hóa theo trục đường VBQG. Phát triển quay mặt ra biển.
- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo hướng đô thị loại V.
- Hình thành bến cá theo định hướng Quy hoạch hệ thống cảng cá, bến cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của TTg-CP.
- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ, số hóa, quảng bá hình ảnh địa phương, sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm du lịch.
- Đẩy mạnh phát triển Dịch vụ- du lịch, nhất là du lịch sinh thái, du lịch văn hóa- cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng.
- Thu hút đầu tư, thu hút lao động.
- Hoàn thiện Quy định quản lý kiến trúc, thực hiện theo chỉ thị số 4/CT-TTg.

3.2. Hạn chế điểm yếu

- Tăng cường đào tạo nghề; vận động nhân dân hành động.
- Ứng dụng công nghệ, từng bước dịch chuyển cơ cấu kinh tế địa phương.
- Tận dụng cơ hội của giao thông liên kết vùng.
- Phát triển tập trung vào thế mạnh địa phương: cảnh quan đẹp, hoang sơ, đất đai màu mỡ, dư địa phát triển lớn....
- Tranh thủ viện trợ và học hỏi từ các địa phương, quốc tế.
- Nghiên cứu rõ địa phương, có chính sách kêu gọi, ưu đãi, thu hút đầu tư.
- Giao lưu học hỏi các mô hình tại các địa phương đi trước, đã thành công.

II. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN

1. Quy mô dân số

Bảng dự báo dân số xã Mỹ An			
Hạng mục	Dân số theo giai đoạn (người)		
	Hiện trạng	2030	2035
Dân số tăng theo hàm số $N=N_0(1+r)^t$	8.900	8.800	9.000
Tỷ lệ tăng trung bình ‰ năm (α)		-1,1	4,5

Dân số trung bình là số lượng dân số tính bình quân cho cả một thời kỳ được tính theo công thức sau:

$$N=N_0(1+r)^t$$

Trong đó:

- N: dân số năm quy hoạch;
- N_0 : dân số hiện trạng của xã: 8.900 người
- r: Tỷ lệ tăng dân số của thời điểm cần tính so với thời điểm gốc
- t: thời gian lũy kế từ hiện trạng đến năm quy hoạch;
- Tỷ lệ tăng dân số phân theo nông thôn xã Mỹ An là $r = 0.45\%$

Dự báo tỷ lệ tăng dân số chung giai đoạn đến năm 2030 khoảng -1,1%, giai đoạn đến năm 2035 khoảng 0,45% (Theo số liệu niên giám thống kê toàn huyện Phù Mỹ năm 2020, tỷ lệ tăng dân số chung hiện trạng là - 0,41%).

Dự kiến quy mô dân số:

- Dân số năm 2022: Khoảng 8.900 người;
- Dân số đến năm 2030: Khoảng 8.800 người;
- Dân số đến năm 2035: Khoảng 9.000 người.

2. Dự báo tình hình lao động

Dự báo nhu cầu lao động, nghề nghiệp dựa trên cơ sở số liệu điều tra khảo sát nhu cầu lao động ở các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn, có thể xác định được số lượng lao động theo các nhóm ngành/ngành mà các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có nhu cầu sử dụng từ nay đến năm 2025 và tỉnh Bình Định.

Theo số liệu điều tra, tỷ lệ lao động trong độ tuổi của xã Mỹ An là khoảng 60%. Dự báo nhịp độ tăng trưởng bình quân đối với lao động xã Mỹ An giai đoạn ngắn hạn khoảng 65%, giai đoạn dài hạn khoảng 75%. Dự báo đến năm 2030, dân số trong độ tuổi lao động của xã Mỹ An khoảng 8.800 người; đến năm 2035 là khoảng 9.000 người.

Bảng dự báo quy mô lao động xã Mỹ An			
Hạng mục	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2035

	(người)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)	(người)	Tỷ lệ (%)	(người)
Dân số toàn xã	8.900			8.800		9.000
Lao động trong độ tuổi	5.340	60	65	5.720	75	6.750

3. Quy mô đất đai

Dự báo quy mô đất xây dựng đô thị: khoảng 650 - 700 ha.

Đất dân dụng khoảng 250 - 280 ha, đất ngoài dân dụng khoảng 400 - 420 ha.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đô thị

Xã Mỹ An được định hướng là đô thị loại V (áp dụng cho các chỉ tiêu hạ tầng), các chỉ tiêu dự kiến áp dụng theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng Quy chuẩn QCVN: 01/2021/BXD;

Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng và đồ án đạt được:

+ Đất dân dụng: khoảng 100 m²/người;

+ Đất nhóm nhà ở mới: khoảng 55 m²/người;

+ Đất cây xanh, TDTT đô thị: tối thiểu đạt 8m²/người;

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	QCVN 01:2021/BXD	Chỉ tiêu Đồ án quy hoạch
1	Đất đô thị			
1.1	Đất dân dụng bình quân toàn đô thị	m ² /người	50-100	100
1.2	Mật độ dân số bình quân toàn đô thị	người/ha	200-100	100
1.3	Đất nhóm nhà ở trung bình	m ² /người	45-55	55
2	Đất hạ tầng xã hội			
2.1	Đất trường THPT	hs/1.000 người	≥40	40
		m ² /hs	≥10	12
2.2	Đất bệnh viện đa khoa	Giường/1.000ng	≥4	4
		m ² /giường bệnh	≥100	115

<i>Bảng chỉ tiêu sử dụng đất đô thị và đất hạ tầng xã hội:</i>				
TT	Hạng mục	Đơn vị tính	QCVN 01:2021/BXD	Chỉ tiêu Đồ án quy hoạch
2.3	Sân thể thao cơ bản	m ² /người	0,6	0,6
		ha/công trình	1	1
2.4	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	m ² /người	0,8	0,8
		ha/công trình	3	3,0
2.5	Đất nhà văn hóa	chỗ/1.000 người	8	8
		ha/công trình	0,5	1,0
2.6	Nhà thiếu nhi	chỗ/1.000 người	2	2
		ha/công trình	1	1,4
2.7	Chợ	Công trình	1	2
		ha/công trình	1	1,6
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị	m ² /người	≥8	12

Bảng chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	QCVN 01:2021/BXD/ QCVN 07:2016/BXD	Chỉ tiêu Đồ án quy hoạch
1	Giao thông			
-	Tỷ lệ đất giao thông (tính đến đường phân khu vực)	% đất xây dựng	≥13	15,7
-	Mật độ mạng lưới đường (tính đến đường phân khu vực)	km/km ²	≥6,5	7
2	Cấp nước			
-	Sinh hoạt	l/ng.ngđ	≥80	120
-	CTCC, dịch vụ	% sinh hoạt	≥10	10

-	Tỷ lệ cấp nước	%	≥ 90	100
3	Cấp điện			
-	Sinh hoạt	w/ng	≥ 330	350
-	CTCC, dịch vụ	% Điện sinh hoạt	≥ 30	30
4	Thoát nước thải			
-	Sinh hoạt	% Tiêu chuẩn cấp nước	$\geq 80\%$	80%
5	Rác thải			
-	Sinh hoạt	kg/ng/ngày	0,9	0,9
-	Tỷ lệ thu gom CTR	%	≥ 85	100

Ghi chú: Các chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và kinh tế kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam 01:2021/BXD

PHẦN 4- ĐỊNH HƯỚNG

TỔ CHỨC KHÔNG GIAN TOÀN XÃ MỸ AN

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Quan điểm phát triển và sử dụng đất đai trên cơ sở phát huy tối đa các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch, đô thị. Giữ địa hình tự nhiên và cảnh quan môi trường. Xây dựng công trình trên thềm địa hình, hạn chế san gạt lớn làm thay đổi lớn đến địa hình và cảnh quan.

Về đầu tư: sử dụng các tiêu chuẩn đầu tư cao về chất lượng công trình kiên cố và phù hợp. Lựa chọn cấu trúc tự nhiên thích hợp với các hình thái địa hình.

Hình thức kiến trúc công trình đặc sắc, hoà quyện với không gian cảnh quan khu vực, kiến tạo những giá trị mới cho tự nhiên và cho cảnh quan nhân tạo.

Ưu tiên bảo tồn các giá trị văn hoá, nhân văn, ưu tiên bảo tồn hệ sinh thái và cảnh quan gắn với các khu vực bảo tồn, di tích, vùng có cảnh quan tự nhiên,...

II. NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN

1. Nguyên tắc 1: Hình thành cơ cấu quy hoạch, tổ chức và phân khu chức năng hợp lý, thống nhất giữa đô thị với nông thôn, giữa các khu dân cư với khu chức năng sử dụng đất phát triển mới.

2. Nguyên tắc 2: Bảo tồn và tiếp nối các giá trị cảnh quan, văn hoá bản địa

Cảnh quan tự nhiên đặc sắc của khu vực. Phát triển không gian không những cần bảo tồn mà còn phải làm nổi bật hệ giá trị này. Nói cách khác, coi rừng, các hệ mặt nước trong và xung quanh khu vực quy hoạch là các điểm nhấn cảnh quan quan trọng bậc nhất mà các phát triển mới cần tôn trọng và hài hoà với chúng. Điều này không mâu thuẫn với nhu cầu phát triển kinh tế, bởi chính cảnh quan đẹp là giá trị gốc để các không gian du lịch trở nên hấp dẫn và có sức sống hơn.

3. Nguyên tắc 3: Hình thành khu đô thị hoàn chỉnh.

Xây dựng một đô thị hoàn chỉnh với các chức năng đảm bảo đô thị tự hoạt động tốt hơn, phát triển bền vững hơn trong tương lai, được thúc đẩy bởi các chức năng mới về du lịch, thương mại, dịch vụ. Cần tránh phát triển dàn trải, thực hiện phát triển từng bước từ một hoặc vài trung tâm hiện hữu, có động lực phát triển kinh tế, du lịch mạnh mẽ.

4. Nguyên tắc 4: Xây dựng thấp tầng với mật độ thấp, kết hợp một số khu vực định hướng cao tầng với mật độ nén.

Hiện trạng chưa phát triển là cơ hội tốt để xây dựng hình ảnh một địa phương được quản lý chặt chẽ về quy mô, chức năng, đặc biệt là tổ chức không gian đồng bộ về chỉ giới, mật độ xây dựng và tầng cao công trình.

Hình ảnh chung của xã là quy hoạch theo cụm, thấp tầng, mật độ thấp... là biện pháp tốt để bảo vệ các giá trị cảnh quan sinh thái tại khu vực. Các khu vực thích hợp sẽ được nghiên cứu bố trí với mật độ và tầng cao lớn hơn, tạo không gian bộ mặt đô thị.

Cùng với quy hoạch đô thị thấp tầng, mật độ xây dựng thấp sẽ quản lý chặt về hình thức kiến trúc mái, vật liệu xây dựng, hình thức kiến trúc công trình, tỷ lệ thân thiện, gần gũi... sẽ góp phần tạo nên hình ảnh đặc sắc cho xã phục vụ du lịch.

Tại các vị trí trọng tâm của đô thị, định hướng phát triển công trình kiến trúc hiện đại, cao tầng, mật độ nén, đóng vai trò là điểm nhấn, là bộ mặt của địa phương.

5. Nguyên tắc 5: Hình thành mạng lưới giao thông nội bộ, giao thông công cộng hiện đại gắn kết các khu chức năng của xã và khu vực mở rộng. Đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.

6. Nguyên tắc 6: Dự trữ phát triển

Các nhu cầu phát triển hiện đang được dự báo, dựa trên các kịch bản tổng thể, nhiều cơ hội rộng mở trong tương lai chưa được lường hết và chưa xuất hiện ... vì vậy cần quy hoạch theo hướng mở, dành các phương án dự trữ phát triển để nắm bắt các cơ hội tốt trong tương lai.

Nhu cầu dự trữ phát triển được xác định cụ thể trong các khu vực chức năng thông qua việc xác định các kịch bản phát triển, quy định các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc và các chỉ dẫn mở để tạo điều kiện cho phát triển sau này.

III. CÁC CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. Chiến lược 1: Mở rộng quỹ đất xây dựng đô thị của Xã Mỹ An, lấy tuyến đường Ven biển Quốc gia (VBQG) là động lực phát triển chính.

Xác định xã Mỹ An là 01 đơn vị ở, trung tâm đơn vị ở là cực tăng trưởng cho đô thị.

Tổng thể toàn xã phát triển mở rộng tại trung tâm, phát triển hướng biển, hình thành khu đô thị phụ trợ cho khu bến cảng hình thành trong tương lai.

2. Chiến lược 2: Phân vùng chức năng rõ rệt cho các hoạt động nhằm hỗ trợ phát triển đô thị và các khu dân cư hiện hữu.

Với đặc điểm cảnh quan tự nhiên đa dạng, cần hình thành phân khu chức năng đô thị rõ rệt, có tính tương hỗ cho hoạt động của đô thị theo quy mô và hoạt động du lịch nhằm hỗ trợ và gắn với các khu dân cư hiện hữu. Vì vậy cần bố trí thêm các chức năng hỗn hợp, thương mại, dịch vụ, du lịch phục vụ cho hệ thống đô thị mở rộng và các khu vực đô thị mới.

3. Chiến lược 3: Chinh trang các khu vực dân cư nông thôn hiện hữu: mang đến chất lượng tiện nghi sống, sự thịnh vượng mới cho người dân, nâng cấp kiến trúc cảnh quan đô thị.

Mở rộng mặt cắt hệ thống giao thông hiện trạng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đáp ứng cho nhu cầu phát triển dân cư, các cơ sở kinh tế phát triển mới, cần phát triển theo xu hướng mới lâu dài, bền vững.

Khuyến khích chuyển đổi không gian phát triển mới thành nơi dành cho hoạt động du lịch, dịch vụ du lịch. Kết hợp với các điểm nhấn không gian để tạo tính hài hòa, thuận lợi cho quản lý chuyển tiếp theo tầm nhìn dài hạn. Bổ sung các yếu tố tự nhiên, sinh thái cho môi trường sống, gia tăng không gian cây xanh khu vực trung tâm, tổ chức hệ thống đường dành cho người đi bộ nhiều hơn, bảo tồn các công trình di tích, nhằm phát triển du lịch.

4. Chiến lược 4: Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác các sản phẩm nông nghiệp, cảnh quan tự nhiên đặc sắc, các công trình văn hóa, tín ngưỡng gắn liền với quá trình triển phát triển của địa phương, hình thành các sản phẩm du lịch góp phần vào tính đa dạng cho du lịch của huyện Phù Mỹ.

Với xu hướng du lịch ngày một đa dạng và cao cấp, đồng thời địa phương sở hữu cảnh quan tự nhiên đa dạng: phía Đông là đường bờ biển đẹp, cảnh quan tự nhiên hoang sơ, phía Tây là đồi núi, là phong nền cho đô thị. Sản phẩm du lịch địa phương là sự kết hợp trải nghiệm không gian văn hóa, cảnh quan tự nhiên và các hoạt động trải nghiệm (như thu hoạch lúa, tham quan vườn bí đao, hướng dẫn ẩm thực địa phương và chèo thuyền, câu mực, lặn biển... . Việc khuyến khích mô hình du lịch văn hoá, du lịch trải nghiệm, nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường kinh tế, văn hoá xã hội và môi trường sinh thái của địa phương.

5. Chiến lược 5: Phát triển môi trường bền vững nhằm bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, kiến tạo không gian đô thị và không gian du lịch sinh thái bền vững

Các khu vực đồi núi phía Tây và bờ biển phía Đông đều là những vùng có giá trị sinh thái cao. Việc khai thác không gian để phát triển kinh tế xã hội, cần xem xét đến bảo vệ cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái tự nhiên. Cần nghiên cứu các mối liên hệ phát triển, kiểm soát tác động môi trường khu vực trong và ngoài ranh giới hành chính của Xã để đảm bảo phát triển xanh và bền vững.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Chọn đất và hướng phát triển đô thị

Trên cơ sở các quy hoạch NTM năm 2010, quy hoạch vùng huyện huyện Phù Mỹ. Xác định hướng phát triển đô thị của xã Mỹ An là hướng Đông- Đông Nam, dọc theo đường VBQG, ĐT 632, hướng xuống khu vực phía Bắc xã Mỹ

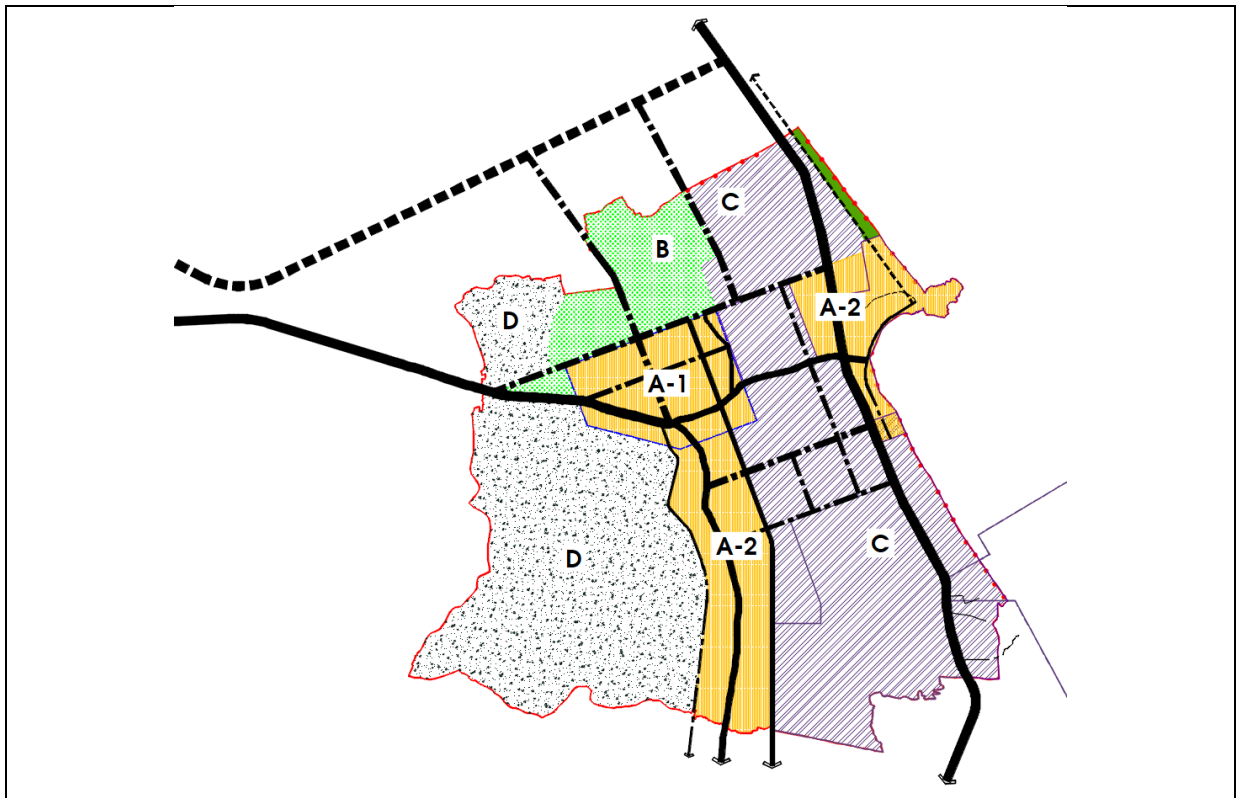
Thọ, phụ trợ khu bến cảng Phù Mỹ, là một trong 03 đô thị phía Đông huyện Phù Mỹ.

2. Dự kiến tổ chức các khu chức năng chính đô thị

- Khu trung tâm hành chính cấp xã;
- Khu trung tâm văn hoá giáo dục: Trường trung học phổ thông, trung tâm dạy nghề, trung tâm văn hoá thể thao, khu vui chơi giải trí, công viên
- Khu thương mại - dịch vụ du lịch: Chợ trung tâm, bưu điện, khu du lịch sinh thái, khách sạn nhà hàng ...
- Các khu dân cư, nhà ở phát triển trên cơ sở các khu phố, xóm thôn hiện hữu và các khu dân cư mới. Trong mỗi khu dân cư, bố trí 1 trung tâm khu dân cư với các công trình công cộng, khu vực cây xanh thể dục thể thao.
- Khu công viên cây xanh, trung tâm thể dục thể thao trung tâm cấp xã.
- Khu các công trình đầu mối hạ tầng và giao thông chính.

3. Cơ cấu phân khu chức năng

Phân chia xã Mỹ An thành các khu vực như sau:



TT	Tên chức năng	Chức năng
A	Vùng phát triển đô thị	

A-1	Khu trung tâm	Trung tâm Văn hóa- chính trị- giáo dục
A-2	Khu đô thị	Phát triển đô thị
B	Vùng nông nghiệp	Gắn liền với dân cư mật độ thấp
C	Vùng sản xuất công nghiệp	Khu công nghiệp ven biển
D	Khu lâm nghiệp	

3.1. Khu trung tâm hành chính và các khu dân cư

Khu trung tâm xã và các khu dân cư nông thôn bao gồm các khu dân cư hiện hữu cải tạo, chỉnh trang và quy hoạch mới tập trung ở các thôn: Chánh Giáo, Hòa Ninh, Thuận Đạo, Xuân Bình, Xuân Phương, Xuân Thạnh, Xuân Thạnh Nam. Quy hoạch quỹ đất để phát triển nhà ở dân cư, phát triển thương mại - dịch vụ kết hợp cải tạo, chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu phục vụ đời sống Nhân dân. Tổng diện tích khoảng 393,22 ha, gồm:

- Khu trung tâm hành chính xã: Bao gồm khu vực trung tâm xã hiện hữu, quy hoạch mở rộng về hướng Tây và hướng Bắc thuộc thôn Chánh Giáo và thôn Xuân Phương; là trung tâm hành chính, tập trung các công trình công cộng Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã và các công trình y tế, giáo dục, dịch vụ, thể thao và giải trí, diện tích khoảng 175 ha.

- Khu dân cư phía Đông đường ĐT.639 thuộc các thôn Xuân Thạnh- Xuân Thạnh Nam: Khu dân cư hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang và quy hoạch mở rộng về phía Tây, bố trí quỹ đất hỗn hợp, thương mại - dịch vụ phát triển dọc tuyến đường ĐT.639, phục vụ nhu cầu ở của người lao động khi hình thành khu công nghiệp và khu bến cảng, diện tích khoảng 100,8 ha.

- Khu dân cư thôn Thuận Đạo: Khu dân cư hiện hữu định hướng cải tạo, chỉnh trang và quy hoạch mới các khu dân cư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật kết hợp với khu thương mại - dịch vụ, diện tích khoảng 98,6 ha.

- Quy hoạch các điểm dân cư nhỏ lẻ, xen cài trong các cụm dân cư hiện hữu, nhằm đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân, diện tích khoảng 18,82 ha.

3.2. Quy hoạch các khu vực phát triển khác

a) Khu vực sản xuất công nghiệp: Quy hoạch quỹ đất sản xuất công nghiệp, phục vụ bến cảng Phù Mỹ dọc theo đường ĐT.639, quy mô diện tích khoảng 843,9 ha (theo định hướng của quy hoạch cấp trên); Giữ nguyên hiện trạng khu sản xuất năng lượng tái tạo phía Bắc khu trung tâm xã, diện tích khoảng 77,53 ha.

b) Khu vực phát triển thương mại- dịch vụ: Quy hoạch chuyển đổi khu chức năng đất tiểu thủ công nghiệp hiện hữu thành đất dịch vụ thương mại và hỗn hợp phục vụ nhu cầu phát triển trong tương lai tại thôn Xuân Thạnh, diện tích khoảng 18,6ha.

c) Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn phía Đông đường ĐT.639 thuộc thôn Xuân Thạnh, diện tích 3,06 ha; là khu vực đầu mối về hậu cần nghề cá của địa phương, cung cấp vật tư, nhiên liệu, thu mua và trung chuyển sản hàng hóa an toàn, thuận lợi, đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu dân cư theo quy định.

d) Khu vực phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp:

+ Khu vực chuyên trồng lúa: Tập trung khu vực phía Tây Bắc xã, tại các thôn: Hòa Ninh và thôn Xuân Phương, diện tích khoảng 288,02 ha.

- Khu vực phát triển lâm nghiệp: Tập trung tại khu vực phía Tây xã, thuộc thôn Thuận Đạo, thôn Hòa Ninh, diện tích khoảng 639,98 ha.

trải nghiệm văn hóa, ẩm thực địa phương.

4. Khung tổng thể thiết kế đô thị

4.1. Cấu trúc đô thị

Cấu trúc hình thái đô thị được hình thành dựa trên cấu trúc hiện hữu của địa hình và dựa trên cơ sở một mạng lưới các công trình công cộng, đa chức năng, phát triển hỗn hợp, các nút giao thông chính, các khu vực thuận tiện cho việc di chuyển và đảm bảo bán kính phục vụ, tránh phá vỡ cân bằng sinh thái cảnh quan, nhằm có những bước ứng phó đầu tiên với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, cảnh quan được sử dụng như một nhân tố cấu trúc chính trong việc hình thành và phát triển cấu trúc không gian đô thị.

Khai thác yếu tố địa hình là các khu vực đồi núi có địa hình cao và các khu vực thấp trũng tạo nên các hồ nước, kênh cảnh quan là hình ảnh đặc trưng của đô thị. Cảnh quan nước hiện hữu với hệ thống giao thông rời rạc sẽ được cải thiện và mở rộng để tạo thành những mạng kết nối liên hoàn, nhằm một mặt đáp ứng những yêu cầu về tiêu thoát nước mùa mưa, nâng cấp giao thông khu vực; đồng thời kết hợp với các cảnh quan tự nhiên khác làm yếu tố chính, tiếp cận được với đô thị.

Cấu trúc không gian của từng khu vực chức năng đặc thù sẽ tạo nên hình ảnh riêng của đô thị biển trong tương lai.

53

4.2. Trục không gian chính

- Khu vực trọng tâm đô thị: Trọng tâm đô thị là khu trung tâm xã hiện trạng, là khu vực ngã 4 Chánh; Khu vực dọc trục VBQG, là điểm trung chuyển, tập trung các đầu mối giao thông, được thuận lợi phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại, công cộng.

- Các tuyến quan trọng: gồm đường Tỉnh lộ 632, Tỉnh lộ 639, tuyến đường Chánh Giáo- Mỹ Thắng (theo định hướng của QHVV). Tại các tuyến trục này phát triển kết hợp giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, giao thông công cộng, không gian đi bộ gắn với hoạt động thương mại. Mặt đứng các tuyến trục này đóng vai trò là không gian công cộng hỗn hợp chính của đô thị Mỹ An.

- Bên cạnh đó, định hướng quy hoạch hệ thống giao thông kết nối khu vực nội thị và tuyến VBQG, tạo các hành lang cảnh quan, hướng đô thị mở rộng về phía Đông.

- Các điểm nhìn quan trọng: Các điểm quan sát quan trọng định hướng cho thiết kế đô thị là điểm nhìn dọc tuyến Tỉnh lộ 639, ngã 4 Chánh Giáo. Từ các điểm nhìn này xây dựng các hành lang quan sát là các không gian mở, kết hợp các công trình với không gian xanh, tạo ra các điểm nhấn nhìn từ phía Nam xã Mỹ An xuống phía Nam giáp xã Mỹ Thọ.

4.3. Khu vực cửa ngõ

Gồm các nút: Nút cửa ngõ phía Bắc: ngã 4 Khu vực Xuân Thạnh- Xuân Bình.

Nút cửa ngõ phía Nam: Gắn với khu bến cảng Phù Mỹ.

Nút cửa ngõ phía Tây gắn với tuyến đường ĐT 632.

Nút trung tâm: Là trung tâm đô thị hiện hữu, ngã 4 Chánh Giáo.

4.4. Các công trình điểm nhấn

Các khu trung tâm, công trình văn hóa, các quảng trường hoặc các khách sạn cao tầng là điểm nhấn cho xã. Các công trình mới này có thể là các kiến trúc tượng đài kết hợp với quảng trường công cộng, các công trình văn phòng, khách sạn cao tầng hoặc các công trình có giá trị kiến trúc cảnh quan đặc biệt.

Một số điểm nhấn đặc biệt như sau: Tổ hợp dịch vụ ven biển, dọc trục VBQG, khu thương mại dịch vụ cửa ngõ gắn với tuyến đường trục chính, Trung tâm VH-TDĐT, bến xe khách...

4.5. Tổ chức không gian cây xanh

- Bố trí hệ thống cây xanh dọc hành lang các tuyến giao thông, hành lang an toàn tuyến điện cao thế, cây xanh sinh thái xen cây với các loại đất chức năng đô thị khác, bố trí khu vực trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao vừa làm cảnh quan cho đô thị và tạo thu nhập cho người dân (trồng rau an toàn, các loại cây hoa màu có giá trị và cây cảnh,...), ngoài ra bao gồm hệ thống kênh hồ mặt nước tại các khu dân cư mới vừa đảm bảo chống ngập úng cho đô thị vừa tạo cảnh quan đô thị.

- Hình thành mạng lưới không gian xanh, không gian mở đô thị làm cơ sở bảo vệ hệ thống các cảnh quan tự nhiên hiện hữu, bảo tồn các công trình di tích lịch sử, làng nghề truyền thống, kiến trúc cảnh quan đặc trưng của khu vực. Đồng thời cũng đề ra các giải pháp cải tạo nâng cấp không gian xanh tại các khu vực dân cư hiện hữu và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật qua đô thị.

- Hệ thống công viên được tổ chức liên kết thành mạng lưới, đảm bảo khả năng tiếp cận thuận lợi đối với mọi người dân. Các công viên được thiết kế theo các chuyên đề để tạo nên các hình thái công viên cây xanh riêng.

- Tăng cường các công viên cây xanh cấp nhóm nhà ở, đảm bảo cự ly tiếp cận 400-500m. Các khu vực dân cư hiện trạng cải tạo, khu vực nhà ở tập trung có chỉ tiêu cây xanh tập trung cao hơn khu vực nhà ở dạng nhà vườn.

- Cây xanh sân vườn: Sân vườn được phân loại theo các khu vực sử dụng chung và sân vườn trong từng dự án thành phần được đầu tư quản lý vận hành theo các chủ sở hữu riêng. Cây trồng trong khu vực tạo thành tán che nắng, theo tuyến hoặc tự nhiên theo địa hình, cây trồng một cách linh hoạt, thành những mảng màu tùy chọn, thảm hoa có nhiều màu sắc, không sử dụng những loại cây hoa có nhiều sâu bọ và nhựa độc...

- Cây xanh trục giao thông: Tuyến đường chính đường vòng quanh xã, các tuyến đường chính tại các khu vực phát triển. Hệ thống cây xanh bóng mát cần trồng theo các tuyến đi bộ để phục vụ du khách và người dân, kết nối chuỗi các khu chức năng. Lựa chọn các loại hình cây xanh đặc trưng của khu vực, ưu tiên các loại cây đặc trưng hoặc các loại cây phù hợp với đặc điểm khí hậu thổ nhưỡng tại địa phương.

- Cây xanh cảnh quan: Hệ thống cây xanh cảnh quan bao gồm, cây xanh tại các khe tự thủy, khu vực cách ly bảo vệ an toàn tuyến cấp điện, tuyến cấp nước sinh hoạt... làm bãi đỗ xe công cộng, không gian mở và không gian đi bộ.

- Cây xanh ở những khu vực khác: Diện tích không gian trống của các khu đất phải bố trí sân vườn, cây xanh cảnh quan: diện tích trồng cây xanh phải chiếm 50% đất trống. Đối với các khu vực sân, bãi đỗ xe ngoài trời: khuyến khích sử dụng gạch rỗng hoặc trồng cỏ để tạo bề mặt thấm nước, giảm sự tích nhiệt từ bức xạ mặt trời. Khuyến khích các giải pháp sử dụng nước sau sinh hoạt cho các mục đích tưới cây để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước.

- Gắn kết mạng lưới công viên cây xanh với các không gian đi bộ, hệ thống các quảng trường, các không gian sinh hoạt cộng đồng.

- Phục dựng các không gian văn hóa gắn với các công trình di tích lịch sử, làm tăng sự đa dạng và màu sắc cho các công viên cây xanh.

- Hình thành các không gian gắn với du lịch: Khai thác tận dụng tối đa thảm thực vật hiện hữu, đảm bảo giảm tối đa chi phí chăm sóc thường xuyên, phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu và hoạt động của khu vực, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, khả năng che mưa nắng và thẩm mỹ, không sử dụng những loại cây hoa không có trong danh sách những loại cây thịnh hành, có nhiều sâu bọ và nhựa độc, an toàn cho con người... Ưu tiên phát triển các loại cây đặc trưng của địa phương.

4.6. Hệ thống không gian mở

Hệ thống không gian mở đa dạng, bố trí theo dạng dải và dạng điểm tạo cho khu vực nét hấp dẫn riêng biệt, có sự giao hòa, gắn kết chặt chẽ giữa yếu tố thiên nhiên (mặt biển, mảng xanh đồi núi, mảng xanh nông nghiệp). Hình thành khu đô thị thân thiện, mang đến chất lượng đô thị rõ nét với tính cộng đồng, sinh thái cao. Diện mạo của không gian mở được thiết kế đa dạng và phong phú căn cứ vào bản chất và chức năng của chúng như: quảng trường, công viên, vườn hoa công cộng hay đường phố.

Gia tăng và hình thành các không gian mở trong khu ở đảm bảo bán kính phục vụ 5 phút đi bộ (khoảng 500m từ công trình). Giữa các khối nhà bố trí các khu vườn có quy mô khoảng 200 – 400m². Liên kề với các khu vực trường học bố trí các công viên cây xanh;

Không lấn chiếm ao hồ, kênh, mương hiện có, sử dụng làm các không gian tưới tiêu nước, phục vụ chức năng công cộng, không gian mở trong các khu vực dân cư;

Hình thành các dải xanh xuyên qua các khu chức năng, gắn kết không gian tự nhiên (vùng núi Lớn, biển Tân Thành) cùng với các không gian mở nhân tạo (hồ, các kênh dẫn nước), tạo nên sự kết nối liên tục, chuyển tiếp hài hòa giữa vùng xanh tự nhiên và vùng xây dựng; đồng thời giúp dẫn gió cho đô thị;

Trồng cây xanh tạo bóng mát dọc các tuyến đường giao thông. Đặc biệt dọc các đường tỉnh lộ, đường trung tâm xã và đường trục chính khu vực,... chú trọng trồng các loại cây vừa có tác dụng cách ly bụi, tiếng ồn, vừa tạo cảnh quan, hình khối đô thị cũng như có tính chất dẫn hướng;

Định hướng quy hoạch bổ sung các tiện ích đô thị: chiếu sáng, đường dạo, hệ thống trang trí, biển báo chỉ dẫn... với các quy định cụ thể.

5. Định hướng hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới và khu dân cư hiện hữu chỉnh trang

5.1. Khu trung tâm xã hiện hữu

- Bao gồm các công trình công cộng cấp xã, cấp đơn vị ở với các chức năng: hành chính, y tế, giáo dục, thương mại, dịch vụ, văn hóa, thể thao và các công trình công cộng hỗn hợp khác. Các công trình này được phát triển trên cơ sở hạ tầng xã hội sẵn có, đồng thời được bổ sung, xây mới, góp phần cung cấp dịch vụ đô thị hoàn thiện.

- Phân bố: các công trình công cộng cấp xã được bố trí bám dọc TL632, các tuyến đường trục chính đô thị. Các công trình công cộng cấp đơn vị ở (khu ở) được bố trí tại lõi trung tâm từng tiểu khu, bám dọc các tuyến đường liên khu vực,

và trực chính khu ở nhằm nâng cao hiệu quả khu đất theo phạm vi dọc theo các tuyến đường.

- Định hướng: hình thành không gian đô thị hiện đại, đồng nhất, đầy đủ các tiện ích đô thị, tạo sự sầm uất cho khu vực. Yêu cầu có sự chuyển đổi linh hoạt chức năng sử dụng nhằm tiết kiệm quỹ đất.

+ Các công trình được xây dựng có khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ các tuyến đường để bố trí các không gian cây xanh, tiện ích công cộng dọc hai bên tuyến đường, đặc biệt là không gian quảng trường tại các khối công trình trung tâm và các nút giao thông quan trọng.

+ Hình thái các khu chức năng này được tạo bởi các công trình có khối tích, quy mô vừa và lớn, dáng dấp hiện đại, hợp khối thống nhất, công nghệ xanh thân thiện với môi trường, không gian thoáng mở linh hoạt, phong phú tạo sự giao lưu thuận lợi. Hạn chế tối đa các công trình nhỏ lẻ, manh mún, các mảng tường trống lớn, các hàng rào cứng quá cao cản trở tầm nhìn và tầm quan sát. Các khu vực thương mại, hoặc chức năng hỗn hợp, bố trí không gian tầng trệt là cửa hàng, dịch vụ, văn phòng và được kết nối với nhau nhằm hỗ trợ cho các hoạt động, hấp dẫn trực quan, tạo sự sôi động cho các tuyến phố.

+ Cây xanh trong khuôn viên công trình được đảm bảo chỉ tiêu diện tích theo tiêu chuẩn xây dựng, bố trí hài hòa với tổ hợp kiến trúc nhằm nâng cao hiệu quả cảnh quan khu vực.

a) Đối với các công trình hành chính: khu vực trung tâm xã Mỹ An tiếp tục phát triển tại khu vực trung tâm hiện hữu.

b) Đối với các công trình vui chơi giải trí: lựa chọn hình dáng kiến trúc và màu sắc tươi vui tạo sự sống động cho không gian đô thị. Quy hoạch Trung tâm công cộng – dịch vụ - văn hoá ,... là công trình xây dựng hợp khối, hiện đại tạo điểm nhấn đô thị: nhà văn hóa thiếu nhi, trung tâm TDTT, sân vận động,...

c) Đối với các công trình giáo dục, đào tạo

+ Cung cấp đầy đủ các công trình nhà học cũng như các tiện ích phục vụ giáo dục và đời sống cán bộ, học sinh, sinh viên;

+ Công ra vào, biển hiệu đảm bảo sự hài hòa, tính thống nhất và mối tương quan về kích thước (chiều cao, chiều rộng);

+ Hình thái khu vực này được tạo bởi các công trình tổ hợp dạng khối (block), phân bố theo cụm công trình chức năng. Các công trình nhà học được khuyến khích thiết kế vuông góc với hướng Bắc Nam, tận dụng tối đa thông gió tự nhiên và tránh bị chiếu nắng trực tiếp. Các không gian sân chơi, thể dục thể thao, quảng trường công cộng phục vụ cho giao lưu cộng đồng được bố trí đầy đủ tại các vị trí liên kết thuận lợi: sân trong các khối nhà, điểm kết trực đường chính...

+ Mạng xanh trong khu vực được hình thành bởi các không gian xanh giữa các khối nhà, các trục xanh dẫn hướng kết nối với các không gian xanh trung tâm đô thị và các không gian mặt nước tạo nên sự liền mạch, hòa nhập với cấu trúc toàn đô thị.

+ Độ vươn ra của các chi tiết kiến trúc như mái đón, mái che, bậc thềm, ban công đảm bảo sự hài hòa, thống nhất với các công trình xung quanh.

d) Đối với các công trình thương mại dịch vụ

Hình thành các tổ hợp thương mại sầm uất, đóng vai trò là trung tâm đầu mối thương mại của khu vực tại nút giao cắt của trục trung tâm các tỉnh lộ Các công trình khối tích lớn, có điểm nhấn chiều cao và mẫu dạng kiến trúc đặc trưng làm định hướng tầm nhìn cho lưu thông dọc tuyến;

5.2. Khu nhà ở hiện trạng

a) Khu nhà ở đô thị hóa hiện hữu cải tạo

Phân bố chủ yếu dọc hai bên ĐT632, ĐT639 và một số trục chính của xã.

Định hướng: cải thiện và tạo dựng hình ảnh một khu ở khang trang, thân thiện, có tính trật tự và nhịp điệu.

+ Hạn chế giải tỏa, không tăng mật độ xây dựng, giữ lại tối đa cấu trúc đô thị hiện có, nhất là hệ thống đường sá, cải tạo nâng cấp, bổ sung các không gian tiện ích công cộng: quảng trường, bãi đỗ xe. Không gian quanh các khoảng sân công cộng tiếp xúc với các đường khu vực sẽ là không gian tiềm năng để phát triển các công trình dịch vụ đô thị;

+ Tạo khoảng lùi đồng nhất trên các ngõ, phố; sự đồng bộ về hình thái, chiều cao, màu sắc cho nhà cửa ven đường trục chính khu ở;

+ Cấu trúc nhà ở tại các khu dân cư hiện hữu được hình thành trên cơ sở phát triển tự phát, chủ yếu là nhà liên kế, nhà trong ngõ, hẻm. Các công trình bổ sung, xây mới cần đảm bảo hài hòa với các khu vực lân cận về màu sắc và mẫu dạng kiến trúc;

+ Giữ nguyên và mở rộng diện tích ao hồ, cây xanh hiện có, tận dụng làm không gian mở; tăng diện tích cây xanh trên các ngõ phố tạo nên môi trường cảnh quan thân thiện và đa dạng.

b) Các khu làng xóm nông thôn hiện hữu cải tạo

Phân bố đều tại các thôn trong xã.

Định hướng: bảo tồn và phát huy không gian sống truyền thống, đặc trưng.

+ Giữ lại cấu trúc làng xóm cũ, kiến trúc nhà truyền thống, đặc biệt là các yếu tố cơ bản cấu thành nên cấu trúc làng truyền thống như giếng nước, sân đình, đình, chùa..., bổ sung các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội;

+ Không khống chế phải đồng nhất về chiều cao, khoảng lùi nhưng cần giữ cấu trúc thấp, nhỏ, phù hợp với tỷ lệ đường nhằm tạo cảm giác thân mật, tránh phá vỡ sự cân bằng hình thái kiến trúc khu vực này;

+ Hình thành các mạng không gian xanh quanh các khu vực dân cư hiện hữu với chức năng là không gian công cộng (sân chơi, không gian cảnh quan) như một không gian mềm, bước đệm chuyển tiếp, gắn kết liên tục giữa hai hình thái đô thị khác nhau.

5.3. Khu nhà ở phát triển mới

a) Giải pháp tổ chức không gian ở

- Đối với khu vực nhà ở hiện hữu chỉnh trang, tái thiết đô thị

+ Cải tạo chỉnh trang nhà ở đảm bảo kiên cố, mỹ quan.

+ Sắp xếp hợp lý các công trình chính và phụ trợ tạo thành không gian khép kín.

+ Quy hoạch cải tạo hệ thống vườn, ao cho hợp lý, xây dựng nhà vệ sinh, bể tự hoại, hệ thống thoát nước.

+ Chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm phải đặt cách xa nhà ở và đường đi chung $\geq 5m$, cuối hướng gió và có hồ chứa phân, rác, thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Xây dựng hàng rào thoáng, khuyến khích sử dụng hàng rào cây xanh cắt xén tạo nét đặc trưng riêng và cải thiện môi trường. Chiều cao hàng rào $< 2m$, độ che phủ không vượt quá 40%.

- Đối với nhà ở quy hoạch xây dựng mới

+ Nhà chính thiết kế riêng biệt với các không gian khác, phía trước nhà là hiên rộng. Không gian phục vụ như bếp, kho bố trí liên hoàn trong khuôn viên, đảm bảo an toàn, mỹ quan.

+ Không gian thoáng rộng, nhiều ánh sáng. Bố trí sân phơi trước nhà, diện tích tùy theo ngành nghề sản xuất của từng hộ.

+ Giải pháp kết cấu đảm bảo an toàn, bền vững, nên áp dụng công nghệ và giải pháp xây dựng tiên tiến, kết hợp sử dụng vật liệu truyền thống và hiện đại. Cấu tạo tường, mái bằng vật liệu nhẹ để thoát nhiệt nhanh.

b) Các loại hình nhà ở

- Nhà vườn

- Diện tích lô đất xây dựng: 500 – 1500m².

- Mật độ xây dựng: 40 – 60%.
- Tầng cao: 1tầng.
- Các công trình chính trong lô đất ở của một hộ gia đình, bao gồm:
 - + Nhà chính và nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ);
 - + Các công trình phụ;
 - + Lối đi, sân, chỗ để rom rạ, củi, rác, hàng rào;
 - + Đất vườn, đất ao...

- Nhà song lập

- Diện tích lô đất : 200 – 300m².
- Mật độ xây dựng: 60– 70%.
- Tầng cao: 1 – 2 tầng.

- Nhà ở nằm dọc theo các trục đường giao thông chính, chủ yếu tập trung ở khu trung tâm xã và trung tâm các điểm dân cư tập trung. Chiều rộng mỗi lô khoảng 8 – 10m, phía trước và phía sau đều có làm sân vườn nhỏ.

- **Nhà liên kế:** Chủ yếu phát triển loại hình nhà ở này tại các khu vực quy hoạch xây dựng khu dân cư mới.

- Diện tích lô đất : 90 – 200m².
- Mật độ xây dựng: 70 – 100%.
- Tầng cao: 1 – 3 tầng.

- Nhà ở nằm dọc theo các trục đường thương mại dịch vụ chính, chủ yếu tập trung ở khu trung tâm xã. Chiều rộng mỗi lô khoảng 5 – 7m, không gian ở kết hợp kinh doanh, phía sau có thể làm sân vườn nhỏ.

c) Hình thức kiến trúc

- **Nhà vườn:** khai thác đường nét kiến trúc dân tộc, hài hòa với cảnh quan sân vườn.

- **Nhà song lập, nhà liên kế:** hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp nét dân tộc, tạo sự thống nhất trên từng tuyến đường, tránh đường nét rườm rà, gây phản cảm.

- Số tầng và chiều cao:
 - + Nhà vườn có tầng cao tối đa: 01 tầng
 - + Nhà song lập có tầng cao tối đa: 02 tầng
 - + Nhà liên kế có tầng cao tối đa: 03 tầng

+ Cao độ vỉa hè được quy định là cao độ $\pm 0,00$ tại vị trí có công trình để tính toán các cao độ chuẩn. Cao độ chuẩn ở vị trí chỉ giới xây dựng là tổng chiều cao các tầng ở vị trí lộ giới hoặc vị trí có yêu cầu khoáng lùi so với lộ giới (đã tính cả chiều cao lan can hoặc sê-nô trên sàn mái). Cốt sàn tầng 1 tối thiểu $+0,2m$.

+ Chiều cao tầng 1 (trệt) tối thiểu là +3,6m. Chiều cao các tầng còn lại tối đa +3,9m.

- Màu sắc, vật liệu:

+ Mặt ngoài nhà (mặt tiền, mặt bên) không sử dụng các màu nóng chói (như đỏ, cam, vàng, đen), trên toàn bộ mặt tiền nhà để gây khó chịu cho người nhìn. Nên dùng các màu trung tính nhẹ nhàng (như kem nhạt, xám trắng, vàng nhạt, xanh lơ...)

+ Mái nhà lợp ngói truyền thống hoặc tôn giả ngói, để tăng mỹ quan cho công trình, cũng như thuận tiện trong việc chống thấm, thoát nước mưa và dễ bảo trì công trình.

+ Không sử dụng gạch lát màu tối (như đen, nâu đậm..), có độ bóng cao để ốp trên toàn bộ mặt tiền nhà.

+ Không sử dụng vật liệu có độ phản quang quá 70% trên toàn bộ mặt tiền nhà.

+ Trên từng trục đường nên quy định một tông màu chủ đạo, tạo sự đồng nhất về kiến trúc và màu sắc, tránh tình trạng quá nhiều màu sắc trên dãy nhà gây mất mỹ quan.

- Mái nhà:

+ Đối với nhà vườn, nhà song lập nên sử dụng mái dốc, lợp ngói truyền thống hoặc tôn giả ngói để tăng mỹ quan cho công trình cũng như thuận tiện trong việc chống thấm, thoát nước mưa, dễ bảo trì sửa chữa. Nhà liên kế sử dụng mái bằng hoặc mái dốc, độ dốc đảm bảo thoát nước. Mái đón, mái hiên phải ở độ cao cách mặt vỉa hè 3,5m trở lên.

+ Độ vươn ra tối đa của ô văng, mái đua, ban công $\leq 1,2m$.

PHẦN 5- QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

Chuyển đổi một phần đất nông nghiệp lựa chọn các khu vực nông nghiệp có giá trị thấp sang các loại đất có chức năng xây dựng như: đất đơn vị ở, đất công cộng, trường đào tạo, du lịch... nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị trong tương lai.

Chuyển đổi một số khu đất cơ quan hành chính, trụ sở nhỏ lẻ đã xuống cấp vào khu vực cơ quan hành chính chung, thành các chức năng hỗn hợp, dịch vụ...

Sử dụng tiết kiệm quỹ đất, hạn chế tác động đến quỹ đất rừng tự nhiên và rừng phòng hộ.

II. QUAN ĐIỂM KHAI THÁC SỬ DỤNG ĐẤT

1. Quan điểm khai thác sử dụng đất hiệu quả tránh lãng phí

Khai thác sử dụng đất phải luôn phù hợp và gắn liền với định hướng phát triển Kinh tế- xã hội của xã, phát huy được nguồn lực, lợi thế của địa phương đồng thời phải xuất phát từ tình hình đất đai cụ thể, gắn liền và phù hợp với định hướng chung trong khai thác sử dụng đất của huyện Phù Mỹ. Trên cơ sở đánh giá tài nguyên đất đai, điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội, dưới đây là một số quan điểm khai thác sử dụng quỹ đất làm cơ sở cho việc xây dựng định hướng sử dụng đất huyện đến năm 2020:

Sử dụng đất đai hợp lý, hiệu quả, đáp ứng các nhu cầu theo định hướng phát triển xã hội. Bảo vệ đất, bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo sử dụng đất bền vững.

Trên cơ sở cân đối quỹ đất cho xây dựng cơ bản, giao thông, thủy lợi, và khu dân cư mới. Diện tích đất canh tác còn lại được xem xét một cách tổng hợp về điều kiện sinh thái môi trường phù hợp tính chất đất, điều kiện thủy văn, hiệu quả mang lại, bảo vệ môi trường, tránh làm suy thoái đất.

Dành quỹ đất thích hợp cho phát triển thương mại, dịch vụ.

2. Quan điểm về môi trường

Khai thác sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ môi trường đất để sử dụng ổn định, lâu dài và bền vững.

Bố trí cân đối diện tích đất cho các ngành, dành quỹ đất trồng cây xanh hàng lang kênh phù hợp để đảm bảo bảo vệ công trình.

3. Quan điểm chuyển mục đích sử dụng đất

Gắn liền với sử dụng quỹ đất hiệu quả, điều chỉnh sử dụng đất trên cơ sở quy hoạch sản xuất hợp lý để sử dụng đất mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, cần quan tâm đến khía cạnh sử dụng đất trên quan điểm bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

III. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2035

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất toàn khu các giai đoạn

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2030		Đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Khu đất nông nghiệp	1.728,75	70,82	990,35	40,57	928,00	38,02
1.1	Đất trồng lúa	260,5	10,67	212,75	8,72	180,4	7,39
1.2	Đất trồng trọt khác	421,79	17,28	137,62	5,64	107,62	4,41
1.3	Đất rừng sản xuất	132,18	5,41	126,5	5,18	126,5	5,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	803,28	32,91	513,48	21,04	513,48	21,04
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	110,17	4,51		0,00		0,00
1.6	Đất nông nghiệp khác	0,83	0,03				
2	Đất xây dựng	559,33	22,91	1.408,55	57,70	1.470,90	60,26
2.1	Đất ở	249,88	10,24	215,69	8,84	255,97	10,49
	- Đất ở tại nông thôn	82,99		82,99		97,99	
	- Đất ở quy hoạch mới			25,8		39,4	
	- Đất hỗn hợp đơn vị ở			6,4		22,95	
	- Đất vườn chung thửa đất ở	166,89		100,5		95,63	63
2.2	Đất công cộng	8,17	0,33	12,15	0,50	12,15	0,50
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,49	0,06	27,72	1,14	27,72	1,14
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1,61	0,07	1,57	0,06	1,57	0,06
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	85,53	3,50	921,43	37,75	921,43	37,75
2.6	Đất xây dựng các chức năng khác	7,27	0,30	30,72	1,26	30,72	1,26
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	200,38	8,21	194,97	7,99	217,04	8,89
	- Đất giao thông	88,95	3,64	139,72	5,72	161,79	6,63
	+ Giao thông đối ngoại	15,6	0,64	47,8	1,96	47,8	1,96
	+ Giao thông đối nội	73,35	3,00	91,92	3,77	113,99	4,67
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	94,28	3,86	37	1,52	37	1,52
	- Hạ tầng kỹ thuật khác	17,15	0,70	18,25	0,75	18,25	0,75
2.8	Đất quốc phòng, an ninh	5	0,20	4,3	0,18	4,3	0,18
3	Đất khác	152,92	6,26	42,1	1,72	42,1	1,72
	Tổng cộng	2.441	100	2441	100	2441	100

PHẦN 6- ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI- HẠ TẦNG KỸ THUẬT

I. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI

Hệ thống công trình hạ tầng xã hội được tổ chức theo tầng bậc và phân cấp thành:

Cấp đô thị: Phục vụ cho toàn xã, bố trí tại khu vực trung tâm trung tâm xã

Cấp đơn vị ở: được tổ chức đầy đủ các dịch vụ về thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa...

Cấp nhóm ở: tương đương quy mô khu phố, cụm điểm làng xóm. Được tổ chức đa dạng trên cơ sở khai thác và tối ưu hóa hiện trạng, tạo nên mạng lưới hấp dẫn phục vụ cộng đồng trong tương lai. Khai thác hiệu quả các công trình, không gian văn hóa hiện hữu như đền, chùa, miếu, nhà thờ, nhà văn hóa ... để tổ chức không gian công cộng cho các cộng đồng. Hệ thống các dịch vụ công cộng cấp nhóm ở được bố trí đầy đủ, đảm bảo tiếp cận theo bán kính đi bộ.

1. Định hướng quy hoạch trụ sở làm việc cơ quan hành chính

Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp các công trình công cộng tại khu trung tâm hiện hữu. Trong tương lai khuyến khích mô hình hợp khối với tầng cao trung bình đối với trụ sở các cơ quan, nhằm tiết kiệm quỹ đất, tạo hình ảnh bề thế, uy nghiêm của công trình hành chính tập trung. Quỹ đất còn lại bố trí cho các chức năng công cộng (không gian văn hóa, sinh hoạt cộng đồng, quảng trường trung tâm...).

- Chỉnh trang trụ sở UBND- HĐND theo lộ giới đường.
- Xây dựng mới Trụ sở làm việc công an xã (đang triển khai)
- Giữ nguyên vị trí và quy mô công trình Nhà văn hóa xã.

Trụ sở làm việc cơ quan hành chính xã vừa được xây dựng mới khang trang hiện đã đáp ứng điều kiện, môi trường làm việc. Ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ hành chính công

2. Định hướng quy hoạch cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Trạm y tế xã: Nâng cấp, mở rộng trạm y tế xã hiện hữu để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh nhân dân địa phương và giảm tải cho tuyến y tế cấp trên trong việc khám chữa bệnh và sàng lọc điều trị ban đầu. Tiêu chuẩn 4 giường bệnh /10.000 dân, diện tích đạt 100m²/giường.

Tiếp tục thực hiện chính sách về bảo hiểm y tế: tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Chú trọng công tác

y tế dự phòng, thường xuyên kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện và khống chế kịp thời không để lây lan trên diện rộng; thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế Quốc gia về phòng chống HIV và phòng chống các bệnh xã hội. Chú trọng triển khai có hiệu quả công tác phòng chống các loại dịch bệnh nguy hiểm ở người như dịch Covid-19, sốt xuất huyết, tay chân miệng... Triển khai mạnh mẽ các biện pháp kiểm soát vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; chú trọng chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em, KHHGD, phòng chống suy dinh dưỡng, phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng giảm 0,5%/năm, thể thấp còi giảm 0,5%/năm; giảm tỷ suất sinh hàng năm 0,25‰.

3. Định hướng quy hoạch cơ sở giáo dục đào tạo

Cải tạo, chỉnh trang các cơ sở trường và nâng cấp các thiết bị các trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS phục vụ cho công tác đào tạo chất lượng cao, đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi cho người dân và an toàn cho học sinh, với kiến trúc hiện đại, sinh thái và tạo môi trường văn minh cho hoạt động giáo dục đào tạo.

Chỉnh trang các cơ sở giáo dục, đảm bảo chỉ tiêu diện tích bình quân 10-12 m²/học sinh, phục vụ nhu cầu học tập, vui chơi giải trí.

4. Định hướng quy hoạch cơ sở văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí

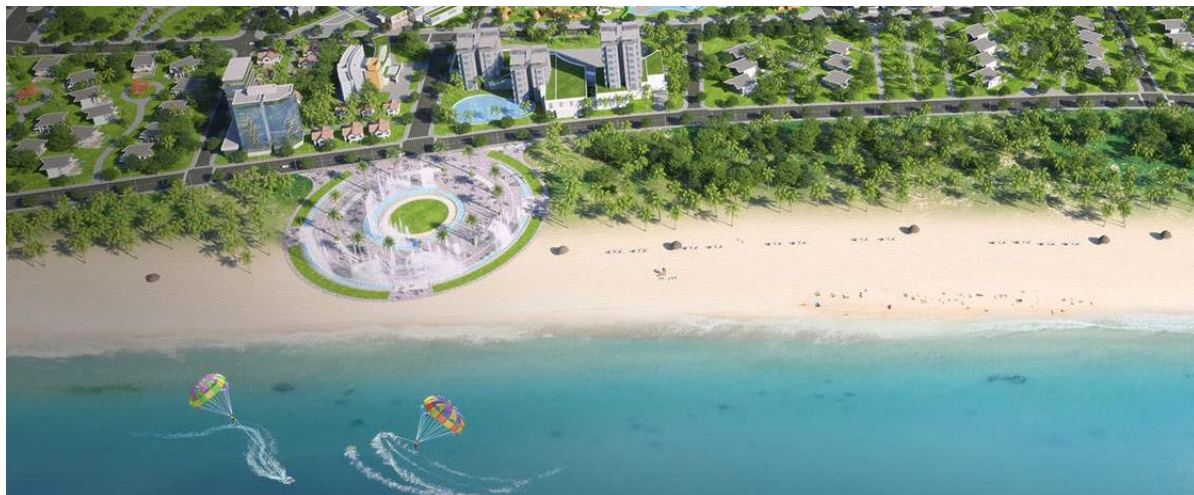
Cải tạo, chỉnh trang nhà văn hóa trung tâm xã, chuyển đổi sân thể thao đã có của xã tại trung tâm xã thành sân thể thao cơ bản; Quy hoạch mới Trung tâm văn hóa TDTT (nhà thi đấu đa năng gắn với trung tâm văn hoá – thể thao), quy hoạch mới Sân vận động xã, hướng tới nhu cầu phát triển đô thị loại V trong tương lai.

Bố trí hệ thống công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, sân thể dục thể thao tại các khu ở, đảm bảo mỗi khu ở có một trung tâm văn hóa thể thao. Các sân thể công cộng khác và bố trí mới tại khu vực đảm bảo bán kính phục vụ nhu cầu tập luyện, giải trí của nhân dân.

Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của làng chài Xuân Thạnh, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch cho địa phương. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao và du lịch.

Đất cây xanh đô thị: các khu vực công viên, cây xanh, vườn hoa được nghiên cứu, khai thác triệt để không gian mặt nước hiện có, tạo lập các trục cảnh quan kết hợp với không gian đi bộ gắn kết khu vực hiện hữu với khu vực phát triển mới. Tại đây bố trí các hoạt động vui chơi giải trí phục vụ cho nhiều lứa tuổi. Kết nối hệ thống cây xanh đường phố, các trục không gian đi bộ.

Quảng trường đô thị: tổ chức tại vị trí tập trung các công trình công cộng, trung tâm thương mại, tập trung đông người, khai thác yếu tố cảnh quan và tự nhiên, là không gian mở, không gian thở cho đô thị. Định hướng quy hoạch quảng trường biển phía Đông đường ĐT 639, tại khu vực Thuận Đạo. Bên cạnh đó, bố trí các quảng trường nhỏ bên trong đô thị, gắn liền với các công viên- cây xanh; quảng trường giao thông tại các nút giao lớn, trước các công trình điểm nhấn.



Hình: Minh họa tổ chức quảng trường biển

5. Định hướng quy hoạch dịch vụ thương mại

Định hướng từng bước dịch chuyển cơ cấu kinh tế của địa phương sang các ngành CN-TTCN- TM và dịch vụ.

Hình thành các công trình dịch vụ thương mại cấp đô thị tại khu vực cửa ngõ, trên các trục đường hướng tâm và vành đai quan trọng, giao lộ của các tuyến đường, trên các quảng trường giao thông, quảng trường trước các công viên cây xanh.

Các trung tâm thương mại cấp đô thị khoảng 1,5 – 2,0 ha/ công trình; chợ đô thị tối thiểu 0,2 ha/công trình.

Chợ xã Mỹ An hiện trạng không còn quỹ đất để mở rộng trong tương lai. Để đáp ứng tiêu chí chợ theo đô thị loại V, quy hoạch mới chợ xã, quy mô 1,5ha.

Quy hoạch các quỹ đất DVTM phục vụ các chức năng: Trung tâm thương mại, siêu thị, khu phức hợp thương mại, nhà hàng... tại khu vực cửa ngõ phía Bắc và phía Nam đô thị dọc theo trục ĐT 639, thuận lợi cho hoạt động thương mại, buôn bán của nhân dân, tạo điểm nhấn cho không gian đô thị, hình thành hình ảnh cho đô thị.

Bên cạnh đó, tại các vị trí trung tâm đô thị hiện hữu đã và đang khai thác dịch vụ thương mại, dành các quỹ đất bố trí cho nhu cầu thương mại tập trung như: các cửa hàng dịch vụ, trung tâm mua sắm, cửa hàng tiện lợi ... nhằm khuếch

đại hoạt động thương mại, lan tỏa, cộng hưởng với các trung tâm dịch vụ chuẩn bị hình thành trong tương lai.

6. Định hướng quy hoạch dịch vụ du lịch

Kêu gọi xã hội hóa, khai thác du lịch tại điểm Di tích lịch sử hồ Đá Bàn,

Phụ trợ dịch vụ di lịch cho các địa phương lân cận (Mỹ Châu, Mỹ Thọ), phát triển hệ thống công trình dịch vụ du lịch, lưu trú, ẩm thực ... là điểm đến, thưởng thức ẩm thực địa phương, quảng bá văn hóa địa phương, lựa chọn xây dựng các sản phẩm đặc trưng phục vụ du lịch của địa phương nhằm thu hút và tăng thời gian lưu trú, mua sắm của khách du lịch. Coi trọng việc bảo tồn và tôn tạo cảnh quan, môi trường tự nhiên và truyền thống văn hóa của các làng, xóm, đảm bảo phát triển du lịch bền vững.



Hình: Bãi biển Xuân Thạnh về đêm



Hình: Hoạt động thu hút trải nghiệm trên bãi biển Xuân Thạnh

7. Định hướng quy hoạch công nghiệp, TTCN

Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, định hướng phát triển tại Phù Mỹ hình thành cảng biển tại khu vực biển Mỹ An, Mỹ Thọ, phục vụ khu kinh tế, công nghiệp (năng lượng, luyện kim). Định hướng bố trí quỹ đất dự trữ tại phía Nam xã, nhằm ghép nối với quỹ đất dự trữ phía Bắc của xã Mỹ Thọ để đáp ứng đủ quỹ đất cho dự án bến cảng Phù Mỹ trong tương lai.

Bên cạnh đó, tại Bình Định nói chung và Phù Mỹ nói riêng còn có lợi thế khai thác năng lượng tái tạo. Hiện tại UBND tỉnh Bình Định đề xuất đưa vào kế hoạch thực hiện Quy hoạch Điện VIII với 7 dự án điện gió trên biển tổng công suất 8.600 MW, 8 dự án điện gió trên bờ tổng công suất 862 MW. Trong đó, tại Mỹ An là Dự án Nhà máy điện gió ngoài khơi Mỹ An (1.000 MW), dự án Nhà máy điện gió Mỹ An trên bờ có công suất (50 MW). Định hướng bố trí quỹ đất Năng lượng tái tạo để phục vụ triển khai các Dự án này.

8. Định hướng quy hoạch nông, lâm, ngư nghiệp; Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn

- Quan điểm:

+ Xác định ngành kinh tế mũi nhọn là đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản. Từng bước dịch chuyển cơ cấu kinh tế từ Nông, lâm ngư nghiệp sang CN- xây dựng- Dịch vụ.

+ Rà soát, điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Mỹ An phải phù hợp với tình hình thực tế và quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên địa bàn của huyện Phù Mỹ và tỉnh Bình Định. Đồng thời tranh thủ các cơ hội, huy động mọi nguồn lực để khai thác và phát huy những tiềm năng và lợi thế của từng tiểu vùng vào phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, tạo ra sản lượng hàng hóa lớn, có chất lượng cao, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu.

+ Rà soát, điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp phải gắn liền với phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ một cách kịp thời, thiết thực và hiệu quả cao. Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, chủ động chuyển đổi từ mô hình kinh tế hộ sang kinh tế trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã... khẩn trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp, trước mắt cần tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất, cơ giới hóa, ứng dụng giống mới, kết hợp với đa dạng hóa cây trồng vật nuôi, tranh thủ ứng dụng công nghệ tiên tiến phù hợp và thực sự đem lại hiệu quả cao và bền vững.

+ Rà soát, điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp phải gắn liền với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, thực hiện công bằng xã hội, xóa đói, giảm nghèo và chống tái nghèo, đảm bảo an ninh quốc phòng, ổn định xã hội và môi trường nông thôn.

- Mục tiêu phát triển:

+ Phát triển nông nghiệp gắn với chương trình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng đường giao thông phục vụ sản xuất. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, ổn định diện tích nông nghiệp (ớt, hoa màu,...).

+ Kết hợp nông nghiệp và du lịch, xây dựng mô hình du lịch trải nghiệm.

+ Hỗ trợ ngư dân bám biển, ứng dụng KH-CN, kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại vào quá trình khai thác, sản xuất, chế biến. Hình thành bến cá Xuân Thạnh theo định hướng của TTg-CP.



Hình: Định hướng mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch trải nghiệm

8.1. Về Nông nghiệp

Trong quá trình chuyển đổi đất xây dựng đô thị vẫn duy trì đất canh tác nông nghiệp ở các khu vực trong địa phương, ngoài ra cần:

- Cơ giới hóa nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất.
- Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật chuyển giao các loại giống cây trồng có chất lượng cao cả về lượng và chất, ngoài ra còn trồng rau sạch, trồng ngô...
- Đẩy mạnh mô hình kinh tế trang trại, trang trại tổng hợp trồng trọt, chăn nuôi và chăn nuôi dưới tán rừng... có hiệu quả kinh tế cao.
- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm theo hướng công nghiệp.
- Đẩy mạnh các phương pháp nuôi thủy sản kết hợp trồng lúa, nuôi thủy sản sinh thái, quy hoạch nuôi thủy sản gắn với bảo vệ môi trường.
- Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng cho nuôi trồng, đẩy mạnh chính sách về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho quản lý và chăm sóc.
- Tiếp tục đổi mới phát triển hợp tác xã và nhân rộng các mô hình sản xuất đang hoạt động có hiệu quả trên địa bàn.
- Hình thành các khu đất chuyên canh nông nghiệp hàng hóa chủ yếu, khu chăn nuôi tập trung trên địa bàn xã.



Hình: Minh họa ứng dụng cơ giới hóa, ứng dụng KHCN trong sản xuất

8.2. Về lâm nghiệp

Về lâm nghiệp, bảo vệ nghiêm ngặt, không chuyển đổi mục đích sử dụng quỹ đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ hiện có. Thực hiện tốt quy chế bảo vệ rừng, giữ gìn tỷ lệ che phủ rừng, khuyến khích, vận động nhân dân tham gia trồng rừng cây gỗ lớn tạo cảnh quan trồng cây xanh đô thị; phát triển kinh tế gia trại, trang trại.

Quá trình đô thị hóa trên địa bàn trong tương lai sẽ diễn ra tốc độ nhanh, kéo theo sự phát triển các ngành thương mại, du lịch và công nghiệp dẫn tới quỹ đất sản xuất nông nghiệp giảm dần. Để duy trì sản lượng, các tổ chức kinh tế và doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất sản phẩm nông nghiệp phải sản xuất theo hướng hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, trung tâm giống để bắt kịp với xu thế phát triển.

8.3. Về trồng trọt

Nguồn gốc đất nông nghiệp (đất trồng lúa): Hạn chế chuyển đổi đất trồng lúa để đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng có giá trị cao hơn để nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích. Qua đó góp phần vào mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững.

Thực hiện cụ thể quy hoạch vùng trồng trọt và chăn nuôi theo mô hình trang trại tập trung quy mô hộ gia đình và trang trại quy mô lớn theo hướng bố trí các tuyến hạ tầng, cung cấp điện và hệ thống cấp nước tới từng khu vực, kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất và chế biến sản phẩm để không gây ô nhiễm môi trường. Tổ chức tuyến giao thông đến các khu vực chăn nuôi và trồng trọt tập trung để kế hợp khai thác phát triển du lịch.

Bố trí các trung tâm dịch vụ hỗ trợ tại các điểm đầu mối. Phát triển các trung tâm nghiên cứu chuyên giao công nghệ, khu trưng bày giới thiệu sản phẩm, các khu dịch vụ trải nghiệm, khu lưu trữ hàng, kho lạnh, bến bãi tập kết hàng hoá,

Vùng trồng cây lâu năm, cây hàng năm khác rải rác tại khu vực các thôn trên địa bàn xã.

8.4. Về chăn nuôi

Bố trí quỹ đất dành cho việc di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi các khu trung tâm của xã.

Phát triển chăn nuôi theo hướng hướng trang trại, gia trại, đi đôi với các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Phấn đấu đưa giá trị chăn nuôi chiếm tỷ trọng cao trong nội bộ ngành nông nghiệp. Đẩy mạnh lai tạo đàn bò, nạc hoá đàn lợn nhằm gia tăng hiệu quả kinh tế. Phấn đấu đến năm 2025, tổng đàn trâu, bò 1.725 con với tỷ lệ bò lai chiếm 90%, đàn lợn 3.560 con, đàn gia cầm 48.550 con. Củng cố đội ngũ cán bộ thú y; quan tâm công tác tiêm phòng và phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, tỷ lệ tiêm phòng đạt 85% trở lên.

Kết hợp khai thác phát triển du lịch tại khu vực chăn nuôi và trồng trọt tập trung, đa dạng hóa sản phẩm du lịch cho địa phương.



Hình: Minh họa khu chăn nuôi tập trung

8.5. Về đánh bắt, nuôi trồng thủy sản

Xác định là một trong các mũi nhọn phát triển kinh tế tại địa phương. Thiết lập vùng nuôi, trồng thủy hải sản đảm bảo được hiệu quả về mặt kinh tế, tận dụng nguồn năng lượng tái tạo cũng như giảm thiểu gánh nặng về vấn đề năng lượng, phát triển ngành thủy sản theo hướng thân thiện với môi trường.



Hình: Khu vực nuôi trồng thủy hải sản, khai thác NLTT

8.6. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn



Hình: Minh họa Trung tâm hỗ trợ dịch vụ nông nghiệp

Khu TTCN của xã tại thôn Xuân Thạnh hoạt động không hiệu quả, gây ONMT, định hướng giảm một phần diện tích khu TTCN trở thành khu dịch vụ hỗ

trợ phát triển kinh tế cho địa phương, cung cấp các dịch vụ hậu cần nghề cá, chế biến thủy hải sản, vừa cung cấp vật tư, nhiên liệu vừa làm nơi mua, trung chuyển sản phẩm. Phát triển bền vững, đảm bảo các tiêu chí về VSMT, cung cấp nguồn việc làm cho nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả của mỗi chuyến biển.

Khu dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp quy hoạch chuyển đổi, có quy mô 3,06ha

9. Định hướng đảm bảo an ninh quốc phòng

Rà soát các khu vực đất quốc phòng hiện trạng và đã có dự kiến quy hoạch bảo vệ các khu vực đất, công trình an ninh quốc phòng hiện trạng và các khu vực, dự kiến bố trí quy hoạch các công trình an ninh quốc phòng đảm bảo hài hòa với phát triển kinh tế xã hội. Diện tích đồn biên phòng theo lộ giới đường VBQG khi thực hiện QH giảm từ 4,7ha còn 4,16 ha.

10. Tổng hợp công trình dịch vụ- công cộng cấp đô thị

Bảng tổng hợp chỉ tiêu diện tích công trình Dịch vụ- công cộng cấp đô thị				
Dân số tính toán		Đến 2030:		8.700 người
		Đến 2035:		9.000 người
T	Tên công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị	Diện tích (ha)		Ghi chú
		Hiện trạng	Đến 2035	
A	Công cộng			
1	UBND xã	0,74	1,49	Chỉnh trang- mở rộng
2	Bưu điện văn hóa	0,08	0,07	Chỉnh trang
3	Nghĩa trang liệt sĩ	0,79	0,79	Giữ nguyên
B	An ninh quốc phòng			
1	Công an xã	0,15	0,15	Giữ nguyên
2	Hải đội biên phòng	4,45	4,16	Chỉnh trang
C	Y tế			
1	Trung tâm y tế	0,24	0,26	Nâng cấp- Mở rộng
D	Văn hóa - Thể dục thể thao			
1	Sân thể thao cơ bản	0,8	1	Giữ nguyên
2	Sân vận động		3	Quy hoạch mới
3	Trung tâm Văn hóa - Thể thao		3	
4	Nhà thiếu nhi		1	
5	Nhà văn hóa	0,2	0,5	Mở rộng
E	Thương mại			

1	Chợ đô thị	0,24	1,0	Quy hoạch mới
G	Tiện ích công cộng			
1	Công viên- cây xanh đô thị	0,69	30,0 3	Chỉnh trang Công viên xã+ Quy hoạch mới
2	Bãi đỗ xe đô thị	-	3,65	Quy hoạch mới
H	Hạ tầng kỹ thuật			
1	Trạm XLNT	-	1,1	Quy hoạch mới
2	Trạm bơm nước sạch	-	0,25	Quy hoạch mới

II. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Quy hoạch giao thông

1.1. Cơ sở thiết kế

Căn cứ quy hoạch Điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 08/10/2015;

Căn cứ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

QCXDVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam – Quy hoạch xây dựng.

QCXD 07: 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

TCVN 4054-2005 Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế.

TCVN 10380-2014 Đường GTNT– Yêu cầu thiết kế.

Bản đồ nền địa hình xã Mỹ An tỷ lệ 1/10.000;

Các đồ án quy hoạch xây dựng, các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt và đang triển khai trên địa bàn xã Mỹ An.

1.2. Quy hoạch giao thông đối ngoại

a) Đường bộ

+ Đường tỉnh 639: Triển khai thi công đoạn tuyến Mỹ Thành- Lại Giang, theo Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc dự án đầu tư xây dựng công trình. Dự án: Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Bình Định.

+ Đường tỉnh 632 (Phù Mỹ- Bình Dương): Đoạn qua khu vực quy hoạch chiều dài khoảng 5,4km, giai đoạn 2020-2030 giữ tiêu chuẩn đường cấp IV, lộ giới quản lý toàn tuyến 30m.

b) Đường thủy

- Bến cảng: Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 22/9/2023.

- Bến thuyền: Định hướng quy hoạch bến thuyền phục vụ du lịch tại hòn Gành, thôn Xuân Thạnh Nam.

- Bến cá: Theo Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 15/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá, bến cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Xuân Thạnh, Mỹ An là 01 trong 02 bến cá tại Phù Mỹ (bến còn lại là bến cá Tân Phụng, Mỹ Thọ), với năng lực là 50 lượt/200CV/ ngày, tổng lượng thủy sản 1 năm qua bến là 4.000 tấn/năm

1.3. Giao thông đối nội

a) Thiết kế mạng lưới đường

Các khu vực được kết nối thông qua các tuyến đường tỉnh và đường chính của đô thị.

Mạng lưới đường được thiết kế trên cơ sở tận dụng các tuyến đường hiện trạng, các tuyến đường xây dựng mới bám sát địa hình tự nhiên, cân bằng đào đắp, đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của tuyến.

b) Phân cấp và quy mô mạng lưới đường

Đường chính đô thị: kết nối từ các tuyến đường tỉnh vào khu vực và kết nối các khu vực trong đô thị với nhau.

Mặt cắt 1-1, quy mô đường 30m: lòng đường $7,5 \times 2 = 15\text{m}$; dải phân cách 3m; vỉa hè $6 \times 2 = 12\text{m}$.

Đường khu vực: Kết nối từ tuyến đường chính đô thị vào các tiểu khu và các khu chức năng.

Mặt cắt 2-2, quy mô đường 24m: lòng đường 14m; vỉa hè $5 \times 2 = 10\text{m}$. Mặt cắt 3-3, quy mô đường 20,5m: lòng đường 10,5m; vỉa hè $5 \times 2 = 10\text{m}$.

Đường phân khu vực:

Mặt cắt 3-3, quy mô đường 20,5m: lòng đường 10,5m; vỉa hè $5 \times 2 = 10\text{m}$. Mặt cắt 4-4, quy mô đường 13-17m: lòng đường 7m; vỉa hè $(3-5) \times 2 = 6-8\text{m}$.

Các tuyến đường xã: đạt tiêu chuẩn đường cấp V, VI, quy mô 7,5-9m.

Các tuyến ngõ dân sinh: Cải tạo các tuyến đường hiện trạng, đảm bảo an toàn giao thông và phòng cháy chữa cháy theo quy định.

c) Bãi đỗ xe

Bố trí các bãi đỗ xe cho từng khu vực, đảm bảo chỉ tiêu 2,5m²/người. Bãi đỗ xe được bố trí tại các khu vực cây xanh, công cộng, thương mại...tập trung đông người.

d) Giao thông công cộng

Hệ thống giao thông công cộng trong khu vực được liên kết mật thiết với hệ thống giao thông huyện Phù Mỹ và tỉnh Bình Định. Phương tiện giao thông công cộng chủ yếu là xe buýt. Các tuyến xe buýt liên huyện đi qua khu vực.

e) Các chỉ tiêu giao thông đạt được

Tổng diện tích đất giao thông (không bao gồm giao thông tĩnh) 149,48ha chiếm 6,12 % diện tích đất xây dựng đô thị;

Tổng chiều dài mạng lưới đường khoảng 40,7km;

Mật độ mạng lưới đường (tính đến đường khu vực so với đất xây dựng các khu chức năng): 1,6km/km².

2. Quy hoạch cao độ nền xây dựng

2.1. Cở sở thiết kế

Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 (hệ cao độ quốc gia).

Tài liệu thủy, hải văn do trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh cấp.

Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050 đã được phê duyệt

Pháp lệnh đê điều và quy chuẩn xây dựng hiện hành.

Các quy hoạch ngành, các dự án liên quan đến quy hoạch xây dựng.

QCXDVN 01:2021/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam Về Quy hoạch xây dựng.

QCVN 07:2010/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Về các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

TCVN 7957:2008 Tiêu chuẩn Việt Nam Về thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài.

Quyết định số 1613/QĐ-BNN-KHCN ngày 9/7/2012 về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Chương trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển

2.2. Nguyên tắc thiết kế

Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, tôn tạo thiên nhiên, giữ gìn môi trường xanh, rừng phòng hộ, tận dụng các quỹ đất chưa sử dụng.

Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên để san lấp nền với mức ít nhất.

Độ dốc dọc đường theo quy chuẩn hiện hành để đảm bảo giao thông thuận lợi.

Đảm bảo độ dốc nền công trình để thoát nước tự chảy.

Đảm bảo tôn tạo, giữ ổn định nền xây dựng.

Thông thoáng các trục tiêu chính, đảm bảo thoát lũ.

Thu thoát nước mặt triệt để, đảm bảo thoát nước tốt, giao thông thuận tiện, an toàn.

Đảm bảo tôn tạo, giữ ổn định nền xây dựng.

Đề xuất các giải pháp hợp lý, hài hòa về nền và thoát nước trong khu vực cải tạo xây dựng.

Thoát nước mưa thuận tiện và không gây ngập úng.

2.3. Giải pháp thiết kế cao độ nền

Tính toán cao độ xây dựng theo đường tần suất mực nước lấy $P=1\% - 10\%$ (tương ứng với 10 - 100 năm xảy ra 1 lần) tùy theo từng khu vực và cấp đô thị.

- Tận dụng địa hình tự nhiên để giảm thiểu khối lượng đào đắp.

- Độ dốc dọc đường theo quy chuẩn hiện hành để đảm bảo giao thông và thoát nước tự chảy.

- Đối với xã Mỹ An cao độ nền xây dựng chọn ứng với tần suất tính toán $P=10\%$ (theo bảng 2.13 QCVN 01:2021) đảm bảo không bị ngập úng, ngập lũ, thuận tiện cho giao thông và thoát nước mưa dễ dàng. Cao độ nền xây dựng xác định cụ thể như sau:

+ Đối với các khu vực đô thị và dân cư hiện trạng: cao độ xây dựng trên cơ sở cao độ nền hiện trạng của đô thị và dân cư hiện hữu.

+ Đối với các trung tâm đô thị và dân cư tập trung: Cao độ xây dựng $H_{xd} \geq H_{max}$ lớn nhất (ứng với tần suất $P= 10\%$) $+0,3m$.

+ Đối với khu công nghiệp tập trung: Cao độ xây dựng dân dụng $H_{cn} \geq H_{max}$ lớn nhất ứng với tần suất $P= 10\%+ 0,5m$.

+ Những khu vực xây dựng gần sông suối, hồ chứa, đê đập phải tuân thủ quy định về hành lang bảo vệ an toàn.

- Hướng dốc san nền chính của khu vực quy hoạch thấp dần về phía Bắc, theo hướng dốc chủ đạo của địa hình tự nhiên. Từng khu vực san lấp cục bộ địa hình dốc về nguồn tiếp nhận nước mặt.

—

3. Quy hoạch thoát nước mặt

3.1. Hướng thoát nước

Với địa hình dốc chính theo hướng từ Nam ra Bắc. Nước mưa chảy theo địa hình tự nhiên về hệ thống cống, rãnh thoát nước bố trí dọc các tuyến đường giao thông chính dẫn theo bờ Vùng, thoát ra đầm Châu Trúc.

Một phần phía Nam đường phân thủy Núi Lớn, nước mưa chảy theo địa hình tự nhiên về hệ thống cống, rãnh thoát nước bố trí dọc các tuyến ĐT 632, dẫn về các kênh mương hiện trạng gần nhất, dẫn về bàu Chánh Trạch (Mỹ Thọ), sau đó thoát ra đầm Đề Gi (Mỹ Thành), rồi đổ ra biển.

3.2. Giải pháp thoát nước

Hệ thống thoát nước mưa thiết kế theo nguyên tắc tự chảy.

Tận dụng hệ thống tự chảy tự nhiên, đồng thời cải tạo và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước riêng cho những khu vực phát triển xây dựng.

Bổ sung hệ thống cống dọc các trục đường, tiêu thoát nhanh nước mặt theo hướng dốc dần về Đầm Trà Ổ.

Đối với khu vực đô thị hiện trạng tại: Xây dựng hệ thống nưả riêng, tách nước bản, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

Khu vực phát triển xây dựng đô thị, đất ở mới thiết kế hệ thống thoát nước mặt riêng hoàn chỉnh với chế độ tự chảy.

3.3. Phương pháp tính toán hệ thống thoát nước mặt

Tính toán thủy lực thoát nước lựa chọn đường kính cống thoát nước Theo phương pháp cường độ mưa giới hạn (Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước mưa TCVN7957-2008)

$$Q = q \times F \times F \text{ (l/s; m}^3\text{/s)}$$

Trong đó:

Q - lưu lượng tính toán (l/s; m³/s).

q - lưu lượng đơn vị (l/s.ha; m³/s.ha).

F- Hệ số dòng chảy:0,6.

Không chế độ sâu chôn cống, độ dốc thủy lực như sau:

Chiều sâu chôn cống tối thiểu: h=(0,5-0,7)m

Tuyến cống đi dưới lòng đường: h=0,7m.

Tuyến cống đi trên hè, khu công viên cây xanh: h=0,5m.

Độ dốc thủy lực không chế như sau:

Độ dốc thủy lực đường cống tối thiểu với nền địa hình bằng phẳng, và với nền đắp: $i_{min} > 1/d$

Độ dốc thủy lực tối đa: $I_{max} < 4\%$ ($I > 4\%$: cần thiết kế tiêu năng giai đoạn thiết kế chi tiết).

Vận tốc tối đa và tối thiểu của công thoát nước mưa

Vận tốc	Mô tả
V _{max} , vận tốc dòng chảy tối đa = 4.0 m/s	Vận tốc tối đa đề ra nhằm bảo vệ ống khỏi bị xói và va đập, do đó có thể bảo đảm giữ nguyên hiện trạng kết cấu.
V _{min} , vận tốc dòng chảy tối thiểu = 0.80 m/s	Vận tốc tự làm sạch tối thiểu để tránh khả năng lắng đọng những vật liệu cứng trong lòng cống.

Độ dốc của cống được thiết kế sao cho vận tốc dòng chảy trong phạm vi các vận tốc cho phép với từng cỡ cống lựa chọn. Đối với đoạn cống có độ dốc lớn bắt buộc phải thực hiện các giải pháp tiêu năng, giảm vận tốc dòng chảy.

3.4. Giải pháp phòng chống lũ lụt và thiên tai

a) Giải pháp thi công, xây dựng

- Thực hiện xây dựng mới kè Thôn Xuân Thạnh.

b) Giải pháp phi công trình

+ Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo lũ

Mục tiêu của giải pháp này là xây dựng một hệ thống cảnh báo, dự báo lũ sớm kết hợp phần mềm và phần cứng, phục vụ cho công tác ứng phó khi lũ về. Các thành phần cơ bản của hệ thống này gồm 4 thành phần chính:

- (1) Hệ thống đo và truyền số liệu mưa, mực nước tự động,
- (2) Hệ thống dự báo mực nước, lưu lượng và bản đồ ngập lụt,
- (3) Hệ thống hiển thị kết quả dự báo trên máy tính và điện thoại thông minh để cán bộ và nhân dân biết trước tình trạng ngập lụt tại từng vị trí nơi mình cư trú hoặc chịu trách nhiệm quản lý,
- (4) Hệ thống hỗ trợ ra quyết định ứng phó giúp đưa ra những quyết định về di dời, cứu hộ, cứu nạn dựa trên kết quả dự báo lũ lụt. Yêu cầu của hệ thống này là phải đảm bảo mục tiêu trực quan, sinh động, dễ hiểu, dễ sử dụng và giúp nhanh chóng đưa ra những quyết định cần thiết.

Vì vậy cần kết hợp với các địa phương lân cận trong việc lắp đặt các trạm đo mưa, mực nước tại các huyện này cũng như nghiên cứu, tính toán dòng chảy lũ từ các xã lân cận đổ về phần lưu vực thuộc xã Mỹ An. Các vị trí lắp đặt các trạm đo mưa và mực nước phải đảm bảo phân bố trên toàn lưu vực, ưu tiên vào một số vị trí quan trọng như trung tâm huyện, các hồ chứa nước theo quy hoạch

thuỷ lợi tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 07/10/2015.

- Giải pháp nâng cao khả năng phòng lũ, chống sạt lở của rừng:

+ Nhằm tăng khả năng phòng lũ, chống sạt lở của rừng, cần thiết phải tăng diện tích thảm phủ và rừng phòng hộ. Để đạt được mục đích này cần thực hiện tốt 2 nhiệm vụ sau: (1) Đảm bảo giữ nguyên diện tích rừng tự nhiên và rừng phòng hộ hiện có; (2) Nâng cao chất lượng thảm thực vật bằng các biện pháp khoanh nuôi, xúc tiến, tái sinh làm giàu rừng. Cụ thể:

Trồng cây ở những khu vực có điều kiện để trồng (chẳng hạn, tiến hành trồng cây tre gai cạnh bờ ruộng, sông, chống sạt lở) nhằm giữ đất, giữ nước, chống sạt lở, rửa trôi.

Triển khai trồng cây gỗ lớn nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng, tăng cường khả năng phòng hộ, chống sạt lở của rừng và góp phần cải thiện môi trường, cảnh quan và hệ sinh thái rừng. Việc phát triển rừng trồng gỗ lớn phải dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý, có hiệu quả diện tích đất lâm nghiệp được quy hoạch phát triển rừng sản xuất và diện tích đất trống trong khu vực rừng phòng hộ; sớm hình thành vùng rừng gỗ lớn có năng suất, chất lượng cao, cung cấp nguyên liệu ổn định, lâu dài cho chế biến tại thị trường trong nước và từng bước xuất khẩu. Theo đề án trồng rừng cây gỗ lớn, đến năm 2025 Phù Mỹ xác định sẽ tăng thêm 5000 ha cây gỗ lớn.

4. Quy hoạch cấp điện

4.1. Cơ sở lập quy hoạch

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN01:2021/BXD, ban hành ngày 19/05/2021.

Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035, Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV (Hợp phần 2) để đầu nối trạm biến áp trung gian 35/22kV-5600kVA cấp điện cho phụ tải khu vực huyện An Lão, tỉnh Bình Định được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 19/10/2022.

Các quy chuẩn có liên quan

4.2. Chỉ tiêu cấp điện

Điện sinh hoạt: 1.100kWh/người/năm(450W/người)

Phụ tải điện công cộng: 30% phụ tải điện sinh hoạt

4.3. Nhu cầu phụ tải điện

Bảng tính toán cấp điện dự kiến				
TT	Danh mục	Đơn vị	Phụ tải điện	
			2030	2035
1	Dân số	Người	8.800	9.000
2	Chỉ tiêu cấp điện	w/người	350	350
3	Phụ tải điện sinh hoạt (Psh)	Psh	3080	3150
4	Phụ tải điện công cộng (Pcc)	30%Psh	924	945
5	Dự phòng	10%	308	315
7	Phụ tải điện sản xuất CN	200kw/ha	168.000	168.000
8	Hệ số đồng thời K=0,7			
9	Công suất tính toán (kW)		120.618	120.687
10	Hệ số công suất cos = 0,85			
	Công suất biểu kiến (kVA)		141.904	141.985

Tổng nhu cầu phụ tải điện: Giai đoạn đến năm 2030 khoảng 141.904 kVA;
Giai đoạn đến năm 2035 khoảng 141.985 kVA

4.5. Nguồn điện

Điện cung cấp cho khu vực quy hoạch lấy từ trạm 110KV Phù Mỹ.

a) Lưới điện trung thế

+ Đối với khu vực trung tâm, khu vực đô thị dự kiến xây dựng mới, khu vực có quy hoạch ổn định sẽ sử dụng cáp ngầm XLPE chống thấm, có tiết diện chung $\geq 240\text{mm}^2$ và thực hiện đầu nối chuyên tiếp.

+ Đối với các khu đô thị hiện hữu và các khu dân ngoại thị, khu vực nông thôn, các khu công nghiệp sẽ sử dụng đường dây không bọc cách điện - tiết diện đường trục từ 185mm² đến 240 mm², đường nhánh từ 95 mm² đến 120 mm² để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện.

+ Các đường dây trung thế xây dựng mới được thiết kế theo các tiêu chuẩn sau:

Thiết kế các mạch vòng, vận hành hở đảm bảo cấp điện linh hoạt liên tục, tiện lợi khi thao tác và đóng, ngắt, bảo vệ.

Để đảm bảo độ dự phòng phát triển và dự phòng cấp điện cho các phụ tải của các tuyến khác khi bị sự cố, các đường trục trung thế trong chế độ bình thường chỉ thiết kế mang tải 60-75%.

Tiêu chuẩn về tổn thất điện áp lưới trung thế: Các đường dây trung thế mạch vòng, vận hành hở thiết kế sao cho tổn thất điện áp tại hộ xa nhất không quá 5% trong chế độ vận hành bình thường và không quá 10% trong chế độ sau sự cố. Với các đường dây trung thế hình tia có tổn thất điện áp cuối đường dây $\leq 5\%$.

b) Lưới hạ thế

Dự kiến tại khu vực trung tâm xã và các khu đô thị mới lưới hạ thế tiếp tục được ngầm hóa. Khu dân cư ở hiện trạng dự kiến cải tạo và nâng cấp, khuyến khích hạ ngầm để đảm bảo an toàn và mỹ quan.

c) Lưới chiếu sáng

+ Hệ thống chiếu sáng phải xây dựng dựa trên cơ giải pháp quy hoạch chung cho khu nghiên cứu.

+ Thiết kế chiếu sáng và lựa chọn thiết bị chiếu sáng phù hợp với cảnh quan kiến trúc đô thị.

+ Tại khu vực trung tâm xã và các tuyến phố chính lưới chiếu sáng dự kiến được bố trí đi ngầm, trục đường thôn xóm và các trục nhánh được cải tạo và nâng cấp, sử dụng cáp đi nổi chung cột với lưới hạ thế.

+ Khuyến khích sử dụng cột đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời, đèn LED, khuyến khích sử dụng công nghệ tự động điều khiển hệ thống chiếu sáng nhằm tiết kiệm năng lượng.

4.6. Trạm biến áp phân phối

- Các khu đô thị xây dựng mới hoặc khu dân cư mới: Sử dụng trạm xây, trạm 1 cột, hoặc trạm kiot, vị trí đặt trạm tại các khu vực cây xanh, gần đường giao thông để thuận tiện cho thi công, lắp đặt và sửa chữa.

- Các khu vực dân cư hiện trạng ổn định: Các trạm biến áp xây dựng mới sử dụng trạm kiểu trạm 1 cột. Các trạm biến áp treo hiện có khi được cải tạo thay máy hoặc nâng công suất có thể chuyển sang kết cấu dạng cột.

- Khu vực nông thôn, sử dụng kiểu trạm treo nhưng vẫn khuyến khích dùng các trạm xây, trạm kiot.

Các gam máy biến thế thường sử dụng các loại 100, 160, 250, 400, 560, 630, 750kVA; riêng đối với các khu vực công cộng, dịch vụ thương mại có nhu cầu phụ tải lớn, các trạm biến áp phân phối sẽ chọn các gam máy biến thế riêng phụ thuộc vào mật độ và phân bố phụ tải.

5. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

5.1. Cơ sở lập quy hoạch

- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

- Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông (QCVN 33:2019/BTTTT); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất (QCVN 81:2019/BTTTT);

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất (QCVN 34:2019/BTTTT);

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông (QCVN 32:2020/BTTTT).

- Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Bình Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Các tiêu chuẩn, quy phạm và tài liệu khác có liên quan.

5.2. Nguyên tắc thiết kế

Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động phải đảm bảo phù hợp, đồng bộ với quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch phát triển kinh tế - Xã hội của tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và các quy hoạch khác trên địa bàn và các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan.

Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động phải đáp ứng yêu cầu về hạ tầng viễn thông thụ động giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, giữa các ngành; đồng thời đáp ứng yêu cầu kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông với công nghệ hiện đại, an toàn có dung lượng lớn, tốc độ cao. Ưu tiên áp dụng các công nghệ mới nhất và sử dụng hiệu quả tài nguyên;

Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình, đặc biệt là trong việc thúc đẩy phát triển chính phủ điện tử, thương mại điện tử.

5.3. Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu

Chỉ tiêu thiết kế:

- Sinh hoạt: 0.25 lines/ người
- Công cộng dịch vụ : 20% sinh hoạt
- Công nghiệp, HTKT: 10 lines/ha

Nhu cầu thuê bao:

Nhu cầu đến năm 2035 khoảng: 6.850 lines

5.4. Định hướng bưu chính

a) Điểm bưu cục: Duy trì các điểm phục vụ hiện hữu, đồng thời phát triển nâng cao chất lượng phục vụ.

+ Phát triển mô hình mạng lưới điểm phục vụ có tính cơ động cao như: ki ốt lưu động, trạm bưu kiện tự động.

+ Xu hướng phát triển đại lý bưu điện đa dịch vụ: Phát triển mới các điểm đại lý bưu điện dịch vụ mới hoặc kết hợp các điểm đại lý, ki ốt cũ hoặc các điểm Bưu điện – Văn hóa xã cung cấp từ các dịch vụ truyền thống của ngành đến các mặt hàng tiêu dùng, các dịch vụ thu bảo hiểm, chi trả lương hưu, gửi tiết kiệm bưu điện, vay tín dụng hưu trí, chuyên phát hành chính công (hồ sơ bảo hiểm xã hội, hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe, chứng minh thư nhân dân)... Phát triển đại lý bưu điện đa dịch vụ sẽ góp phần đáp ứng tốt nhất dịch vụ công ích, đồng thời mở rộng kinh doanh các dịch vụ, sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của nhân dân cũng như góp phần chung sức xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

b) Tủ cáp

Xây dựng các tủ cáp nhận tín hiệu từ trạm vệ tinh cáp tín hiệu đến các hộp cáp thuê bao. Các tủ cáp được xây dựng ở khu vực gần đường giao thông, khu vực cây xanh để tiện việc bảo dưỡng và sửa chữa.

c) Mạng thông tin di động

Xây dựng các cột ăngten mới đảm bảo không còn vùng lốm sóng, yếu sóng. Đẩy mạnh việc dùng chung hệ thống hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông để hạn chế xây dựng các công trình thu phát sóng.

6. Quy hoạch cấp nước

6.1. Căn cứ thiết kế

Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

TCXDVN 33:2006 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình QCVN 06: 2021/BXD.

6.2. Tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt:
 - + Giai đoạn 2021- 2030: ≥ 80 l/người.ngđ; tỷ lệ cấp nước đạt tối thiểu 80%.
 - + Giai đoạn 2031- 2035: ≥ 100 l/người.ngđ; tỷ lệ cấp nước đạt tối thiểu 100%.
- Nước sản xuất tiêu thủ công nghiệp bằng $Q_1 = 10\% \times Q_{SH}$
- Nước công cộng, dịch vụ: $Q_2 = 10\% \times Q_{SH}$
- Nước tưới cây rửa đường: $Q_3 = 8\% \times Q_{SH}$
- Nước dự phòng rò rỉ: $Q_4 = 5\% \times Q_{SH}$
- Nước bản thân nhà máy: $Q_5 = 5\% \times (Q_{SH} + Q_1 + Q_2 + Q_3 + Q_4)$
- Nước chữa cháy 10 l/s/đám cháy

Bảng: Tính toán nhu cầu cấp nước

Bảng tính toán cấp nước dự kiến							
TT	Thành phần	Ký hiệu	ĐVT	Định mức		Nhu cầu (m ³ /ng.đ)	
				2030	2035	2030	2035
I	Dân số (người)		Người	8.800	9.000		
II	Tỷ lệ dùng nước (%)		%	80	100		
III	Dự báo nhu cầu	Q					
1	Sinh hoạt	Q_{SH}	l/ ng.đ	80	100	563,20	900,00
2	Sản xuất TTCN	Q_1	l/ ng.đ	10% Q_{SH}		56,32	90,00
3	Công cộng, DV	Q_2	l/ ng.đ	10% Q_{SH}		56,32	90,00
4	Công nghiệp	Q_3	m ³ /ha	20	20	18.520	18.520
5	Tưới cây, rửa đường	Q_4	l/ ng.đ	8% Q_{SH}		45,06	72,00
6	Thất thoát, rò rỉ	Q_5	l/ ng.đ	5% Q_{SH}		28,16	45,00
7	Bản thân Nhà máy	Q_6	l/ ng.đ	5% ($Q_{SH} + Q_1 + Q_2 + Q_3 + Q_4 + Q_5$)		963,45	985,85
TỔNG CỘNG						20.232,51	20.702,85

Tổng nhu cầu cấp nước: đến năm 2030 khoảng: 20.233 m³/ngđ, đến năm 2035 khoảng: 20.703 m³/ngđ

6.3. Nguồn nước

a) Nước mặt

Nước sạch được cung cấp từ nhà máy nước phía Đông Bắc huyện Phù Mỹ. Được bơm tăng áp từ trạm bơm nước sạch tại Dốc Tá (Xuân Phương).

Nước phục vụ sản xuất cho khu công nghiệp sử dụng nước ngầm kết hợp với nước mặt theo định hướng của quy hoạch cấp trên.

b) Quy hoạch cấp nước

- Mạng lưới đường ống dẫn và phân phối nước sử dụng ống HDPE và được tổ chức theo hệ thống mạng vòng kết hợp nhánh và phân bố đến toàn bộ khu dân cư và vùng dự kiến phát triển. Tính toán thủy lực đường ống cấp nước chương trình mô phỏng mạng lưới EPANET, phân bố lưu lượng nút tính toán theo sự phân bố dân cư nội thị, các công trình công cộng cũng như các khu du lịch.

- Tuyến đường ống dẫn chính ống $\Phi 100\div\Phi 300$ được bố trí trên tuyến trục lộ (mép đường) có độ sâu chôn ống $> 0,7\text{m}$ (tính đến đỉnh ống).

- Hệ thống van khoá kỹ thuật được bố trí theo yêu cầu kỹ thuật và tại các nút giao cắt và điểm đầu nối.

c) Chữa cháy

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế chữa cháy áp lực thấp và đảm bảo chữa cháy tại giờ dùng nước max với 2 đám cháy xảy ra đồng thời với lưu lượng 1 đám cháy $q_{cháy} = 20\text{l/s}$ tại 2 điểm bất lợi nhất.

- Hạng cứu hỏa được bố trí trên mạng lưới cấp nước chính với đường kính ống từ D100mm với khoảng cách giữa hai hạng cứu hỏa là 150m. Vị trí của các hạng cứu hỏa sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và thiết kế mạng lưới cứu hỏa của khu vực.

- Ngoài các hạng cứu hỏa cần bố trí thêm các điểm lấy nước mặt phục vụ cứu hỏa tại khu vực hồ, kênh mương theo quy hoạch để tăng cường khả năng phục vụ phòng cháy, chữa cháy.

7. Quy hoạch thu gom và xử lý nước thải

7.1. Cơ sở thiết kế

Quy chuẩn QCVN 01-2021;

Tiêu chuẩn TCVN 7957:2008 "Thoát nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế";

Bản đồ phương án sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan khu vực thiết kế.

7.2. Dự báo nhu cầu:

Dự báo tổng lượng nước thải phát sinh khoảng $18.953\text{ m}^3/\text{ngđ}$ (năm 2030) và $19.401\text{ m}^3/\text{ngđ}$ (năm 2035), cụ thể:

Bảng tính toán nhu cầu thoát nước							
TT	Thành phần	Nhu cầu cấp nước (m ³ /ngđ)		Tỷ lệ thu gom (%)		Nhu cầu thoát nước (m ³ /ngđ)	
		2030	2035	2030	2035	2030	2035
1	Sinh hoạt	563,20	900,00	80,00	90,00	450,56	810,00
2	Sản xuất TTCN	56,32	90,00	80,00	90,00	45,06	81,00
3	Công cộng, DV	36,70	90,00	100	100	36,70	90,00
4	Công nghiệp	18.520	18.520	100	100	18.520	18.520
	Tổng cộng					18.953	19.401

7.3. Giải pháp quy hoạch

a) Khu vực trung tâm xã

Khu vực trung tâm xã, cải tạo hệ thống thoát nước hiện có, tách riêng hệ thống thoát nước thải và thoát nước mưa. Đối với các khu xây dựng mới phải xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Tận dụng địa hình để nước thải tự chảy theo đường cống về khu xử lý.

Khu vực trung tâm xã áp dụng phương án xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. Nước thải được thu gom, đưa về trạm XLNT tập trung theo định hướng của Quy hoạch vùng huyện, công suất dự kiến khoảng 4.000 m³/ngđ. Định hướng bố trí tại đồng Bờ Vùng, thôn Xuân Phương. Quỹ đất trạm XLNT khoảng 1.0 ha đảm bảo tính dự phòng để có khả năng đáp ứng kịp thời tránh trường hợp ô nhiễm môi trường do quá tải. Trạm XLNT cần thiết kế theo các module, phù hợp với phân đợt xây dựng.

Khu vực dân cư làng xóm mật độ thấp, khu dân cư nông thôn, dân cư độc lập xa trung tâm, lượng nước thải nhỏ: giải pháp thoát nước thải ở các khu vực này là xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể cải tiến (BASTAF), tận dụng các ao hồ, đất nông nghiệp để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường. Khi được đô thị hoá, các khu vực này sẽ xây dựng bổ sung hệ thống cống bao và trạm bơm, đưa nước thải về trạm XLNT theo quy hoạch để xử lý. Trạm XLNT cũng sẽ được xây dựng bổ sung các đơn nguyên để đảm bảo công suất xử lý.

b) Nước thải các khu du lịch: Các khu du lịch sinh thái được xây dựng thành từng cụm với mật độ xây dựng thấp, xen kẽ các khu cây xanh, giải pháp thoát nước thải ở các khu vực này là xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể tiên tiến như bể lọc kỵ khí với lớp vật liệu nổi, bể lọc ngược qua tầng bùn kỵ khí (UASB) hoặc các loại công trình xử lý sinh học kiểu hợp khối theo công nghệ hiện đại (JRY) có hiệu suất sử dụng cao. Các loại bể này đều có thể bố trí trong các khu đất nhỏ, ít ảnh hưởng đến cảnh quan chung và môi trường. Nước thải sau các bể này sẽ được thu vào hào thấm lọc bằng cát để làm sạch bổ sung trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

c) Nước thải các khu dự trữ phát triển, dân cư nông thôn chưa được quy hoạch cải tạo, di dời hoặc bố trí các xa khu trung tâm: Khu vực dân cư làng xóm mật độ thấp, khu dân cư nông thôn, dân cư độc lập xa trung tâm, lượng nước thải nhỏ: giải pháp thoát nước thải ở các khu vực này là xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể cải tiến (BASTAF), tận dụng các ao hồ, đất nông nghiệp để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường. Khi được đô thị hoá, các khu vực này sẽ xây dựng bổ sung hệ thống cống bao và trạm bơm, đưa nước thải về trạm XLNT theo quy hoạch để xử lý. Trạm XLNT cũng sẽ được xây dựng bổ sung các đơn nguyên để đảm bảo công suất xử lý.

d) Nước thải trung tâm y tế, bệnh viện: phải được xử lý đạt tiêu chuẩn theo QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

8. Định hướng quản lý chất thải rắn

8.1. Cơ sở thiết kế

Quy chuẩn QCVN 01-2021;

Bản đồ phương án sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan khu vực thiết kế.

8.2. Dự báo nhu cầu

Bảng tính toán nhu cầu thu gom CTR							
TT	Thành phần	Quy mô dân số		Tiêu chuẩn		Nhu cầu thu gom (tấn/ngđ)	
		2030	2035	2030	2035	2030	2035
1	Sinh hoạt	8.800	9.000	0,9kg/ngđ		7,92	8,10
2	Công cộng, DV			15% SH		1,19	1,22
3	Công nghiệp			0,3 tấn/ha		252,00	252,00
	Tổng cộng					261,11	261,32

Dự báo tổng lượng CTR phát sinh khoảng 261,11tấn/ngđ (năm 2030) và 261,32 tấn/ngđ (năm 2035), trong đó rác thải sinh hoạt khoảng 9,32 tấn/ ngày; rác thải công nghiệp khoảng 252 tấn/ngày.

Nguồn tiếp nhận: Giai đoạn trước mắt, chất thải rắn được thu gom đưa về khu XLCTR tại xã Mỹ Phong. Giai đoạn dài hạn CTR được xử lý tập trung tại Khu XLCTR quy mô cấp tỉnh tại thị xã Hoài Nhơn.

Nhà vệ sinh công cộng: Trên các trục chính, các khu thương mại, khu công viên, các bến xe và các nơi công cộng khác phải bố trí nhà vệ sinh công cộng, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và mỹ quan đô thị.

a) Giải pháp quy hoạch

Tất cả các các loại hình chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn. Chất thải rắn y tế nguy hại phải thu gom và vận chuyển riêng.

Chất thải rắn vô cơ gồm kim loại, giấy, bao bì thủy tinh v.v.. được định kì thu gom.

Chất thải rắn hữu cơ (lá cây, rau, quả, củ v.v.) được thu gom hàng ngày.

Tại các cơ quan, trường học, công trình công cộng... đều được bố trí các thùng rác công cộng ở trong khuôn viên các công trình này. Thùng thu gom được để cạnh đường đi để tiện cho việc thu gom của công nhân.

CTR nông nghiệp: ưu tiên tái sử dụng để phục vụ sản xuất. Phần CTR không sử dụng được, sẽ vận chuyển đến khu xử lý tập trung cùng với CTR sinh hoạt.

CTR y tế: Được xếp vào loại chất thải nguy hại, phải được xử lý bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường.

CTR du lịch: Thu gom và phân loại CTR theo các tuyến du lịch; các khu vực du lịch, resort... Khuyến cáo các cơ sở đầu tư kinh doanh du lịch hạn chế hoặc thay thế toàn bộ việc sử dụng các bao bì, chai nước, ống hút... bằng vật liệu nhựa sang vật liệu thân thiện với môi trường hoặc có thể tái sử dụng.

Bố trí các trạm trung chuyển hoặc điểm tập kết CTR cho các khu vực phát thải lớn gắn với các tuyến giao thông chính.

b) Định hướng quy hoạch các điểm tập kết, trung chuyển

Các điểm tập kết được bố trí tại các vị trí thuận lợi về giao thông, không tập trung nhiều hoạt động ngoài giờ hành chính (thời điểm bắt đầu các hoạt động thu gom và tập kết chất thải rắn). Mỗi điểm tập kết hoạt động không quá 30-60' để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động giao thông. Sau khi kết thúc hoạt động phải có xe xịt rửa chuyên dụng vệ sinh và hoàn trả mặt bằng.

Các điểm tập kết thu gom được xác định linh hoạt, phù hợp với kế hoạch thu gom và lượng chất thải phát sinh trên nguyên tắc tối ưu hoá quãng đường di chuyển và lượng thải thu gom. Vị trí các điểm tập kết sẽ được điều chỉnh, bổ sung hàng năm phù hợp với thực tế chất thải phát sinh và tổ chức giao thông của xã

Sử dụng các thiết bị chuyên dụng, hiện đại trong vận chuyển chất thải rắn để giảm thiểu lượng chất thải rơi vãi và hạn chế mùi.

Dự kiến quy hoạch các khu xử lý CTR tập trung:

Dài hạn sử dụng KXL rác tập trung của huyện tại xã Nam Sơn theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện. Quy mô khu xử lý khoảng 3-5 ha.

9. Quản lý nghĩa trang

9.1. Dự báo nhu cầu

Chỉ tiêu tính toán: Tiêu chuẩn nghĩa trang: 0,4 ha/ 10.000 người.

Tổng diện tích nghĩa trang quy hoạch mới khoảng 2,5 ha đến năm 2030 và 3,5 ha đến năm 2035 (không bao gồm diện tích phục vụ di dời nghĩa trang hiện trạng trong khu vực quy hoạch đô thị).

9.2. Giải pháp quy hoạch

Đối với các nghĩa địa, mộ lẻ rải rác nằm xen khu dân cư trước mắt cần khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly.

Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chôn cất tại nghĩa trang tập trung của xã, di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ vào các nghĩa trang tập trung. Trong giai đoạn quy hoạch bổ sung quy hoạch chi tiết, cấm mốc giới quản lý cho các nghĩa trang. Nghĩa trang được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong nghĩa trang trồng cây xanh, có đường đi, mộ xây có hàng lối, có bộ phận quản trang. Có quy chế quản lý đối với các nghĩa trang trên địa bàn.

Có cơ chế chính sách, khuyến khích sử dụng biện pháp hỏa táng, định hướng năm 2035 phấn đấu đạt 10% tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng trên bàn xã.

Giai đoạn ngắn hạn: Sử dụng nghĩa trang tập trung tại thôn Hòa Ninh theo quy hoạch nông thôn mới xã. Tăng cường công tác tuyên truyền, từng bước đóng cửa các nghĩa địa hiện trạng nằm xen kẽ trong các khu ở; đồng thời vận động, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ hỏa táng.

Giai đoạn dài hạn: Chôn cất tập trung tại nghĩa trang khu vực phía Nam huyện Phù Mỹ (quy hoạch tại xã Mỹ Hiệp, quy mô khoảng 15 ha) theo Quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng kế hoạch đóng cửa các nghĩa trang trong khu vực và chuyển đổi thành đất cây xanh theo lộ trình phù hợp.

PHẦN 7- MÔI TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước mặt; môi trường đất, không khí đặc biệt tại các khu vực dự kiến xả thải, khu công viên, các điểm tập trung CTR; các vực nước lớn trong phạm vi quy hoạch xã Mỹ An.

Cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất, xây dựng theo điều kiện địa hình tự nhiên, hạn chế san lấp. Xây dựng khu xử lý nước thải, phương án thu gom chất thải cho khu vực

Giảm thiểu tai biến môi trường. Hạn chế ảnh hưởng của hiện tượng lũ lụt, các khu vực bị ngập úng dài ngày, hiện tượng thiếu nước vào mùa khô.

Bảo vệ cảnh quan môi trường, kết nối hệ thống mặt nước, xóa bỏ các điểm ao tù đọng. Bảo vệ, phát triển các khu vực có tiềm năng khai thác du lịch, các thảm thực vật, diện tích đất nông nghiệp. Bảo vệ phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh, mặt nước.

Đảm bảo nâng cao điều kiện xã hội, chất lượng cuộc sống dân cư hiện trạng: đến năm 2035 phấn đấu 100% dân cư được dùng nước sạch, 90% chất thải sinh hoạt và dịch vụ đô thị được xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường. Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

II. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

91

—

1. Nước mặt, nước ngầm

Chất lượng nước mặt của các hồ nước ngọt phục vụ cấp nước sinh hoạt trên địa bàn xã theo thông số quan trắc có chất lượng cơ bản đáp ứng theo quy chuẩn của QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng nước mặt, cột A2. Chất lượng các hồ nước được cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2016-2020.

Nước ngầm: Hoạt động khai thác nước nhỏ lẻ tại một số hộ dân cấp nước mục đích dân sinh.

—

2. Môi trường không khí

Qua kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí cơ bản duy trì ở mức tốt và rất tốt.

—

3. Môi trường đất

Theo kết quả báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định năm 2021. Các khu vực đất bị thoái hóa tỉnh Bình Định là do đất bị xói mòn (khu vực trung du). Khu vực huyện Phù Mỹ thuộc vùng thoái hóa nhẹ và trung bình.

4. Môi trường sinh thái

Địa phương không có các loại động thực vật bảo tồn.

Nhìn chung các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường cục bộ chủ yếu từ các hoạt động dân sinh chưa qua xử lý và chất thải rắn chưa được thu gom triệt để. Tuy nhiên lượng thải phát sinh ít nên nhìn chung môi trường khu vực vẫn trong ngưỡng kiểm soát.

5. Sự phù hợp giữa mục tiêu quy hoạch và mục tiêu môi trường

Đánh giá sự thống nhất giữa mục tiêu quy hoạch và mục tiêu môi trường đô thị là xem xét, so sánh và đánh giá phương án quy hoạch thực hiện phù hợp hay chưa phù hợp với các mục tiêu môi trường.

Bảng: Mục tiêu quy hoạch và mục tiêu môi trường

Mục tiêu quy hoạch	Mục tiêu môi trường
Bảo tồn, tôn tạo các cấu trúc làng xóm hiện có	- Phù hợp với mục tiêu môi trường - Bảo tồn được các giá trị về văn hóa-lịch sử và kiến trúc phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch của địa phương.
Xác định các khu vực phát triển và khu vực hạn chế phát triển	- Phù hợp với mục tiêu môi trường - Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý môi trường khu vực.
Xác định các khu vực phát triển công viên cảnh quan. Xây dựng công trình phục vụ dịch vụ công cộng	- Phù hợp với mục tiêu môi trường - Phát triển dịch vụ góp phần phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống cho người dân. - Việc xây dựng các công trình này có những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động. Các ảnh hưởng bao gồm: + Nước thải và CTR không được thu gom xử lý. + Ô nhiễm bụi trong quá trình thi công xây dựng.

<p>Xác định các khu vực phát triển kho tàng, các cụm công nghiệp...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục tiêu môi trường - Tập trung các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm vào khu vực có hạ tầng đồng bộ, kiểm soát chất thải. - Những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động. Các ảnh hưởng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Nước thải và CTR không được thu gom xử lý. + Ô nhiễm bụi trong quá trình thi công xây dựng. + Tạo điểm phát thải lớn, ảnh hưởng đến môi trường khi các công trình xử lý gặp sự cố.
<p>Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục tiêu môi trường. - Cung cấp hạ tầng đồng bộ đến người dân xã - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường đặc biệt là nước thải và chất thải rắn không được thu gom và xử lý. - Nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương. - Đảm bảo sự lưu thông và liên kết các khu vực trong và ngoài xã. Giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông, cải thiện chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, - Trong quá trình thi công xây dựng có những tác động tiêu cực đến môi trường nhưng có thể khắc phục được bằng các giải pháp kỹ thuật và các tác động này chỉ là những tác động tạm thời.
<p>Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất hiện có.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục tiêu môi trường. - Tiết kiệm, bảo vệ tài nguyên đất

III. XU HƯỚNG VÀ DIỄN BIẾN MÔI TRƯỜNG KHI KHÔNG THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Các chỉ số về môi trường khu vực quy hoạch hầu hết còn nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, xu hướng những năm gần đây đã cho thấy tính thiếu ổn định và một số nguy cơ tiềm ẩn. Nguồn thải không kiểm soát đã gây một số điểm ô nhiễm cục bộ đặc biệt là điểm CTR tập trung; nghĩa trang phân tán gây ảnh hưởng đến cảnh quan và lãng phí tài nguyên đất. Các khu dân cư không được thu gom và xử lý chất thải, các cơ sở sản xuất (cụm công nghiệp, trang trại)... Hiện tượng

ô nhiễm môi trường cục bộ dọc theo các tuyến giao thông, các công trường xây dựng lớn.

Các hiện tượng bất lợi của thiên nhiên như hạn hán, mưa lũ diễn ra hàng năm nhưng chưa có giải pháp triệt để.

Hạ tầng chưa phát triển đầy đủ, đặc biệt là hệ thống hạ tầng về vệ sinh môi trường. Hệ thống thoát nước chưa được xây dựng đồng bộ, ô nhiễm tại các điểm tiếp nhận. Đời sống nhân dân chưa cao cũng ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức và sự tham gia đóng góp của người dân trong việc bảo vệ môi trường.

Khi quy hoạch không được thực hiện các xu hướng này sẽ tiếp tục diễn ra theo chiều hướng xấu hơn.

1. Xu hướng và diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch

Dự báo tác động và diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch

Theo định hướng phát triển không gian đô thị và phân vùng chức năng của các phương án quy hoạch, dự báo được các xu hướng môi trường của từng phương án, làm cơ sở để lựa chọn phương án quy hoạch.

1.1. Tác động từ các khu dân cư

Các nguồn ô nhiễm phát sinh từ khu dân cư gồm nước thải sinh hoạt và chất thải rắn sinh hoạt. Các nguồn ô nhiễm này đã được tính toán và đề xuất giải pháp thu gom xử lý hợp lý trong đồ án, giảm đáng kể nguy cơ ô nhiễm môi trường từ khu vực dân cư.

Khu vực xây dựng mới : hệ thống thu gom chất thải tập trung.

Các khu dân cư hiện trạng với lượng thải thấp, được đề xuất xử lý nước thải phân tán. CTR được thu gom tập trung.

Các khu vực làng xóm cải tạo và dự trữ phát triển đều được xây dựng lộ trình thu gom và xử lý chất thải trong tương lai.

Chất thải nguy hại được thu gom và xử lý riêng.

Áp lực về quản lý nguồn thải ngày càng gia tăng cùng sự phát triển dân số và gia tăng tiện ích đô thị

1.2. Tác động từ các khu vực sản xuất

Theo quy hoạch, khu vực phát triển đô thị có một phần diện tích vùng nông nghiệp. Các chất ô nhiễm từ thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất, phân bón được xếp vào loại chất thải nguy hại, cần kiểm soát chặt chẽ.

Bên cạnh dư lượng thuốc, bao bì, vỏ chai lọ các hóa chất bảo vệ thực vật cũng là đối tượng cần phải kiểm soát công tác thu gom.

Về quản lý đô thị cần kiểm soát việc phát triển, tránh lấn chiếm đất, phát triển đô thị tràn lan.

1.3. Tác động từ hoạt động của hệ thống giao thông

Đồ án đã nghiên cứu mức độ tác động đến môi trường và các khía cạnh kinh tế xã hội khác để đưa ra phương án hợp lý giải quyết triệt để các vấn đề giao thông hiện trạng. Ven các trục giao thông chính, đi qua những điểm tập trung đông dân cư đều được bố trí dải cây xanh cách ly hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động đô thị. Các công trình giao thông đầu mối như bến xe được bố trí với khoảng cách hợp lý sẽ góp phần giảm nhu cầu sử dụng phương tiện giao thông cá nhân.

Tuy nhiên, khả năng tập trung đông phương tiện đột biến vào những dịp đặc biệt khi nhu cầu đi lại tăng cao dẫn tới ô nhiễm về môi trường không khí, tiếng ồn, các nguy cơ xảy ra tai nạn là khó khắc phục triệt để.

2. Các tác động cụ thể tới các thành phần môi trường

2.1. Tác động đến môi trường xã hội

Phát triển xã Mỹ An tạo tiền đề thúc đẩy sự phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho khu vực như: hệ thống đường giao thông, hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động, hệ thống truyền tải và cung cấp điện, hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch...cùng các công trình sinh hoạt công cộng như các công trình văn hóa thể thao, các cơ sở dịch vụ, các khu vui chơi giải trí, phát triển thêm các điểm vui chơi, du lịch tập trung. Đồ án nhấn mạnh yếu tố cải tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường, đặc biệt là thích ứng giữa cuộc sống người dân với các hiện tượng bất thường của thời tiết. Xác định động lực phát triển của đô thị là thương mại và dịch vụ là những ngành kinh tế có ít ảnh hưởng đến môi trường, giúp gia tăng thu nhập của người dân một cách bền vững. Đây là yếu tố tích cực của đồ án đối với môi trường và cải tạo điều kiện sống cho dân cư địa phương.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện đồ án sẽ có một bộ phận dân cư phải di dời, giải toả; quá trình thi công cũng sẽ gây ra những bất ổn tạm thời trong đời sống, dẫn đến nhưng tác động tiêu cực đến chất lượng sống, tâm lý người dân. Phát triển thương mại dịch vụ phục vụ du lịch sẽ là tiền đề hình thành nên các tệ nạn xã hội như cờ bạc, hút chích và đặc biệt là mại dâm. Thay đổi cơ cấu kinh tế từ thuần nông sang dịch vụ đòi hỏi người dân phải được trang bị kiến thức, đào tạo chuyên nghiệp, chuyển đổi ngành nghề để đảm bảo tính bền vững lâu dài. Đây là những vấn đề xã hội chính cần được quan tâm giải quyết, nhiều vấn đề trong đó chỉ mang tính cảnh báo và nằm ngoài phạm vi giải quyết của một đồ án quy hoạch chuyên ngành xây dựng.

2.2. Tác động đến môi trường nước

Hàng ngày, xã thải ra môi trường lượng lớn nước thải. Lượng thải này nếu không qua xử lý sẽ gây ảnh hưởng lớn đến môi trường đô thị. Theo quy hoạch những khu vực đông dân cư và trung tâm đô thị đều được quy hoạch hệ thống thoát nước riêng với trạm xử lý nước thải xử lý đảm bảo loại B – QCVN 14:2008.

Sử dụng phương pháp hệ số ô nhiễm do WHO (Tổ chức Y tế thế giới đề xuất), tải lượng một số chất ô nhiễm hữu cơ trong nước thải sinh hoạt của dân cư trong vùng.

2.3. Tác động đến môi trường đất

Đối với khu vực xây dựng, tác động chủ yếu là sự thay đổi cơ cấu sử dụng đất làm cơ cấu lý tính của đất khu vực này bị ảnh hưởng theo chiều hướng xấu như: giảm độ tơi xốp, khả năng thấm nước, giữ ẩm...

Một yếu tố nữa cần lưu ý là CTR, khi đô thị phát triển thì chất thải rắn là một trong những vấn đề cần quan tâm nhất. Nếu lượng chất thải rắn được thu gom không hết sẽ tồn tại ở nhiều khu vực khác nhau trong đô thị, nhất là ven các ao, hồ, sông. Việc phân huỷ rác (đặc biệt là chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ) sẽ làm tăng mức độ ô nhiễm BOD trong nguồn nước mặt, nước ngầm, ảnh hưởng đến môi trường đất.

2.4. Tác động đến môi trường không khí

Nguồn ô nhiễm không khí chủ yếu trong xã từ các tuyến giao thông chính do hoạt động di chuyển, hoạt động du lịch, điểm ô nhiễm có thể bắt nguồn từ bãi đỗ xe ven trục đường.

Sự gia tăng dân số và phát triển đô thị, cũng làm phát sinh thêm một lượng đáng kể chất ô nhiễm trong không khí do các hoạt động sinh hoạt, sản xuất

2.5. Tác động đến môi trường sinh thái

Như đã trình bày ở trên, việc quy hoạch xã Mỹ An sẽ ảnh hưởng đến 1 phần diện tích đất nông, lâm nghiệp. Tác động này đã được đánh giá và cân đối trong những quy hoạch cấp cao hơn.

Các tác động cụ thể đến hệ sinh thái là vấn đề phức tạp cần được theo dõi trong thời gian dài và thực hiện bởi nhóm chuyên gia độc lập riêng.

3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường

Đề xuất các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên; nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

3.1. Phân vùng bảo vệ môi trường

+ Phân vùng bảo vệ môi trường rất quan trọng trong việc gìn giữ các giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học trong khu vực nghiên cứu cũng như kiểm soát để đảm bảo chúng không chịu tổn thương trong quá trình phát triển đô thị.

+ Vùng ảnh hưởng ô nhiễm do các hoạt động sinh hoạt : các khu dân cư tập trung xây mới và hiện trạng; khu vực giáo dục, đào tạo

+ Vùng ảnh hưởng ô nhiễm do các hoạt động thương mại, dịch vụ.

+ Vùng ảnh hưởng ô nhiễm do các hoạt động giao thông, khung hạ tầng kỹ thuật đầu mối.

+ Vùng bảo vệ cảnh quan đồi núi; vùng đệm, cách ly, cây xanh, mặt nước đô thị có tác dụng cải thiện và đảm bảo các yếu tố môi trường.

3.2. Bảo vệ cảnh quan

Các công trình xây dựng mới phải hoà nhập với cảnh quan chung của đô thị.

Tạo khoảng cây xanh cách ly dọc các trục giao thông chính, công trình HTKT đầu mối, hệ thống sông suối, mặt nước.

Kè bờ bảo vệ khu vực mặt nước chính trong đô thị: hồ Hóc Nhạn, hồ Hồ Cù, hồ Thuận An, hồ Mù U.

San gạt theo nguyên tắc tôn trọng địa hình, cân bằng đào đắp.

3.3. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, thu gom CTR theo quy hoạch.

Tạo hành lang bảo vệ sông hồ: đảm bảo chất lượng nguồn nước đầu nguồn và bảo vệ các công trình xung quanh khu vực quanh hồ Hóc Nhạn, hồ Hồ Cù, đặc biệt là các điểm đặt công trình thu nước. Cấm mọi hình thức xả thải không qua xử lý trực tiếp ra môi trường.

Khôi thông hệ thống kênh mương và ao, hồ trong đô thị. Liên kết các mạch nước, tạo hệ thống mặt nước liên tục, mật độ dàn đều nhằm cải thiện cảnh quan, hỗ trợ tiêu thoát nước khi có mưa lớn. Giảm thiểu những ảnh hưởng của úng ngập và ô nhiễm nước mặt cục bộ.

Khôi phục, bổ sung diện tích rừng đầu nguồn. Đối với rừng phòng hộ phải được xây dựng thành khu rừng tập trung liền vùng; từng bước tạo rừng, có cấu trúc hỗn loài khác tuổi, nhiều tầng; cây rừng có bộ rễ sâu bám chắc. Đồng thời, được trồng xen cây nông nghiệp, cây dược liệu trong rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng phòng hộ của rừng. Việc duy trì, quản lý tốt rừng phòng hộ đầu nguồn có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với bảo vệ tài nguyên nước của toàn huyện nói chung cũng như xã nói riêng.

Đối với nguồn nước ngầm cần có nghiên cứu cụ thể về các túi, mạch nước ngầm; nghiên cứu khả năng sử dụng nguồn nước mưa bổ cập cho các nguồn nước ngầm hiện có. Hạn chế bê tông hóa bề mặt các đô thị; cố gắng giữ được khả năng thấm nước mưa của đất ở những nơi có thể giữ được bằng cách xây dựng một số hồ cảnh quan để tiếp nhận nước mưa chảy tràn. Hạn chế việc khai thác trái phép nguồn nước ngầm trong các hộ gia đình và các khu dân cư.

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ cho hệ thống nhà hàng, khách sạn, những điểm phát thải xa hệ thống thoát nước tập trung, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường

Đối với tất cả các công trình xây dựng mới phải có bể tự hoại trước khi xả ra hệ thống thoát nước.

Các công trình đã xây dựng buộc phải nối với hệ thống nước thải.

3.4. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí tiếng ồn

Trồng cây xanh quanh khu vực bến xe, trạm XLNT tập trung, khu xử lý CTR, nghĩa trang.

Trồng cây xanh cách ly những đoạn giao thông chính đi qua đô thị tập trung...). Đảm bảo tỷ lệ cây xanh, mặt nước trong đô thị.

Khu vực đường giao thông đối ngoại chưa có khoảng cách đảm bảo chống ô nhiễm không khí tiếng ồn tới các khu dân cư cần có các biện pháp kỹ thuật như tạo lưới chống ồn và chống bụi, tăng cường độ dày lớp đệm cây xanh cách ly.

3.5. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất

Sử dụng đất một cách hợp lý, phân đợt đầu tư, khi chưa có kế hoạch phát triển cần khai thác tiếp tục diện tích đất lúa. Tận dụng khai thác quỹ đất xây dựng, hạn chế đào đắp

Đối với khu vực sản xuất nông nghiệp cần hướng dẫn nhân dân áp dụng các biện pháp sử dụng hợp lý thuốc trừ sâu, phân bón hoá học, giảm tối đa sự ô nhiễm gây ra với môi trường đất.

Thu gom, phân loại và xử lý triệt để CTR phát sinh đặc biệt là tại các điểm du lịch, tập trung đông dân cư.

3.6. Y tế, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng

- Về công tác y tế: Hoàn thiện dịch vụ phòng chữa bệnh, đặc biệt làm giảm các yếu tố nguy cơ từ môi trường sống liên quan tới bệnh tật xảy ra, nhất là các yếu tố do quá trình đô thị hoá.

Giải quyết cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, làm giảm các bệnh dịch, nhất là các bệnh do quá trình đô thị hoá gây ra. Đảm bảo 100% hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh, không còn tình trạng xả thải trực tiếp ra nguồn.

Cần chú ý vệ sinh đô thị, ngăn ngừa ô nhiễm không khí, tiếng ồn, tai nạn giao thông, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội...

3.7. Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường

Hệ thống các điểm quan trắc chất lượng môi trường trong đô thị cần được xây dựng và đảm bảo hoạt động định kỳ.

Quan trắc tại các điểm nước thải ra nguồn tiếp nhận, thông số quan trắc là hàm lượng kim loại, pH, DO, BOD, COD, dầu tổng số, TSS, tổng nitơ, phốt pho, NH₄⁺, coliform.

Quan trắc chất lượng không khí, tiếng ồn, khí độc (SO₂, NO₂, CO), hàm lượng kim loại nặng tại đường giao thông; khu dân cư có nguy cơ bị ảnh hưởng.

Ngoài ra các dự án xây dựng trên địa bàn xã đều phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật.

IV. THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Qua 10 năm xây dựng NTM ở các tỉnh miền trung, hầu hết các xã vùng đồng bằng đều hoàn thành mục tiêu, đang phấn đấu trở thành những xã NTM nâng cao, kiểu mẫu. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện ở vùng bãi ngang ven biển (BNVB) vẫn chậm so với yêu cầu. Vì vậy, các địa phương vừa qua đều có đánh giá kết quả bước đầu, rút ra kinh nghiệm và có các giải pháp đẩy nhanh chương trình xây dựng NTM vùng BNVB thích ứng biến đổi khí hậu. Vì vậy, muốn tạo đột phá trong xây dựng NTM ở vùng cát ven biển, cần tập trung hai vấn đề chính là xây dựng cơ sở hạ tầng và tạo sinh kế cho người dân. Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, các khu dân cư NTM kiểu mẫu và thôn NTM; đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và huy động sự đóng góp của cộng đồng để xây dựng NTM. Qua đó phát huy cao nhất vai trò chủ thể của người dân để vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống mới, góp phần gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống và những nét đặc thù của từng vùng, miền.

Tập trung nguồn lực hỗ trợ các xã BNVB xây dựng. Ngoài ra, việc lồng ghép nguồn vốn từ nhiều chương trình, dự án khác, nhờ đó cơ sở hạ tầng các xã BNVB được đầu tư đáng kể, vừa tạo cảnh quan nông thôn khang trang hơn vừa góp phần phục vụ tốt nhu cầu đời sống và sinh hoạt cho người dân địa phương. Trong sản xuất, những hộ có hoàn cảnh khó khăn, nguồn lực và năng lực hạn chế đã được địa phương ưu tiên chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp. Thực hiện lộ trình chuyển đổi nghề nghiệp cho ngư dân BNVB, kết hợp khai thác biển và sản xuất nông nghiệp, đầu tư dự án, mô hình sản xuất, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi và bao tiêu sản phẩm cho người dân.

Tuy nhiên, vùng BNVB miền trung nói chung là địa bàn mà một số tiêu chí trong xây dựng NTM thường xuyên bị biến động và ảnh hưởng, như tiêu chí an ninh trật tự, hệ thống chính trị, tiêu chí môi trường... Vì vậy, trong quá trình thực

hiện, đề nghị địa phương không được chủ quan mà cần có giải pháp cụ thể để vừa thực hiện các tiêu chí chưa đạt, vừa giữ vững các tiêu chí đã đạt.

Chính quyền và nhân dân Mỹ An cần nỗ lực, phấn đấu hơn nữa, nhất là chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp, nhân rộng các mô hình kinh tế trên vùng cát ven biển cho hiệu quả cao; làm tốt việc quảng bá và xây dựng thương hiệu, kết nối các doanh nghiệp để bao tiêu một số sản phẩm đặc trưng của địa phương... Kiến nghị Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương cần quan tâm hỗ trợ tăng thêm ít nhất hai lần nguồn lực so với giai đoạn 2016-2020 để tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện chương trình NTM đạt hiệu quả, bền vững hơn. Ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất như hướng dẫn xây dựng các vùng nuôi thủy sản an toàn, thích ứng biến đổi khí hậu, hướng dẫn cho người dân phương pháp làm du lịch cộng đồng; làm du lịch gắn với phát huy bản sắc văn hóa vùng đất... để phát huy hiệu quả thế mạnh của vùng và tạo sinh kế bền vững cho người dân ven biển.

PHẦN 8- KINH TẾ XÂY DỰNG

I. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN

1. Giai đoạn 2023 – 2025: Phát triển hạ tầng khung

Hoàn thiện (duy tu bảo dưỡng, nâng cấp, đầu tư mới) công trình giao thông trục xã, liên xã trong giai đoạn 2023 – 2025.

Đầu tư hạ tầng khung làm động lực kích thích và thu hút các dự án đầu tư trọng điểm vào khu vực xã Mỹ An nói riêng và huyện Phù Mỹ nói chung.

Thu hút các dự án phát triển dịch vụ công cộng về y tế, giáo dục, thương mại phục vụ chung cho đô thị trung tâm xã.

2. Giai đoạn 2025 – 2030: Phát triển các khu chức năng đô thị, chuẩn bị cho việc hình thành đô thị Mỹ An giai đoạn 2031-2035.

Phát triển các dự án chức năng về cải tạo nâng cấp hạ tầng đô thị hiện hữu, tạo mặt bằng thu hút các dự án về đào tạo, du lịch và hoàn chỉnh các dự án hạ tầng kỹ thuật đầu mối đô thị.

Trong giai đoạn này, khuyến khích phát triển các chức năng mới tạo hạt nhân cho phát triển từng khu vực: các khu đô thị, trung tâm thương mại, trung tâm khám chữa bệnh, khu du lịch,...

3. Giai đoạn 2030 – 2035: Hoàn chỉnh đô thị.

Giai đoạn sau năm 2030 thực hiện đầu tư, kiểm soát phát triển, từng bước hoàn chỉnh đô thị, hoàn chỉnh thiết kế cảnh quan, kiểm soát chặt chẽ việc cải tạo, quy hoạch xây dựng phát triển đô thị.

Kế hoạch phát triển Xã Mỹ An sẽ điều chỉnh phù hợp với kế hoạch phát triển chung của huyện Phù Mỹ và tỉnh Bình Định, đặc biệt trong giai đoạn phát triển kết nối hệ thống hạ tầng khung.

II. CHƯƠNG TRÌNH CHIẾN LƯỢC VÀ DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Các chương trình phát triển

Chuẩn bị tiền đề thu hút các dự án chiến lược: Chuẩn bị phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển đổi cơ cấu lao động – sản xuất, phối hợp với chương trình chung của xã về phát triển cơ sở hạ tầng đô thị trong giai đoạn 2023–2035.

Phát triển văn hóa gắn với du lịch: Thực hiện rà soát đánh giá các giá trị văn hóa cảnh quan tự nhiên, di tích văn hóa lịch sử, các không gian văn hóa tại khu vực đề đề xuất phương án bảo tồn, cải tạo, đầu tư nâng cấp phát huy các giá trị gắn với phát triển du lịch.

Xây dựng hệ thống các công cụ quản lý kết hợp với công tác giáo dục cộng đồng thực hiện nếp sống văn minh, vì môi trường, hạn chế chất thải và kiểm soát phát triển đô thị theo tổng thể chung.

2. Các dự án chiến lược

2.1. Hoàn thiện hệ thống công trình HTXH theo tiêu chí đô thị loại V

- Xác định quỹ đất, lập QHCT, dự án các công trình: Chợ đô thị, mở rộng trạm y tế, trung tâm văn hóa- TDTT, bãi đỗ xe cho đô thị.
- Xác định các dự án phát triển dân cư đáp ứng nhu cầu đất ở trong tương lai, tạo nguồn thu ngân sách.

2.2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Đường tỉnh 632 cải tạo, giữ cấp theo tiêu chuẩn đường đô thị, quy mô 4 làn xe;
- Đường tỉnh 639: thực hiện thi công xây dựng đoạn tuyến Mỹ Thành- Lại Giang theo *Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án: Phát triển tích hợp ứng dụng – tỉnh Bình Định.*

2.2. Phát triển hạ tầng sản xuất

- Xây dựng tuyến kè biển từ thôn Xuân Thạnh;

2.3. Phát triển du lịch- văn hóa: khu du lịch hòn Gành- Xuân Thạnh: gắn với bảo tồn, cải tạo chỉnh trang các công trình di tích văn hóa (lăng Ông), làng chài Xuân Thạnh, khai thác các hoạt động du lịch văn hóa, du lịch vui chơi giải trí, đa dạng hóa sản phẩm cho mạng lưới du lịch của vùng.

3. Các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đầu

Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông, xây dựng mạng lưới đường đô thị trong các khu vực được hoạch định phát triển trong giai đoạn đầu. Nâng cấp, cứng hóa mạng lưới đường giao thông nông thôn theo đề án xây dựng nông thôn mới.

Phát triển các công trình dịch vụ công cộng.

Duy tu bảo dưỡng, nâng cấp các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất.

Danh mục cụ thể thể hiện tại phụ lục 1: “Danh mục các Dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện” kèm theo thuyết minh tổng hợp đề án này.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Lập quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị các khu vực chức năng là cơ sở xây dựng các quy chế, quy định cụ thể về hoạt động đầu tư xây dựng tại khu vực. Đây là công cụ quan trọng để định hướng đầu tư, quản lý các hoạt động có liên quan.

Bố trí mặt bằng để thu hút các dự án trọng điểm: Chợ đô thị, mở rộng trạm y tế, trung tâm văn hóa- TDTT, bãi đỗ xe cho đô thị.

Thu hút các nguồn lực xã hội hóa, các nguồn lực tại địa phương phát triển các dự án phù hợp với định hướng phát triển của Xã Mỹ An.

PHẦN 9- ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

1. Yêu cầu chung

Các yêu cầu về quản lý quy hoạch xây dựng trong khu vực nghiên cứu phải tuân thủ các quy định sau:

Tuân thủ quy hoạch chung và các quy định quản lý theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt

Tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật

Trong quá trình triển khai quy hoạch xây dựng có thể áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn nước ngoài và được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Yêu cầu về quy hoạch kiến trúc

Trên cơ sở quy hoạch chung được phê duyệt các yêu cầu về quy hoạch kiến trúc bao gồm:

Tuân thủ các định hướng về không gian, sử dụng đất và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã được xác lập trong quy hoạch chung.

Các yêu cầu quản lý quy hoạch xây dựng về quy hoạch kiến trúc trong khu vực nghiên cứu như sau:

- Vị trí, quy mô các khu chức năng đô thị;
- Ranh giới các khu chức năng đô thị;
- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;
- Ngưỡng quy mô dân số tối đa được xác lập theo quy hoạch

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, trong đó tận dụng tối đa hệ thống mặt nước hiện có phù hợp định hướng quy hoạch.

Kiểm soát không gian, mật độ xây dựng, tầng cao tối đa trong khu vực.

3. Yêu cầu và hạ tầng kỹ thuật

Tuân thủ các định hướng về hạ tầng kỹ thuật và các chỉ tiêu đã được xác lập trong quy hoạch chung. Các yêu cầu về quản lý quy hoạch xây dựng về hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nghiên cứu như sau:

- Hệ thống giao thông, bến bãi đỗ xe;
- Chỉ giới đường đỏ;
- Vị trí, quy mô đầu mối hạ tầng kỹ thuật;

- Hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật theo luật định;
- Nguyên tắc kiểm soát hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

4. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo luật định

Các yêu cầu quản lý quy hoạch xây dựng về vệ sinh môi trường trong khu vực nghiên cứu như sau:

Áp dụng biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công để đảm bảo an toàn lao động và hạn chế tối đa gây ô nhiễm môi trường

Tránh sử dụng các máy móc thi công đã cũ, phát sinh nhiều khí thải và tiếng ồn lớn

Có Biện pháp san nền đảm bảo nguyên tắc san lấp từng khu vực, tránh gây úng ngập

Lập hàng rào cách ly các khu vực nguy hiểm. Che chắn các khu vực phát sinh bụi và dùng xe tưới nước để rửa đường.

Xây dựng các nhà vệ sinh tạm thời phục vụ công nhân viên công trường xây dựng, có những biện pháp chống gây ô nhiễm với môi trường xung quanh.

Việc vận chuyển chất thải phải sử dụng các hộp gen, thùng chứa có nắp đậy kín và phải được vận chuyển đi ngay trong ngày, tránh ùn tắc tồn đọng trên công trường, làm rơi vãi vào mương gây tắc nghẽn dòng chảy.

Các chất thải sinh hoạt: do cán bộ và công nhân xây dựng thải ra, các chất thải rắn trong quá trình thi công xây dựng cần được tập trung tại bãi chứa quy định, sau đó sẽ được thu gom chở đi xử lý theo quy định về hạ tầng kỹ thuật và các chỉ tiêu đã được xác lập trong quy hoạch chung.

Các yêu cầu quản lý quy hoạch xây dựng trong quá trình khai thác sử dụng. Khi dự án đi vào hoạt động, các tác động đến môi trường chủ yếu là các tác động tích cực.

Tuy nhiên cần có các biện pháp để hạn chế các tác động tiêu cực có thể phát sinh, ảnh hưởng đến môi trường:

Rác thải được thu gom phân loại tại nguồn, tập kết các thùng rác quy định, thu gom và mang đi hàng ngày bằng hệ thống thu gom rác thải của khu vực.

Cần có giải pháp kiến trúc bên ngoài và bên trong công trình đối với những nhà gần đường giao thông chính để giảm tiếng ồn và khói bụi do phương tiện giao thông gây ra.

Nghiêm cấm các phương tiện tham gia giao thông bấm còi bừa bãi trong khu vực, tránh làm ảnh hưởng đến cuộc sống người dân.

Bố trí các xe chuyên dụng để tưới rửa đường trên những trục đường chính trong khu vực. Nghiêm cấm các xe chở vật liệu, phế thải không che đậy kỹ khi đi vào khu vực này. Đảm bảo một môi trường trong lành.

Có giải pháp kỹ thuật kết hợp mỹ quan để làm giảm mức độ ô nhiễm của trạm bơm nước thải.

Rác thải và nước thải bệnh viện, khu công nghiệp phải được thu gom, xử lý riêng theo quy định hiện hành.

Đối với các hộ sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất sẽ có chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng giải quyết hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo công ăn việc làm mới, ổn định đời sống.

Nội dung cụ thể trong Quy định quản lý kèm theo thuyết minh tổng hợp đề án này.

PHẦN 10- KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đồ án đã đưa ra các giải pháp quy hoạch phù hợp với các định hướng của Quy hoạch tỉnh Bình Định và các định hướng phát triển của huyện Phù Mỹ, xã Mỹ An và các khu vực mở rộng.

Xây dựng cấu trúc phát triển đô thị dựa trên bảo tồn các giá trị làng xóm, cảnh quan, văn hóa, tự nhiên của khu vực.

Hình thành nên môi trường sống hiện đại, hấp dẫn, đồng bộ về cơ hạ tầng kỹ thuật, không gian xanh đa dạng gắn kết với địa hình tự nhiên tại khu vực. Giải quyết các nhu cầu về việc làm tại địa phương.

Quy hoạch chung xã Mỹ An được lập trên nguyên tắc quy hoạch bền vững về môi trường, kinh tế, xã hội. Trong đó yếu tố không gian xanh được đặc biệt coi trọng, đảm bảo cự ly tiếp cận thuận lợi với cơ sở hạ tầng xã hội, giao thông công cộng.

Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tiện ích đô thị được đầu tư xây dựng với công nghệ hiện đại gắn với yếu tố môi trường để hình thành nên đô thị nằm trong công viên, đô thị xanh. Các giải pháp kỹ thuật đô thị cũng đảm bảo giữ được tối đa đặc điểm hiện trạng địa hình, cảnh quan tự nhiên hiện có tại khu vực.

Quy hoạch đưa ra các quy định kiểm soát phát triển cụ thể cho từng khu vực là cơ sở để lập các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư.

2. Kiến nghị

Trên đây là nội dung đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ An đến năm 2035, kính đề nghị Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Phù Mỹ thẩm định, trình UBND huyện Phù Mỹ phê duyệt để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.